DOHAMIDE
DOROHIEM

ân-tộc Chàm
lược sử

Tựa của NGHIÊM-THẨM
Nguyên Giám-đốc Viện Khảo-Cổ
Giáo-Sư tại Đại-Học Văn-Khoa Saigon
và Đại-Học Vạn-Hạnh

★ *Kính dâng Cha Mẹ.*

D.H.M

D.R.H

Từ kho sách xưa của Quán Ven Đường

DOROHIÊM
Tốt-Nghiệp Thủ-Khoa
Ban Cao-Nguyên
Học-Viện Quốc-Gia Hành-Chánh

DOHAMIDE
Tốt-Nghiệp Thủ-Khoa Ban Cao-Nguyên
Ban Hành-Chánh
Học-Viện Quốc-Gia Hành-Chánh

DÂN-TỘC CHÀM
LƯỢC-SỬ

IN LẦN THỨ NHỨT
1965

TỰA

Của **NGHIÊM-THẨM**
Nguyên Giám-đốc Viện Khảo-Cổ
Giáo-Sư tại Đại-Học Văn-Khoa Saigon
và Đại-Học Vạn-Hạnh

ỌC LỊCH-SỬ VIỆT-NAM, *ta thấy luôn-luôn nói đến một dân-tộc trước đây ở những miền đồng-bằng của Trung-Việt, đã từng nhiều lần đem quân tới đánh phá các tỉnh ở phía Bắc Trung-Việt và có khi quân-đội đó tới phá cả thành Thăng-Long nhiều lần vào hồi cuối thế-kỷ XV.*

Dân-tộc đã có một quá-khứ hùng-mạnh đó là dân-tộc Chàm.

Người Chàm lập quốc từ năm 192, hồi đó nước Việt-Nam còn đang bị người Trung-Hoa đô-hộ. Đó là nước Lâm-Ấp. Đến thế-kỷ thứ VIII, ta thấy sử Trung-Hoa dùng danh-từ Hoàn-Vương để chỉ Vương-Quốc của người Chàm. Và từ cuối thế-kỷ thứ IX, ta thấy Vương-Quốc Chàm được gọi là Chiêm-Thành.

Người Chàm chịu ảnh-hưởng rất sâu-sắc của tôn-giáo và học-thuật của Ấn-Độ. Hiện nay từ Quảng-Nam vào đến Phan-Thiết, ta còn thấy nhiều tháp xây bằng gạch, rất đồ-sộ còn đứng vững. Đó là những kiến-trúc tôn-giáo của đạo Bà-La-Môn hay của đạo Phật. Có những tháp đã được xây cất từ hơn một nghìn năm nay, từ thế-kỷ thứ VII. Tháp xây sau hết là ở thế-kỷ XVII. Ngay từ thế-kỷ thứ IV, ta đã thấy những bia do các vua Chàm dựng lên. Những bia này dùng chữ Phạn (Sanskrit) và cả chữ Chàm cổ nữa. Những bia, những tháp là những di-tích của người Chàm. Những tài-liệu đó chứng tỏ là ngay từ hồi lập quốc người Chàm đã là một nước chịu ảnh-hưởng của văn-minh Ấn-Độ. Những kiểu tháp không kiểu

nào hoàn-toàn giống nhau, là những công-trình kiến-trúc của một dân-tộc có một nền văn-minh rất cao và của một nước cường-thịnh. Viện Bảo-Tàng Đà-Nẵng trưng-bày những tác-phẩm điêu-khắc của người Chàm. Có xem những pho tượng ở Viện Bảo-Tàng Đà-Nẵng, ta mới rõ được là mỹ-thuật của người Chàm khi trước đã đạt được trình-độ rất cao.

Từ xưa, đạo Bà-La-Môn đã là tôn-giáo chính. Cũng có thời Chiêm-Thành theo đạo Phật. Tại Đồng-Dương (Quảng-Nam) ta còn thấy di-tích một ngôi chùa thờ Phật rất lớn. Tại quận An-Phước gần Phan-Rang, cách đây vài năm có đào được vài pho tượng Phật. Từ một nghìn năm nay, đã có một số lớn người Chàm theo Hồi-Giáo.

Chiêm-Thành đã là một nước hùng-cường ở Đông-Nam Á-Châu từ hơn một nghìn năm nay. Nếu quân-đội Mông-Cổ sang xâm-chiếm Việt-Nam bị quân nhà Trần đánh thua thì ta cũng nên biết là quân-đội Mông-Cổ cũng đã chẳng gặp may đất trên Chiêm-Thành.

Nhưng từ năm 1471, sau nhiều cuộc chiến-tranh khốc-hại với Cambodge và với Việt-Nam, nước Chiêm-Thành đã bước sang giai-đoạn suy-vong.

Vì trong lịch-sử hai giống Chàm và Việt đã nhiều lần phải đụng-độ với nhau và nhất là từ thế-kỷ XV đến nay người Việt đã sống chung với người Chàm ở Trung-Việt nên chắc-chắn là giữa hai giống người đó, đã có nhiều ảnh-hưởng hỗ-tương. Ta có thể chắc-chắn từ Quảng-Nam vào đến Phan-Thiết, trong nhiều người Việt đều có pha máu Chàm Nếu ta nghiên-cứu kỹ thì ta sẽ còn thấy là văn-minh Việt-Nam đã chịu nhiều ảnh-hưởng của văn-minh Chàm. Âm-nhạc miền Trung đã chịu nhiều ảnh-hưởng của âm nhạc Chàm. Mỹ-thuật Việt-Nam cũng có chịu ảnh-hưởng mỹ-thuật Chàm. Những cổ-vật thời Lý (1009 1225) đào được ở di-tích

Đại-La (gần Hà-Nội) và ở chùa Vạn-Phúc, làng Phật-Tích tỉnh Bắc-Ninh chứng tỏ là mỹ-thuật Việt-Nam trong thời cực-thịnh đã chịu nhiều ảnh-hưởng của Chiêm-Thành. Ta không nên quên là các vua triều Lý, có mang thợ Chàm ra Bắc để xây-dựng các cung-điện ở kinh-đô Thăng-Long và nhiều chùa ở ngoài Bắc.

Lịch-sử và Văn-minh Chiêm-Thành đã được nhiều học-giả ngoại-quốc mà số đông là người Pháp nghiên-cứu tường-tận (1). *Nhưng những công-trình khảo-cứu bác-học đó hiện nay rất khó kiếm. Vì vậy nên chỉ một số ít người được biết đến.*

Cách đây đúng 30 năm, bà Vương-Khả-Lâm đã viết cuốn sách đầu tiên bằng tiếng Việt để nói về Chiêm-Thành (2). *Nhưng phải thẳng-thắn nhận-định đó chỉ là một cuốn sách rất sơ-lược.*

Trong mấy năm gần đây, một số các nhà trí-thức Chàm đã để tâm nghiên-cứu về văn-minh và lịch-sử Chàm. Đó là một công việc đáng được khuyến-khích.

Ta cần phải thu-thập rất nhiều tài-liệu ngay từ lúc này và như vậy thật ra đã là muộn rồi. Trong những khi đi khảo-sát về các cổ-tích Chàm, từ các kho-tàng của các vua Chàm, cho đến những tháp Chàm, từ Quảng-Trị đến Phan-Thiết, và trong khi đi sưu-tầm các tài-liệu về văn-minh và xã-hội Chàm ở các tỉnh Ninh-Thuận và Bình-Thuận, tôi đã may-mắn có dịp được gặn những vị bô-lão Chàm đã lớn tuổi, còn hiểu rõ nhiều phong-tục tập-quán xưa của người Chàm. Nhưng những vị lớn tuổi đó cũng chẳng còn sống được bao năm nữa. Vậy, bây giờ các bạn trí-thức Chàm

---

(1) Ta phải kể đến lên A. Cabaton, E. Aymonier, L. Finot, E. M. Durand, H. Parmentier, J. Leuba, G. Maspéro, J. Y. Claeys, G. Coedes, P. Mus, P. Stein, J. Boisselier.

(2) Bà Vương-Khả-Lâm tức Huỳnh-Thị Bảo-Hòa, Chiêm-Thành Lược-Khảo, Tựa của Ông Phạm-Quỳnh, Hà-Nội, Imprimerie Đông-Tây, 1936, 64 trang, có hình ảnh.

ở thế-hệ trẻ nên cố sưu-tầm các tài-liệu về lịch-sử văn-minh Chàm để ghi chép lại. Vì những tín-ngưỡng, những phong-tục tập-quán cổ dễ bị nền văn-minh cơ-giới của ngày nay làm mai một đi.

Trong số các nhà trí-thức Chàm, tôi có được biết Ông Dohamide, nguyên-quán ở Châu-Đốc, tốt-nghiệp Học-Viện Quốc Gia Hành-Chánh, là người để tâm nghiên-cứu về phong-tục người Chàm theo Hồi Giáo và lịch-sử Chàm.

Thấy cần phải có một cuốn lịch-sử Chiêm-Thành viết bằng tiếng Việt cho cả người Chàm và người Việt đọc nên Ông Dohamide, với sự cộng-tác của người em là Ông Dorohiêm, đã tra cứu các tài-liệu có giá-trị để viết cuốn sách này.

So-sánh với cuốn **Chiêm-Thành Lược-Khảo** *của Bà Vương-Khả-Lâm thì cuốn sách của Ông Dohamide viết về lịch-sử Chiêm-Thành đã là một tiến-bộ rất lớn.*

Vì không phải là một nhà sử-học chuyên-môn nên chắc chắn cuốn sách của Ông Dohamide không tránh khỏi những sự nhầm-lẫi nho-nhỏ. Nhưng tôi nghĩ đó không phải là lỗi tại Ông Dohamide đã thiếu thiện-chí và thiếu phương-pháp làm việc, nhưng chỉ tại các thư-viện ở Saigon quá nghèo-nàn nên ta không có đầy-đủ tài-liệu để tra-cứu. Vì ở trong nghề nên tôi thấy rõ sự khó-khăn đó.

Ta phải thẳng-thắn công-nhận là Ông Dohamide đã cố gắng rất nhiều để biên-soạn cuốn sách này. Tôi ước-mong cuốn lịch-sử Chàm của Ông Dohamide sẽ là cuốn sách mở đầu cho nhiều công-cuộc khảo-cứu về lịch-sử và văn-minh của người Chàm.

Ngày 20 tháng XI năm 1965
Saigon

NGHIÊM - THẨM

MỞ ĐẦU

Trải qua bao nhiêu tang-thương biến-đổi, người dân Chàm hiện hợp thành một khối thiểu-số công-dân Việt-Nam, sống tập-trung tại những thôn-ấp riêng, rải-rác ở các Tỉnh : Ninh-Thuận, Bình-Thuận, Tây-Ninh, Châu-Đốc...

Như mọi dân-tộc khác, người dân Chàm có một nguồn-gốc, một lịch-sử đấu-tranh, một nền văn-hóa.

Tuy-nhiên, khung-cảnh cũ không còn nữa.

Vương-Quốc Champa tức Chiêm-Thành, ngày nay chỉ còn là một thứ hư-ảnh bị chôn sâu trong một quá-khứ phũ-phàng.

Một số di-tích mà phần lớn là những đền tháp điêu-tàn còn lưu lại trên mảnh đất cũ, thuộc miền Trung Việt-Nam, bây giờ chỉ còn là chút dấu-vết oai-hùng của các bậc tiền-nhân một thời oanh-liệt.

Hoạn-nạn dồn-dập đã tàn-phá đất Chàm, không còn để một cái gì nguyên-vẹn, ngay cả con người.

Cho đến mãi những năm gần đây, một số chuyên-viên cổ-học, sử-gia Tây-Phương, do nhu-cầu của bộ máy thống-trị, mới hợp lực ra công khai-quật, làm sống lại — ít nữa cũng một phần trong sách vở — những điều vẫn tưởng đã bị vùi luôn dưới lớp đất.

Từ những khám-phá lẻ-tẻ về cổ-học của H. Parmentier, P. Pelliot, M. Colani, L. Finot..., *các tác-giả như* G. Maspero, G. Cœdès, J. Leuba... *đã lần hồi giả-thiết gây-dựng lại được các sự-kiện lịch-sử Champa sau khi đã so-chiếu tài-liệu, thỏa-hiệp xác-định các niên-hiệu cùng vị-trí các thành-phố cũ của người Chàm.*

Những công-trình khảo-cứu kể trên hầu hết đều viết bằng Pháp-ngữ một số đăng trong các tập Excursions et Reconnaissances, *trong các tập kỷ-yếu của Trường Viễn-Đông Bác-Cổ v.v..., được lưu giữ một ít tại Viện Khảo-Cổ, Viện Bảo-Tàng, Thư Viện..., tức những nơi mà những ai ở Saigon hoặc phải có chút vốn-liếng Pháp-ngữ mới có thể lui tới tìm đọc được.*

Không nói đến các hàng sách, mà ngay tại Thư-Viện Quốc Gia chẳng hạn, mặc-dù phiếu sách vẫn còn đó, dường như người ta không còn tìm đâu ra được quyển Le Royaume de Champa *của* G. Maspero *hay* Un Royaume disparu *của* J. Leuba..., *để mà hiểu người Chàm.*

Lịch-sử Chàm do đó không được nhiều người biết một cách cặn-kẽ, và qua mười mấy thế-kỷ lập quốc, rồi lớn mạnh, rồi suy-vong của Vương Quốc Chàm, họa chăng người ta chỉ còn nhớ đến hình ảnh mù-mờ của một Chế-Bồng-Nga vũ-dũng, hoặc là câu chuyện tình của một Huyền-Trân Công-Chúa, từ Đại-Việt được đưa sang đất Chàm...

Người ta cũng không lấy gì làm ngạc-nhiên khi ngay cả thế-hệ thanh-niên Chàm mới trưởng-thành sau nầy, mang tiếng là gốc Chàm, vẫn còn nói tiếng Chàm, nhưng nếu có người hỏi về lịch-sử Chàm, thì cũng chẳng biết đưa ra một cái gì đáng kể, ngoài những câu chuyện cổ, ngày càng nặng chi-tiết hoang-đường, do các bô-lão kể lại.

Hơn một lần, chúng tôi đã phải băn-khoăn trước câu hỏi ngay tình của các bạn thân, vì không biết đáp sao cho gọn trước những thành-tích sáng-tạo vĩ-đại của người xưa, khi mà mình vẫn là người Chàm, nhưng xưa và nay cách-biệt nhau ngàn-trùng.

Vì những lý-lẽ đó, những điều trình bày ở những trang sau đây xin được tiếp-nhận như tiêu-biểu một thiện-chí, một tấm lòng của một thanh-niên Chàm, tự đặt vào một lãnh-vực không thuộc chuyên-môn của mình, thử lần bước đi tìm nguồn, để một phần nào, nói lên ý-nghĩa của một danh-từ **Chàm** *gây thông-cảm, trong hoàn-cảnh hiện tại.*

Tập sách nhỏ nầy, đúng ra, chỉ là kết-quả của việc sưu-tầm, đối-chiếu và tổng-hợp các tài-liệu Pháp-ngữ, diễn-dịch ra Việt-ngữ, về những sự-kiện lịch-sử Chàm, với mục-đích chánh-yếu tìm-hiểu cùng để nhiều người biết những gì đã được các nhà cổ-học, sử-gia soi sáng và trong khi chưa có sách Việt bàn đến.

Trong muôn ngàn sự việc đã xảy ra và đã được ghi lại, dầu dưới hình-thức nào, chỉ có những sự thực khách-quan mới có giá-trị vĩnh-cửu.

Chúng tôi mong và tin rằng các bậc cao-minh sẽ vui lòng giúp bổ-chính những thiếu-sót cùng những lỗi-lầm của tập sách nầy. Xin đa tạ.

Tháng 7 năm 1965
Saigon

DOHAMIDE
DOROHIÊM

CHƯƠNG THỨ NHỨT

Champa và Dân-tộc Chàm

ÔNG - TRÌNH khảo - cứu của một số tác-giả cổ-học Tây - Phương đã đưa ra ánh-sáng một số lớn di-tích tiền-sử liên-hệ đến Champa, trong đó đáng kể nhứt là ở Quảng-Bình, Quảng-Nam, Quảng-Ngãi, Phan-Rang và vùng Biên-Hòa.

Tại Quảng-Bình, người ta đã tìm thấy những hình vẽ khắc trên đá (1), thuộc Tân thạch-khí thời-đại, chứng-minh sự hiện-tồn của một dân-tộc pha giống « Mê-la-nê-xiêng » và « In-đô-nê-xiêng », không chuyên nghề nông, sống trong vùng đất xấu và nhà cửa làm trong hang động.

---

(1) COLANI, Recherches sur le Préhistorique indochinois, BEFEO, XXX, p. 299 et 413.

Quảng-Bình còn có Thành-Lồi, hình vuông mỗi bề 200 thước, vách đất dày lối 5 thước và 2 hoặc 3 thước ở trên cao, chung quanh có đào hào rộng vào khoảng 15 thước, là cơ-sở của người Chàm ngày trước.

Di-tích Quảng-Trị *(Gio-Linh, Vĩnh-Linh)* đặc-biệt hơn cả Vùng Gio-Linh có một số kiến-trúc bằng đá, nhiều hồ chứa và một hệ-thống dẫn thủy theo một quan-niệm hết sức đặc-biệt, tiêu-biểu một nền văn-hóa đã phát-triển.

Di-tích Quảng-Ngãi, Sa-Huỳnh (1) bao gồm 2 mộ-địa trên một ngọn đồi với nhiều bộ xương được chôn với nhiều đồ vật, nhiều cái chum bằng sành, rất dễ bể và chỉ đun ở bên ngoài, còn bên trong có đựng các đồ gốm kiểu khác nhau, đồ trang-sức như hoa tai chẳng hạn cùng một số vật-dụng bằng sắt, đồng. Cạnh Sa-Huỳnh, còn một gian phòng vuông dài, hướng về phía Đông, vách thẳng đứng, xây với những phiến đá to, tô chạm bằng những viên đá nhỏ.

Tại Bình-Định (2) cũng có một số mộ-địa như ở Sa-Huỳnh.

Mọi đồ vật tìm được tại các địa điểm trên khiến người ta nghĩ rằng trước kia, tại vùng đất nầy có một nền văn-minh riêng biệt, có lẽ đã có sau Tân thạch-khí thời-đại và phương-thức chôn người tại các mộ-địa trên là một trong những đặc-điểm chính.

Các di-tích vừa kể không cho biết được niên-hiệu chính xác, nhưng ít ra cũng chứng-tỏ sự hiện-hữu của một nền văn-hóa trước khi vùng đất nầy chịu ảnh-hưởng văn-minh Ấn-Độ.

---

(1) H. PARMENTIER, Notes d'archéologie indochinoise, VII : Dépôts de jarres à Sa-Huỳnh, BEFEO, XXIV, p. 325.

(2) COLANI, Chronique, BEFEO, XXXIV, p. 755.

Theo J. Boisselier (3), những di-tích ở phía Nam vùng Hoành-Sơn đều hoàn-toàn biệt-lập đối với nền văn-hóa Đồng-Sơn ở phía Bắc, sự tương-đồng của một vài tự-dạng trên các đồ gốm Sa-Huỳnh đối với nền văn-hóa Đồng-Sơn không đáng kể. Và như vậy, là cuộc trao đổi văn-hóa đã sắp sẵn dãy Hoành-Sơn là biên-giới Bắc của người Chàm ngay từ thời nguyên-sử.

Nhưng xét vị-trí của Lâm-Ấp, B. P. Groslier (4) cho rằng người Chàm cũng gốc người In-Đô-Nê-Xiêng, giống người đã tạo nên nền văn-hóa Đồng-Sơn và nền văn-hóa Chàm chính là do sự dung-hợp giữa văn-hóa Đồng-Sơn và các ảnh-hưởng trội-yếu từ phía Ấn-Độ.

Suôi vào Nam, người ta gặp di-tích Châu-Rê, cách Phan Rang 6 cây số và chính là thành Pânduranga, sau nầy sẽ giữ vai trò tối trọng trong lịch-sử Chàm. Một số bằng chứng đã khiến người ta có thể đoán quyết rằng trước kia, vùng đó có một hải-cảng đã được các thương-giới Trung-Quốc lui tới dưới thời nhà Đường và cả đến đời nhà Tống, tức vào những năm đầu thế-kỷ VII hoặc trước nữa.

Gần Biên-Hòa, người ta còn khám-phá ra di-tích ở Cù-Lao Rùa (1) và Xuân-Lộc (2) ngăn cách với Pânduranga bằng những ngọn núi cao chỉ thông-thương bằng một dãy đất hẹp duyên-hải, đồi cát trắng.

---

(1) Cdt GROSSIN, Note sur une fouille faite dans l'Ile de Cu-Lao Rùa près de Biên-Hòa, BEFEO, II, p. 282.

(2) H. PARMENTIER, Vestiges mégalithiques à Xuân-Lộc, BEFEO, XXVIII, p. 479.

(3) J. Boisselier, La Statuaire du Champa, trang 13.

(4) B. P. GROSLIER, Indochine, Carrefour des Art, Paris, Ed. Albin Michel, trang 30, 63.

Nói chung, rải-rác từ dãy Hoành-Sơn ở Bắc cho đến Biên Hòa là ranh-giới Nam, vị-trí các di-tích kể trên cho người ta một khái-niệm đầu tiên về khoảnh đất sinh-sống ngày xưa của dân-tộc Chàm.

Một bên là dãy Trường-Sơn thăm-thẳm, một bên là biển Nam-Hải bao-la, dãy đất Chàm ngày xưa chỉ có những vùng thung lũng hẹp, chạy dài đến những chân đèo hiểm-trở, thiếu phương-tiện giao-thông thuận-tiện, thiếu cả những cánh đồng-bằng để trồng lúa nuôi sống con người.

Trong buổi đầu, Vương-Quốc Chàm có hai thành-phố chính :

1) — Kinh-Đô ở vùng Trà-Kiệu *(Quảng-Nam)*.

2) — Một thành-phố mà người Tàu gọi là Khu-Túc, nằm về phía Bắc, gần thành-phố Huế bây giờ.

Khu-Túc chính là một đồn lũy quân-sự của người Chàm, bao quanh bằng một vòng thành bằng gạch, có lối 13 cửa, trong đó có cất lối 2.100 ngôi nhà.

Theo J. Leuba, bức thành kể trên có lẽ chỉ được xây vào thế kỷ IV, vì lẽ chỉ đến thế-kỷ nầy, người Chàm mới biết kỹ-thuật đắp đồn lũy.

Trải qua những cuộc chiến-đấu chống người Tàu, chống người Việt, chống quân Khơ-Me, người Chàm đã nỗ-lực giành lấy dãy Hoành-Sơn ở phía Bắc làm biên-giới thiên-nhiên, để tổ-chức đất nước thành những quản hạt :

— Amarâvati *(Quảng-Nam).*

— Vijaya *(Bình-Định).*

— Kâuthara *(Nha-Trang).*

— Pânduranga *(Phan-Rang).*

và đặt kinh-đô chánh yếu tại thành Đồ-Bàn.

Thành Đồ-Bàn với tên Chàm là Vijaya, tục gọi là « Thành-Cũ » nằm trên gò đá ong của 2 thôn Bắc-Thuận và Nam-Tân, quận An-Nhơn, thuộc địa-phận tỉnh Bình-Định *(Trung-Nguyên Trung-Phần Việt-Nam bây giờ)*, nằm giữa một cánh đồng phì-nhiêu, hình cái thoi, mỗi đường nối góc chừng 30 cây số, Bắc Tây Nam đều có núi án-ngữ, chỉ phía Đông là trực tiếp với vũng nước mặn, thông ra biển bằng cửa Thị-Nại.

Nhà cổ-học H. Parmentier cho biết, thành còn di-tích xây hình chữ nhựt, Đông Tây 1.100 thước, Nam Bắc 1.400 thước, với trung tâm điểm là Tháp Cánh-Tiên *(Tour de Cuivre)*, tức Tháp-Đồng *(ngọn Tháp mà sau này sẽ chứng-kiến cái chết oai-hùng của 2 liệt-sĩ Việt-Nam : Võ-Tánh và Ngô-Tùng-Châu).*

Sau bao phen làm mục-tiêu cho các cuộc xâm-nhiễu của ngoại-bang, thành Đồ-Bàn sụp đổ, hoang-phế, cho đến ngày nay chỉ còn là dãy gò trống, có nơi thành những thửa ruộng, bày ra lác-đác những bức chân tường đổ nát, màu đỏ sẫm tang-thương, tượng-trưng một cái gì còn lưu lại, sau những sóng gió của đất nước Chàm.

Vương-Quốc Chàm còn nổi danh với rất nhiều đền tháp, hầu hết đều xây bằng gạch và trước đã chứa đựng rất nhiều vàng ngọc châu báu.

Theo cổ-lệ, mỗi đền tháp đều mang một tên riêng để tưởng niệm một bậc công-thần vua chúa nào đó, một ít bức tượng, một vài tấm bia khắc ghi rõ danh-tánh vị vua đã kiến-tạo.

Ngoài phần chánh-diện, mỗi đền tháp còn có một số tài-sản làm ra huê-lợi dùng cho việc trùng-tu ngôi đền. Đôi khi còn gồm có một làng có cả vựa lúa, hệ-thống tăng-lữ, vũ-nữ cùng cả đoàn nhân công phục-dịch.

Kỹ-thuật kiến-trúc độc-đáo hợp cùng mỹ-thuật tinh-xảo còn hiển-hiện trên các đền tháp cùng những bức tượng, tiêu-biểu cho khả năng sáng tạo của người Chàm ngày trước.

Theo cuộc khảo-sát năm 1951 của hai bác-sĩ Georges Olivier và Henri Chagnoux (1) căn-cứ vào hình-dáng, thân-thể, loại huyết... thì người Chàm có những đặc-tính khác biệt với các nhóm nhân chủng khác.

Về phương-diện nhân-loại-học cũng như văn-hóa, người Chàm thuộc giống « In-đô-nê-xiêng » có điểm thêm một vài sắc-thái Tây Phương, có lẽ do sự hòa-hợp với giống người miền Nam Ấn-Độ. Mặc-dù văn-hóa khác biệt Việt-Nam, người Chàm cũng một phần pha giống Mông-Cổ. Người ta nói đây là một dân-tộc nằm ở ranh giới phân chia giống da ngâm-ngâm và giống da vàng.

Lịch-sử sẽ giải-thích và xác-nhận sự pha giống của người Chàm, trước tiên là những người « In-đô-nê-xiêng » bị Ấn-Độ hóa, để rồi sau đó hòa cùng giống Mông-Cổ.

Về phương-diện ngôn-ngữ, người Chàm có những liên-hệ mật-thiết với sắc dân **Atjeh** thuộc miền Bắc Sumatra (*In-đô-nê*

---

(1) G. OLIVIER et H. CHAGNOUX, Anthropologie physique des Chams, B.S.E.I., XXVI, n° 3, pp. 272-316.

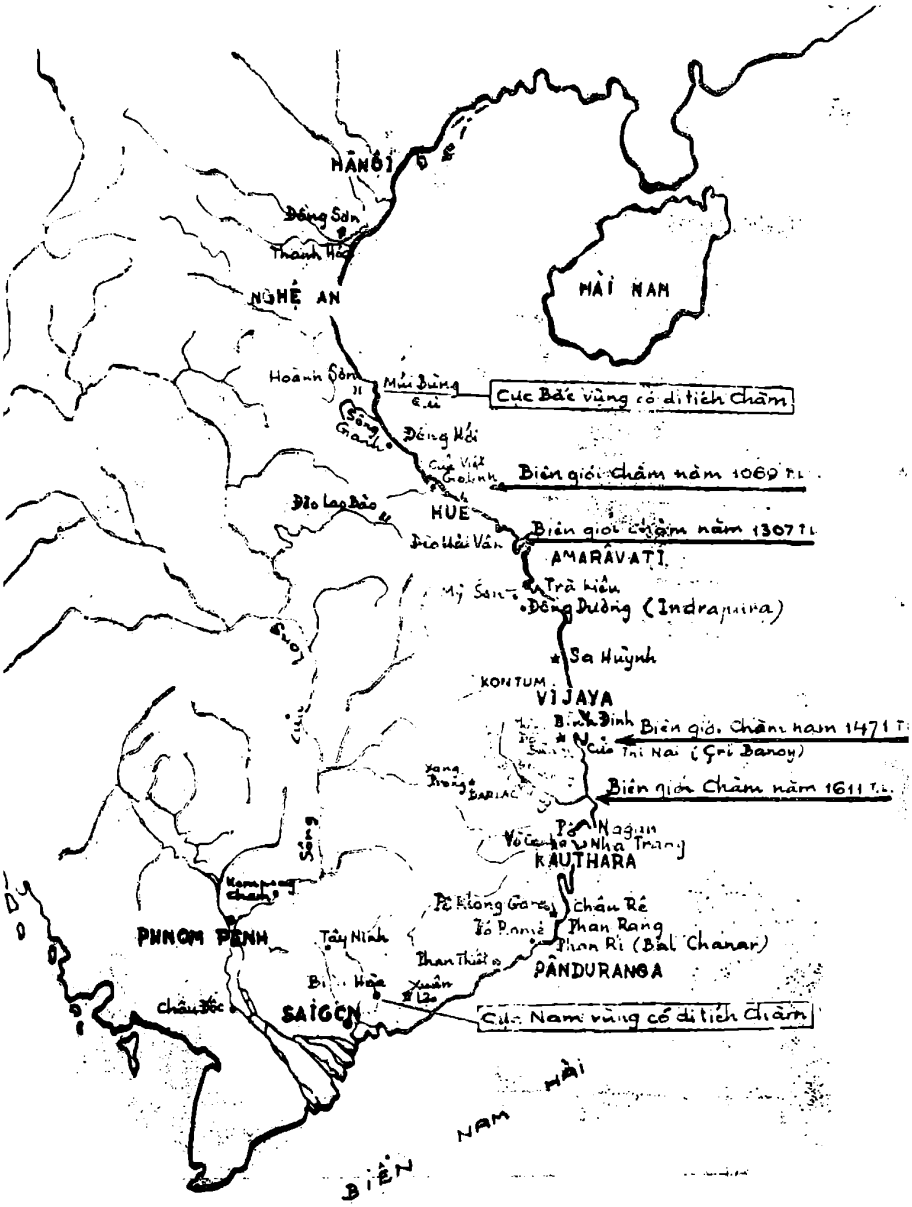

Bản-đồ Việt-Nam
và vị-trí các di-tích lịch-sử Chàm

Một ngôi đền Chàm tại Mỹ-Sơn
Hoang-tàn dưới những lớp cây, cỏ.

xia) và được sắp vào nhóm **Malayo-Polynésien** tức cùng nhóm với một số dân-tộc Cao-Nguyên miền Nam như Ra-đê, Gia-rai, Ro-glai, Bih, Chu-ru, Hroy, Noang...

Vì các sắc dân kể trên cùng dùng một tiếng nói có rất nhiều từ ngữ trùng-hợp, thông-cảm với nhau tương-đối dễ dàng, nên có người phỏng-đoán rằng các sắc dân nầy trước kia có lẽ là người Chàm đã bị nạn chiến-chinh lần hồi dồn lên miền núi, phân-tán trong các miền hiểm-trở rồi tự cô-lập với bên ngoài và sống theo một hướng riêng của nhóm.

Phỏng-đoán nầy, nếu có những bằng-chứng cụ-thể xác nhận đối với người Ro-glai mà người Chàm gọi là **O-rang-glai** tức người miền rừng, thì ngược lại, dường như không được đúng lắm đối với các sắc dân khác.

Có một điều chắc-chắn là những sắc dân kể trên mang rất nhiều ảnh-hưởng Chàm trong sinh-hoạt văn-hóa và trong lịch-sử, chính người Chàm đã giữ vai tuồng quan-trọng trong tổ-chức hành chánh và xã-hội các sắc dân miền núi.

Các tác-giả Hoa-Kỳ đã phân chia người Chàm thành hai nhóm (1) :

1) — Nhóm Chàm miền đồng bằng *(low land)*.

2) — Nhóm Chàm Cao-Nguyên *(up land)*.

Trong nhóm Chàm Cao-Nguyên nầy, người ta kể các sắc dân : Ra-đê, Rai, Ro-glai, Noang, Krung, Gia-rai, Chu-ru, Bih, Hroy.

Trong lịch-sử, người Chàm thường có tiếng hung-bạo và rất gan dạ. Sống trên dãy đất hẹp miền duyên-hải, giữa những dãy núi

---

(1) Frank. M. LEBAR, Gerald C. HICKEY, John K. MUSGRAVE, Ethnic Groups of Mainland Southeast Asia, tr. 245 và kế tiếp.

cao vòi vọi, phần lớn người Chàm là những thủy-thủ cang-cường, thường phải đi đến nước ngoài tìm những gì không có ở nước họ.

Dài theo thế-kỷ, họ đã tiến lên xâm-nhiễu những vùng giàu có phía Bắc và miền đồng bằng Cam-Bốt. Với những chiến-thuyền nhẹ lướt trên sóng biển, họ tấn-công các thương-thuyền từ Trung Quốc đi ngang qua Chiêm-Thành, nhưng họ không chỉ sống về nghề cướp biển, họ vẫn biết khai-thác mầu mỡ của vùng đồng bằng hiếm-hoi của họ và chính tại vùng Phan-Rang, Phan-Rí, Phan-Thiết ngày nay, người ta vẫn còn tìm được, tại những vùng đất hoang, dấu vết của một hệ-thống dẫn thủy rất đầy đủ, chứng tỏ người Chàm đã có một trình-độ hiểu biết sâu rộng về nghề nông.

Họ cũng khai-thác những đám rừng bao-la của họ, những hương trầm của họ được ưa thích trên thị-trường.

Người Chàm cũng tỏ ra khá tinh-xảo về thủ-công-nghiệp, họ dệt chiếu bằng lá dừa và vấn giây thừng, giây luộc rất khéo. Đàn bà thường dệt vảivà lụa, một số kho tàng còn lưu lại của nhiều ông vua ngày xưa có nhiều kỷ-vật bằng vải, bông hoa rất đặc-sắc ; họ đã xen lẫn vào chỉ lụa, những chỉ vàng và tạo thành những hình vẽ phức-tạp chứng tỏ một kỹ-thuật tinh-vi.

Các cuộc tế lễ đều có kèm theo nhạc ; nhạc Chàm, cũng như thi-phú, rất dồi-dào âm-điệu và đã diễn-tả tâm-trạng con người và tập-thể theo từng giai-đoạn lịch-sử.

Một số tượng hình còn gợi lại hình-ảnh các vũ-công, những bàn tay dịu-dàng, những tấm thân uyển-chuyển, bên những chiếc sáo, trống, đàn...

Ngày xưa, văn-chương thi-phú người Chàm đều dùng Phạn-ngữ và tại nhiều tấm bia, một vài ông vua đã thừa dịp ghi lại những hiểu biết sâu rộng của mình về mỹ-từ Phạn-ngữ.

Theo E. Aymonier, Phạn-ngữ dùng trong các bia khắc vào thời-kỳ mới lập quốc đá theo một thể-văn chính-xác như tại Ấn-Độ. Nhưng lần lần thể-văn nầy có nhiều thay đổi và tự tạo lấy những đặc-tính riêng của dân-tộc Chàm.

Trong giới bình-dân, có một thứ chữ gọi là **Khâr-Tapuk** cũng viết từ trái sang phải nhưng có lẽ chỉ xuất-hiện về sau nầy và hiện vẫn còn được người Chàm sử-dụng.

Một số thi-phú cổ ghi trên những thẻ lá buôn, chồng chất lên nhau đã dùng thứ chữ nầy và hiện là của gia-bảo của một số gia-đình Chàm.

Người ta được biết vào lúc những cuộc di-cư vĩ-đại thời tiền-sử của giống « Mê-la-nê-xiêng », « In-đô-nê-xiêng » và Úc-Á vừa chấm dứt và khi mà các địa-phương đã có định-cư những sắc dân riêng của mình thì văn-hóa Ấn-Độ thời cổ cũng vừa bao trùm được một vùng rộng lớn ở Viễn-Đông, trong đó, có In-đô-nê-xia, Mã-Lai, Phù-Nam *(sau nầy là Cam-Bốt)*, Lâm-Ấp *(sau nầy là xứ Chàm)*.

Do đó, dân-tộc Chàm từ những thế-kỷ đầu Tây-lịch, đã thấm nhuần văn-minh Ấn-Độ ; bia khắc Võ-Cạnh *(vùng Nha-Trang)* viết bằng Phạn-ngữ đã dùng một ngữ-pháp điêu-luyện chứng tỏ sự xâm nhập của nền văn-minh nầy, ở một mực-độ khá cao.

Do ảnh-hưởng Ấn-Độ, tôn-giáo chính yếu của người Chàm là Ấn-Độ giáo (1) *(nhưng đôi khi có pha trộn Phật-Giáo)*, thờ các vị thần Brahma, Visnu, và Çiva cùng các Çakti tức các người vợ của 2 vị-thần sau cùng. Tình-trạng nầy được nhận rõ ở các đền tháp còn lưu lại đến ngày nay.

---

(1) Xem NGHIÊM-THẦM : Tôn-Giáo của người Chàm tại Việt-Nam, Quê-Hương 33, 34, 1962.

Ngoài ra, cũng có một số thần địa-phương được sùng bái như Yan Pu Nagara chẳng hạn, có lẽ người ta đã mượn phương thức tôn thờ cũ, dưới một hình-thức mới.

Bên cạnh Ấn-Độ giáo còn có Hồi-Giáo, nhưng Hồi-Giáo đã xâm-nhập Champa lúc nào, hiện chưa có câu trả lời dứt-khoát.

Ed. Huber đã tìm được trong Sử nhà Tống một công-thức tựa hồ như « Allahu Akbar » của Hồi-Giáo *(câu kinh thông-dụng của Hồi-Giáo đề-cao Thượng-đế Allah)* trong đoạn văn : « *Cũng có* (nói người Chàm) *nhiều trâu ở trên núi, nhưng người ta không dùng để cày bừa mà chỉ để tế thần. Khi giết một con trâu, người ta phải đọc :* **« A la hòa cập bạt »** (阿羅和及拔).

Vịn vào đó, người ta suy-đoán là hồi đời nhà Tống, đã có người Chàm theo đạo Hồi-Giáo. Một bi-ký năm 1039 và lối giữa năm 1025, 1035 tìm lại được, cũng chứng-minh, tại vùng Phan Rang, Phan-Rí, đã có người Hồi-Giáo từ giữa thế-kỷ thứ X. Nhưng người ta tự hỏi tại sao mãi đến thế-kỷ thứ X, trong khi đó, thuyền buôn Á-rập vẫn thường lui tới ngang qua bờ biển Đông Dương ? Người ta đoán có lẽ là do khí-hậu, giặc cướp và nhứt là thiếu những hải-cảng thuận-tiện. Điều chắc-chắn là Hồi-Giáo chỉ phát-triển mạnh nhờ những quan-hệ ngoại-giao giữa Chiêm Thành với miền Tây In-đô-nê-xia ở những thế-kỷ sau nầy.

E. Aymonier (1) có chép lại một truyện truyền-kỳ lịch-sử Chàm về một Ông Vua tên Pô Ovloah *(Allah)* trị-vì từ 1000 đến 1036, và có đi hành-hương tại Mecca *(Á-rập)* Thánh-Địa Hồi-Giáo (2). Người ta nhận thấy ở đây Thượng-Đế Allah của Hồi-Giáo đã được giới bình-dân Chàm đồng-hóa với một nhà lãnh-đạo

(1) E. AYMONIER, Légendes historiques des Chams, Excursions et Reconnaissances, XIV, p. 153.

(2) Một trong năm nghĩa-vụ chính-yếu của tín-đồ Hồi-giáo.

xã-hội, có lẽ do tinh-thần mộ đạo quá cao, nên đã xem như Thượng-Đế vậy.

Hiện nay, hai phần ba người Chàm còn lưu lại miền Trung Việt-Nam theo đạo Bà-la-môn, còn lại một phần ba và tất cả những người Chàm ở Cam-Bốt, cùng định-cư tại tỉnh Tây-Ninh, Châu-Đốc đều theo đạo Hồi-Giáo.

Ảnh-hưởng Ấn-Độ, xã-hội Chàm cổ được chia làm 4 hệ cấp, giá-trị theo thứ tự :

1) Bà-la-môn.

2) Ksatriya.

3) Vaiçya.

4) Cudra.

Mặc-dù có sự phân chia chánh-thức đó, một người đàn bà thuộc gia-đình quý-tộc vẫn còn có thể cưới một người chồng ở cấp dưới, một sự phân chia thị-tộc tự-nhiên dường như đã tạo thành một sức đề-kháng, trước hệ-thống ảnh-hưởng Ấn-Độ kể trên.

Mỗi thị-tộc ở trong cùng một họ và có vật tổ riêng của mình.

Tập-tục có lưu-truyền 2 thị-tộc nổi bật nhứt ở Vương-quốc Chàm ngày xưa, trong truyện thần-thoại, là Dòng cây cau, **Kramukavamça** và Dòng cây dừa **Narikelavamça.**

Người ta kể rằng bên cạnh Hoàng-Cung Chàm có một cây cau trổ bông to một cách khác thường, nhưng đến thời-kỳ thành trái mà chờ mãi không thấy có, nhà Vua bèn sai kẻ cận-thần trèo lên xem trên buồng cau có chi lạ và chặt buồng cau đem xuống.

Nhà vua liền cho bửa buồng cau ra thì bỗng thấy hiện hình một đứa bé hết sức khôi-ngô. Nhà vua siết đỗi vui mừng và đã đặt cho đứa bé tên Raja Pô Klong.

Vua truyền cho nhiều người vú đến cho đứa bé bú, nhưng đứa bé không bú ; nhà Vua bèn cho vắt sữa con bò ngũ sắc của mình đem đến, đứa bé mới chịu. *(Sự-kiện đó giải-thích tại sao người dân Chàm không ăn thịt bò hoặc giết con bò).* Sau đó, bẹ cau đã biến thành cái chiêng và cái mộc, còn bề nhọn của cái bẹ thành cây gươm của nhà Vua Chàm. Khi lớn lên, Pô Klong cưới đứa con gái của Vua và khi vua mất thì kế-nghiệp và xây một « thành-phố rộng bao vòng cả bảy núi ».

Một thị-tộc khác, thuộc « Cây dừa » cũng xuất-hiện với một số sự-kiện tương-tự, nhưng ở đây, một trái dừa đã thay thế buồng cau kề trên.

Cả hai giòng Kramukavamça và Narikelavamça đã tranh giành ưu-thế trong nhiều thế-kỷ và sau những cuộc chiến đẫm máu, thì lại thuận-hòa với nhau. Dòng cây Cau làm bá-chủ ở trong Nam *(Pânduranga)*, còn dòng cây Dừa thì ngự-trị miền Bắc *(Indrapura)* Vương-Quốc Chàm.

Theo tập-tục người Chàm, quyền thừa-kế dựa theo dòng dõi của mẹ, nhưng quyền nối ngôi Vua thì phải theo dòng của Cha. Vị Thế-Tử mang tước Yuvarâja phải được một Hội-Đồng các vị đại-thần chấp-nhận, nhưng tập-tục nầy thường chỉ đem ra áp-dụng khi Vua không có thừa-kế chánh-thức và phải chọn một trong những Hoàng-Tử mà thôi. Trong lễ đăng-quang, Chiêm-Vương sẽ chọn lấy một danh-hiệu ; lễ đăng-quang nhiều khi không được tổ-chức ngay mà phải đợi mấy năm sau, như trường-hợp của Jaya Paramaçvaravarman lên ngôi năm 1220, chỉ làm lễ đăng-quang

năm sau tức 1227 và Jaya Simhavarman lên ngôi năm 1265 chỉ thụ lễ năm 1277 và lấy danh-hiệu là Indravarman VI.

Biểu-hiệu quyền-uy của nhàVua là chiếc lộng màu trắng và là một quyền-uy tuyệt-đối, tha giết theo ý muốn riêng của mình. Thời Phạm-Văn, quân-đội gồm từ 40.000 đến 50.000 người, nhưng về sau, nhất là dưới trào Chế-Bồng-Nga thì quân số tăng lên gấp bội.

Theo người Trung-Quốc thì người Chàm mãi đến 1171 mới có kỵ-binh, còn trước kia thì ngoài bộ-binh, chỉ có đoàn voi mà thôi. Ngựa, lừa là những con thú nhập-cảng từ bên ngoài vào đất Chàm. Trong khi sửa soạn cuộc chiến chống nhà Lý ở Đại-Việt, Vua Rudravarman III đã điều-đình với Trung-Quốc để mua ngựa, lừa xứ nầy.

Vũ-khí của người Chàm thường có mộc, lao, ná..., mũi tên làm bằng tre nhưng có tẩm thuốc độc. Quân lính được che-chở bằng một thứ áo giáp đan bằng mây và di-chuyển từng đoàn theo tiếng tù-và với trống. Họ tổ chức thành tổ 5 người và nếu trong tổ có một người trốn thì 4 người còn lại có thể bị tử-hình. Hải-đoàn gồm có thuyền trang-bị pháo-tháp và như người ta sẽ thấy sau nầy, trong nhiều trận đánh, Chiêm Thành đã đưa ra cả trăm chiến-thuyền để yểm-trợ bộ-binh. Các cấp Tướng-Tá được mang tước Mahanapâti và Senapâti và đều tuyên-thệ trung-thành với Vua cho đến chết.

Về tập-tục của người dân Chàm thời cổ, một sử-gia Trung Quốc thế-kỷ XIII là Mã-Đoan-Lâm (1) đã viết như sau :

« Dân-cư xây tường nhà bằng gạch đun, bao-bọc bằng một lớp vôi. Nhà cửa đều có sàn gọi là « Ka-Lan ». Cửa ra vào

---

(1) MA TOUAN LIN, Ethnographie des peuples étrangers à la Chine. Bản dịch của Hervey de Saint Denys, q. 1, Méridionaux, tr. 422-425.

thường hướng về phía Bắc đôi khi hướng về phía Đông, Tây, không có quy-luật nào nhứt-định cả.

Đàn ông và đàn bà đều vấn chăn « kipei » bao quanh châu thân. Họ xỏ lỗ tai và có đeo những chiếc vòng. Người có địa-vị mang giày bằng da, giới bình-dân đi chân không. Đó cũng là tập-quán của Phù-Nam và trong các Vương-quốc bên kia biên thùy Lâm-Ấp. Vua Chàm đội mão kiểu cao, chạm trổ bông hoa bằng vàng, trên chót có chùm lụa. Khi Vua ngự ra ngoài thành, thường ngồi trên mình tượng, che lộng bằng « kipei », có đoàn tùy-tùng, phất cờ hiệu bao quanh và một đoàn người xử-dụng tù-và với trống đi phía trước.

Các đám cưới đều cử-hành vào mùa trăng thứ tám (tức mùa gặt hái) *và chính người con gái phải đến hỏi người con trai làm chồng, vì lẽ con gái bị xem như thuộc bản-chất thấp kém hơn* (1). *Không có cấm đoán việc cưới hỏi giữa những người cùng một họ. Những ngoại-nhân nầy xem cóvẻ rất hiếu-chiến và tàn-ác. Vũ-khí của họ là ná và tên, kiếm, lao và những chiếc nỏ bằng tre. Nhạc-cụ họ xử-dụng rất giống nhạc-cụ của ta : đàn huyền, sáo... Họ cũng dùng tù-và và trống để thông-báo cho dân chúng. Đôi mắt họ sâu, mũi thẳng và nhô lên, mái tóc đen và quăn. Đàn bà bới tóc thành búi trên đầu, hình chiếc búa.*

Tang-lễ của các bậc vương-giả kéo dài bảy ngày sau khi chết, các vị đại-thần lối 3 ngày, còn đám táng bình-dân thì cử hành ngay hôm sau. Dù giàu hay nghèo, thân xác kẻ quá-vãng đều được liệm kỹ-lưỡng và di-chuyển đến bờ biển hay bờ sông.

---

(1) L'Histoire des Leang, do G. Maspero dẫn, tr. 31, giải-thích ngược lại, cho rằng đàn ông ít quan-trọng, chỉ có đàn bà mới đáng kể. Và dường như quan-niệm này đúng hơn.

giữa tiếng trống và người nhảy múa, để rồi sau đó, được thiêu trên đống củi. Những đốt xương không cháy tiêu, được đựng trong một chiếc bình bằng vàng và quăng xuống biển, nếu người chết thuộc hàng Vua Chúa. Đối với các quan thì dùng những chiếc bình bằng bạc và liệng xuống nước tại một cửa sông. Đối với dân-giả, chỉ có chiếc bình bằng đất và cũng về với giòng nước. Cha hoặc mẹ kẻ quá-vãng đi theo đám táng và buộc phải cắt bỏ mái tóc trước khi rời bờ sông ; đó là dấu hiệu duy-nhứt của tang-chế. Người ta còn thấy vài người đàn bà chịu tang suốt đời, dưới một hình-thức khác, bằng cách cứ để tóc xõa, khi tóc đã mọc trở lại. Đó là những góa-phụ nhất quyết không bao giờ tái-giá. »

CHƯƠNG THỨ HAI

Người Chàm lập quốc

ƯƠNG-QUỐC CHÀM suy-vong không lưu lại một dấu vết rõ-rệt để hậu-thế biết người Chàm đã lập quốc như thế nào và trong những điều-kiện nào.

Nhưng người ta được rõ một điều là Vương-Quốc Chàm, cũng như một vài nước lân-cận, ngay từ buổi đầu đã có những quan-hệ ngoại-giao với Trung-Quốc và hình-thức bang-giao thông thường nhứt với một nước lớn như Trung-Quốc ngày xưa, không gì hơn là những phái-đoàn mang lễ-vật cống-sứ.

Do đó, những điều người Trung-Quốc ghi lại, dù muốn dù không, cũng mang ít nhiều màu sắc chủ-quan và dĩ-nhiên ngoài phái-đoàn cống-sứ biểu-lộ sự thần-phục, người Trung-Quốc đã không bao giờ đề-cập những gì xảy ra bên đất Chàm mà chẳng liên-hệ gì đến họ cả.

Nguồn sử-liệu Trung-Quốc về Vương-Quốc Chàm, vì vậy, chỉ có giá-trị và bổ-ích trong một giới-hạn nào mà thôi.

Trước tiên, người Trung-Quốc đã gọi phần đất Cực Bắc của người Chàm là Lâm-Ấp.

Danh-từ **Lâm-Ấp** xuất-hiện trong sách sử Trung-Quốc và giữa năm 220 và 230 Tây-lịch, nhờ ghi chú của một đoàn sứ-giả được gởi đến cạnh Lữ-Đại, lúc đó cai-quản Giao-Chỉ :

« Lữ-Đại đã phái nhiều Tống-Sứ về miền Nam, để truyền bá nền văn-minh của Vương-Quốc. Những vị vua ở bên kia biên giới là Phù-Nam, Lâm-Ấp và T'ang-Ming (?) đã cho sứ-giả đến triều-cống ».

Bằng vào tài-liệu nầy, người ta để ý đến hoạt-động khuếch-trương văn-hóa của Trung-Quốc, tại một vài nước nhỏ phía Nam Trung-Quốc và mãi đến năm 284 Tây-lịch, mới có bằng chứng, tỏ rằng Hoàng-Đế Trung-Quốc chấp-nhận việc cống-sứ của Lâm-Ấp.

Tuy nhiên, theo quyển **Thủy-kinh-chú** của tác-giả Trung Quốc là Lệ-Đào-Nguyên thì Vương-Quốc Lâm-Ấp có lẽ đã được thành-lập năm 192 Tây-lịch tức đời nhà Hán.

Vào lúc đó, Trung-Quốc không thể bảo-đảm an-ninh cho một quận miền Nam của mình là Nhật-Nam, được thiết-lập năm 3 Tây-lịch.

R.A. Stein đã tìm được dấu vết của một nhóm thổ-dân vùng Tượng-Lâm, là một Huyện nằm về cực Nam Nhật-Nam, rất thường bị bọn người gọi là Khu-Liên quấy-nhiễu.

Năm 100 và 137 Tây-lịch, nhóm Khu-Liên nầy đã đốt phá thành Tượng-Lâm và giết chết viên Trưởng-Lại.

Để giải-quyết tình-trạng hỗn-độn đó, một vị đại-thần Trung Quốc đã đề-nghị *« tản-cư quan-chức và dân-chúng lên miền Bắc để họ ẩn-trú trong xứ Giao-Chỉ. Khi đã yên-ổn trở lại, thì người ta sẽ truyền cho bọn rợ kia thỏa-hiệp với nhau, cống-sứ cho ta vàng và lụa. Nếu trong bọn họ, có người nào có khả-năng nắm quyền được bọn khác thì Hoàng-Đế sẽ phong Vương cho người đó ».*

Chắc hẳn là Lâm-Ấp có lẽ đã được khai-lập, theo chánh sách kể trên của Trung-Quốc và từ đó, mới bắt đà cho quan-hệ ngoại-giao, trên căn-bản tương-quan giữa một lãnh-chủ và một công-quốc, trong những thế-kỷ sau nầy.

Những người Khu-Liên đã tản-cư khỏi lãnh-địa bị chiếm hồi năm 138 Tây-lịch, nhưng đến 192, con của viên Công-Tào Huyện Tượng-Lâm tên **Khu-Liên** *(cùng tên chỉ-định dân địa-phương nổi lên giết quan Huyện và tự xưng Vương).*

Như trên đã rõ, danh-từ **Lâm-Ấp** chỉ xuất-hiện trong sách Trung-Quốc vài mươi năm sau mà thôi. Nhưng người ta có lý-do vững-chắc để nghĩ rằng việc khai-lập Lâm-Ấp chính là do công-lao của Khu-Liên kể trên và cũng do đó, Khu-Liên chính là Ông Vua Chàm đầu tiên trong lịch-sử.

Hồi năm 1885, Aymonier đã tìm được tại làng Võ-Cạnh, thuộc tỉnh Khánh-Hòa, một phiến đá to, trên có khắc một bản văn cổ, đã bị hỏng nhiều chỗ.

Theo sự khảo-cứu của A. Bergaigne, bia đá kể trên viết bằng Phạn-ngữ đã có từ thế-kỷ thứ 2 hoặc thứ 3 Tây-lịch, nội-dung tưởng-niệm một vị Vua trước đó hiệu là **Çri-Mâra** (1).

---

(1) A. BARTH et A BERGAIGNE, Inscriptions sanscrites de Campâ et du Cambodge, p. 199.

G. Maspéro đã cho Çri-Mâra chính là nhân-vật Khu-Liên kể trên.

Nhưng theo Jean Boisselier thì không có dấu vết chi xác-đáng cho biết Çri-Mâra đã trị-vì lối năm 192 Tây-lịch hoặc là con của viên Công-Tào Huyện Tượng-Lâm như kể trên được.

Dù sao, trong những năm đầu Tây-lịch, nhiều sự-kiện đã chứng tỏ sự hiện-hữu của một dân-tộc, tại miền Trung Việt-Nam bây giờ. Dân-tộc đó là dân-tộc Chàm và trình-độ tiến-bộ xã-hội và văn-hóa lúc đó đã giúp tổ-chức thành một nước có một hệ-thống người lãnh-đạo, hoạt-động chống lại những lực-lượng ngoại-lai, chực-chờ phá vở nỗ-lực sinh-tồn trong nội-quốc.

Trong việc giới-định lãnh-địa, người ta được biết Lâm-Ấp đã tấn-công các quận Giao-Chỉ và Cửu-Chân năm 248 Tây-lịch (1). Trong cuộc tấn-công nầy cả hai thành đều bị phá như bình-địa và quân Tàu đã bị đánh bại ngoài biển. Nhờ đó, Lâm-Ấp được thêm vùng Khu-Túc, mà L. Aurousseau đã xác-định là vùng Huế bây giờ, nhưng R.A. Stein nói : địa-điểm di-tích đó phải ở trên phía Bắc hơn, tức vùng con Sông Gianh, miền Cao-lao-hạ, nơi nhiều dấu vết kiến-trúc Chàm cổ đã được nhận ra nhưng chưa được nghiên cứu kỹ (2).

Phần đất Bắc của Lâm-Ấp có vẽ cằn-cỗi nghèo-nàn, điều đó đã một phần nào giải-thích tại sao Lâm-Ấp hầu như luôn-luôn mưu định tiến lên Nhật-Nam là vùng phì-nhiêu và giàu có hơn.

---

(1) P. PELLIOT, Deux itinéraires de Chine en Inde à la fin du VIIIè siècle, BEFEO, IV, p. 191.

(2) H. DE PIREY, chronique BEFEO, XXX, p. 190.

Cháu ngoại của Khu-Liên các tác-giả Trung-Quốc ghi tên là **Phạm-Hùng**. *(Họ Phạm dĩ-nhiên không phải là một họ của người Chàm. Về điểm này, G. Maspero đã đồng-ý với L. Finot cho rằng chữ « Phạm » ở đây, người Tàu đã phiên-âm từ vần Phạn-ngữ « varman », thường đựng sau danh-hiệu của các Vua Chàm).*

Từ năm 270 đến 280, Phạm-Hùng, liên-kết với Vua Phù-Nam là Phạm-Sum, đã không ngớt xâm-nhiễu Giao-Chỉ và Cửu-Chân.

Lúc bấy giờ, lãnh-địa Lâm-Ấp đã được giới-hạn ở phía Nam bằng dãy núi nằm theo hướng Đông Tây chạy dài đến Đèo Hải-Vân.

Thế-Tử **Phạm-Đật** lên kế-nghiệp Phạm-Hùng tại ngôi đến năm 336 Tây-lịch, đã phái sang Trung-Quốc năm 284, một phái đoàn sứ-giả đầu tiên của người Chàm.

Từ năm 315 trở đi, Phạm-Đật đã được Trung-Quốc giúp-đỡ và đặc-biệt là bên cạnh, luôn-luôn có một cố-vấn Tàu tên Phạm-Văn, người gốc Giang-Châu, đã phục-vụ đắc-lực. Qua một số câu chuyện có vẻ thần-thoại chung-quanh nhân-vật nầy, người ta được biết chính Phạm-Văn đã giúp Lâm-Ấp rèn khí-giới, làm chiến-xa, tạo nhạc-cụ và nhứt là đã bảo-vệ thành-trì bằng bức tường và hào-hố. Với những thành-tích đó, Phạm-Văn đã chi-phối được Phạm-Đật lúc đó đã trọng tuổi và đã được Phạm-Đật phong làm Tướng, thống-lãnh mọi việc *(mahâ senâpati)*.

Khi Phạm-Đật mất vào năm 336. **Phạm-Văn** đứng lên loại bỏ tất cả những người kế-quyền Vua và tự xưng Vương và đã truyền ngôi được 4 đời trên đất Chàm.

Năm 340, Phạm-Văn gởi Sứ-giả sang triều-kiến Hoàng-Đế nhà Tấn và năm 347, xua quân đánh chiếm Nhật-Nam, bắt được viên quan Tàu, đem tế sống.

Theo G. Coedès, sở - dĩ Phạm - Văn gởi sứ - giả sang Trung-Quốc chính là để xin ấn-định biên-giới Bắc Lâm-Ấp tại vùng Hoành-Sơn. Nhưng trong khi Trung-Quốc còn đang lưỡng-lự, chưa chịu ban cho vùng đất phì-nhiêu này thì Phạm-Văn đã cử đại binh tiến chiếm và tự ấn-định lấy biên-giới như đã ngỏ ý xin khi trước.

Phạm-Văn mất năm 349, nhân một cuộc xuất-chinh về phía Bắc biên-giới mới.

Giải Hoành-Sơn chính là biên-giới cực Bắc của Lâm-Ấp, trong nỗ-lực mở-mang bờ-cõi của người Chàm.

Sau đó, vùng chiếm được đã phải giao hoàn lại và vào năm 359, **Phạm-Phật**, con của Phạm-Văn đã phải chấp-nhận biên-giới mới lùi vào Nam hơn, tại vùng Vịnh Ông Càng.

Phạm - Phật *(Fan - Fo)*, tiếp-tục chánh-sách, tìm cách mở rộng bờ-cõi về phía Bắc, nhưng sau nhiều cuộc thua trận, đã bắt buộc phải giao hoàn Trung-Quốc phần đất Nhật-Nam và gởi Sứ-giả sang triều-cống Trung-Quốc vào những năm 372 và 377.

Cho đến đời **Phạm-Hồ-Đật** (người con lên nối ngôi Phạm-Phật), người ta mới có dịp xác-định ra **Bhadravarman** chính là vị Vua Chàm đầu tiên mà người ta được biết rõ tên thực, nhờ những bia đá khắc bằng Phạn-ngữ lưu lại tại Quảng-Nam (1) và

---

(1) L. FINOT, BEFEO, II, p. 187. — R.C. MAJUMDAR, The Indian Colony of Champa, n° 4 — B.C. CHHABRA, Expansion of Indo-Aryan Culture, p. 50.

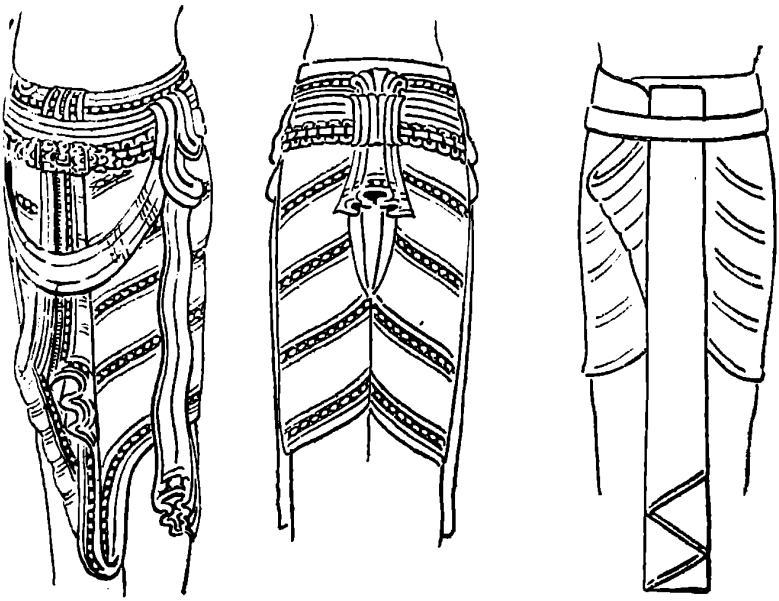

Y-PHỤC ĐÀN ÔNG.

Y-PHỤC PHỤ-NỮ

Mẫu Y-phục Chàm thời cổ (theo các tượng hình còn lưu lại).

Mẫu - tự Chàm

INƯ AKHAR

a	i	u	ê	ai	ò
ka	kha	ga	gha	ngư	
cha	xa	ja	jha	như	dja
ta	th	da	dha	nư	đa
pa	pha	ba	bha	mư	bạ
ya	ra	la	va	sa	ha
thạ	pạ				

ANG - KA : Chữ Số

sa	dva	klău	pak	li-mư
năm	tijuh	đalapan	salapan (samilan)	sapluh

Trình bày : **LƯU-QUÝ-TÂN**
Chuyên-viên Chàm Viện Khảo Cổ Saigon

Phú-Yên (1). Việc xác-định nầy căn-cứ vào các niên-hiệu của các bia đá mà theo A. Bergaigne và L. Finot (2) thì là vào khoảng năm 400. Nhưng có tác-giả khác vịn trên những lập-luận đứng-đắn về cổ-tự-học, đã cho lùi lại nhiều chục năm trước nữa (3). Người ta đã gán tên ấy cho **Phạm-Phật** mà danh-hiệu dường như đúng là do phiên-âm sang Hoa-ngữ của chữ « **Bhadravarman** », điều không được đúng đối với tên Phạm-Hồ-Đật.

Bhadravarman là người đã sáng-lập nên ngôi đền tại Mỹ-Sơn thờ Çiva Bhadreçvara, cái tên mà theo những tập-tục người ta sẽ tìm ra sau nầy, nhắc-nhở đến người sáng-lập ngôi đền. Đền thờ nầy đã bị tiêu - hủy trong một cuộc hỏa - hoạn, xảy ra hai thế-kỷ sau.

Kinh-đô Chàm đúng là phải ở về phía Đông Mỹ-Sơn, địa-điểm của Trà-Kiệu hiện tại, vì lẽ một số chi-tiết do người Trung-Quốc ghi nhận, có vẻ rất phù-hạp với cảnh-vật và những di-tích còn lại nơi nầy (4).

Những vùng lân-cận Trà-kiệu lại còn có ba bia khắc, nét chữ trông rất giống những bia kể trên. Hai chỗ ghi dấu ranh-giới của vùng đất dâng Bhadrecvara (5) ; chỗ thứ 3 (6) là một bản văn

---

(1) A. BERGAIGNE, Inscr. Sanskr. du Champa et du Cambodge n° 199. — L. FINOT, BEFEO, II, p. 186.

(2) BEFEO, II, p. 186.

(3) J. Ph. VOGEL, Bijdr, 74, 1918, p. 252.

(4) H. PARMENTIER, Inventaire des monuments chams, II, p. 375, n° 6 — Cf. L. AUROUSSEAU, BEFEO, XIV, 9, pp. 33 - 34.

(5) Hon Cut (L. FINOT, BEFEO, II, p. 186) và Chiêm-Sơn (L. FINOT, BEFEO, XVIII, 10, p. 13).

(6) Bia Đông-yên-Châu (G. COEDÈS, la plus ancienne inscription en langue chame, Mél. F.W. Thomas, New Ind. Antiq. extra ser. I, 1939, pp. 46-49).

cổ nhứt bằng tiếng Chàm và thổ-ngữ In-đô-nê-xiêng, nội-dung có tác-dụng truyền lịnh phải kính-trọng « **nagâ** » của Vua, có lẽ là vị thần chở-che của một nguồn suối hay một cái giếng nào đó.

Ngoài tượng Phật tại Đồng-Dương, bằng chứng của sự xâm-nhập Phật-Giáo vào xứ Chàm, những bia khắc của Bhadravarman là những tài-liệu mà người ta có được về đạo-giáo của Triều-đình Chàm. Những tài-liệu đó tiết-lộ tánh-cách trội yếu của việc thờ-phượng thần Çiva-Umâ, nếu không kể thêm những tôn-kính dành cho 2 vị khác của Trimurti (1).

Những bia khắc tìm được sau nầy tại Mỹ-Sơn cho biết rõ rằng thần Bhadreçvara được tiêu-biểu bằng một « **linga** » (dương-vật tượng-trưng thần Çiva) và chính là « **linga** » hoàng phái cổ xưa nhứt, được nhận-thực tại Ấn-Độ.

Khi Vua Phạm-Phật *(Bhadravarman)* mất thì người con hoặc cháu là **Phạm-Hồ-Đật** lên kế-nghiệp năm 380 và xua quân tiến Nhật-Nam, nhưng bị thua trận.

Thừa lúc Trung-Quốc có nội-loạn *(thời nhà Tấn suy-tàn)*. người Chàm lại mở những cuộc xâm-nhiễu vào những năm 405 407. Năm 413, Phạm-Hồ-Đật còn thân-chinh xua quân đến vùng đất ở phía Bắc Nhật-Nam, nhưng bị chết ở đấy.

Con của Phạm-Hồ-Đật, Sử nhà Lương gọi là **Địch-Chớn** lên nối ngôi rồi nhường lại cho người cháu để sang Ấn-Độ.

Một bia khắc hồi thế-kỷ thứ VIII (2) đã gọi tên vị Vua này là **Gangarâja** nổi danh nhờ « những đức tánh tốt, tầm hiểu hết và

---

(1) L. FINOT, loc. cit., p. 190.

(2) L. FINOT, BEFEO, IV, p 922.

hùng-khí của người. Ngôi Vua khó xa lìa *(từ ngôi)*, nhưng Ngài tự nhủ, trông thấy Sông Hằng cũng là một nguồn vui to lớn và Ngài đã đi từ đây đến Hằng-Hà ».

Chuyến đi hành-hương Ấn-Độ của Gangarâja chính là do lòng tin cao-độ, khiến mạo-hiểm được qua các gian-nguy bất trắc của cuộc hành-trình để đến cho được bờ Hằng-Hà. Người ta nói Gangarâja có lẽ là một vị Vua duy-nhứt ở Đông-Nam-Á thuộc một nước theo Ấn-Độ giáo đã dám thực-hiện dự-định kể trên. Dường như Gangarâja đã truyền ngôi cho một nhân-vật mà tên đã xuất-hiện trên bia khắc hồi thế-kỷ thứ VII hiệu là **Manorathavarman** và có lẽ thuộc vai cháu.

Những gì xảy ra kế tiếp đó không ai được rõ. Vào năm 420, có một ông Vua gốc tích còn rất mập-mờ, tên là **Yang Mah** « Ông Hoàng Vàng », sau một cuộc xâm-nhiễu thất-bại tại Bắc-Việt, đã xin triều-đình Trung-Quốc tấn-phong năm 421.

Yang Mah chết, truyền ngôi cho con mới 19 tuổi và mang một danh-hiệu, năm 431, điều-động trên 10 chiến-thuyền đánh phá miền duyên-hải Nhựt-Nam. Trung-Quốc phản-ứng mạnh mẽ và kéo quân chiếm-đóng vùng Huế *(Khu-Túc)*, trong lúc Vua Chàm vắng mặt, nhưng lại gặp bão nên họ không khai-thác được triệt-để cuộc chiến thắng và đã rút quân.

Chính vào lúc ấy, Yang Mah cũng đã thử mượn quân của Phù Nam để tiến đánh Giao-Châu, mà năm 433, Yang Mah đã xin Trung-Quốc cho cai-trị nhưng không được chấp-thuận. Nhưng dự định nầy không đem lại kết quả tốt.

Những cuộc xâm-nhiễu của Chàm ngày càng gia-tăng thêm nữa ; viên quan Tàu mới cai-quản Bắc-Việt là Đàn-Hòa-Chi, năm

446, bèn mở một cuộc chinh-phạt ác-liệt. Phủ-nhận mọi cuộc thương-nghị, vì trong khi đó người Chàm chỉ biểu-lộ toàn ác-ý, Đàn-Hòa-Chi đã cho đánh chiếm Khu-Túc, chiếm luôn kinh-đô Champapura *(Trà-Kiệu)* và cướp đoạt được 100.000 lượng vàng y.

Vua Chiêm đã buồn rầu mà chết.

Con hoặc cháu của Ông là **Phạm-Thân-Thành** lên nối ngôi cho gởi sứ-giả đi triều-cống Trung-Quốc vào những năm 456, 458 và 472.

Vào năm 484, Vua Jayavarman xứ Phù-Nam gởi người sang triều-cống Trung-Quốc và đồng-thời yêu-cầu nước nầy giúp quân đánh Lâm-Ấp.

Nguyên đã vài năm rồi, một kẻ soán-ngôi đang trị-vì xứ nầy, nhưng trong khi tài-liệu về xứ Lâm-Ấp gọi tên người nầy là Phạm-Đăng Căn-Thăng, con của vua Phù-Nam, thì trái lại, Vua Jayavarman đã xem người ấy như là một trong những viên quan cận-thần của mình tên là Kieou-Tch'Eou-Lo (1).

Hoàng-Đế Trung-Quốc nhận lễ-vật triều-cống của Javarman, nhưng không gởi quân sang đánh Lâm-Ấp.

Người ta không được rõ Jayavarman đã hành-động ra sao. Có điều chắc-chắn là vào năm 491, kẻ soán-ngôi vẫn trị-vì Lâm Ấp dưới danh-hiệu **Phạm-Đăng Căn-Thăng** và đã được triều đình Trung-Quốc nhìn-nhận là Vua xứ Lâm-Ấp. Nhưng chỉ một năm sau, tức 492, vị Vua nầy lại bị một người giòng-dõi Yang Mah tên **Phạm-Chư-Nông** truất-phế.

---

(1) G. MASPERO, Le Royaume de Champa, p. 75, đã cho 2 nhân-vật nầy là một.

Sau đó, Phan-Chư-Nông-trị vì được 6 năm và chết đắm ngoài biển khơi năm 498.

Những vị Vua kế-nghiệp sau nầy lấy danh-hiệu là **Phạm-văn-Tớn, Phạm-Thiên-Khởi** *(có lẽ là Devavarman)* và **Bật-Tôi Bật-Ma** *(Vijayavarman)* ; người ta chỉ được biết niên hiệu các sứ-quán từ năm 502 đến 527 mà thôi.

Sau khi Vijayavarman băng-hà năm 529, ngôi Vua thuộc về một nhân-vật trong phái Bà-la-Môn và người cháu gái của Manora thavarman (1) thuộc hàng ty-thuộc của vị Vua đã có lần đi hành-hương ở bờ Hằng-Hà Ấn-Độ. Ông vua nầy lấy danh-hiệu là **Rudravarman** (2) đã được Triều-Đình Trung-Quốc phong Vương năm 530 và đã phái sứ-giả đi triều-cống năm 534.

Năm 534, cũng như những vị Vua trước, Rudravarman xua quân tràn lên miền Bắc, nhưng lại bị Phạm-Tu, một tướng của Lý-Bôn lúc đó vừa lập nên nhà Tiền-Lý đánh bại.

Chắc là chính dưới trào Vua nầy đã xảy ra cuộc hỏa-hoạn tại Mỹ-Sơn, tiêu-hủy cả ngôi đền đầu tiên của Bhadreçvara.

Người ta không được rõ Rudravarman I đã mất năm nào ; người ta đã thử gán cho những cuộc triều-cống năm 568 và 572 thuộc trào Vua nầy, e rằng nếu không như vậy, thì sẽ làm cho thời-gian của trào Vua con nối ngôi sau nầy quá dài. Ông Vua sau nầy tên là **Çambhuvarman**, mất năm 629.

Đối với Trung-Quốc, Çambhuvarman (*sách Tàu viết là Phạm-Phan-Chí*) đã không chịu triều-phục nhà Trần *(557 — 589)* lúc đó suy-yếu. Nhưng nhận thấy Trung-Quốc trở nên mạnh khi

---

(1) L. FINOT, les Inscriptions de Mi Son, BEFEO, IV, p. 922.

(2) L. FINOT, Stèle de Çambhuvarman à Mi Son, BEFEO, III, p. 207

Dương-Kiên tự xưng Tùy-Văn-Đế *(589)*, Vua Chàm liền mở lại liên-lạc ngoại-giao và cho sang Trung-Quốc triều-cống năm 595. Nhưng 10 năm sau, Hoàng-Đế Trung-Quốc lại sai Lưu-Phương, nhân vừa mới đánh chiếm Bắc-Việt, xua quân xuống đánh luôn đất Chàm.

Cambhuvarman kháng-cự nhưng bị đánh bại. Một lần nữa các đội quân Tàu chiếm-đóng Khu-Túc *(Huế)* và kinh-đô Chàm, cướp được rất nhiều vàng bạc của cải và đốt sạch các tài-liệu

sạch các tài-liệu sách vở của 18 đời vua Chàm trước. Khi quân Tàu rút đi hết, Çambhuvarman khôi-phục lại xứ sở và chịu lỗi với Hoàng-Đế Trung-Quốc.

Sau đó, việc triều-công cũng bị lãng quên, nhưng đến thời nhà Đường *(618)*, ít ra cũng có 3 phái-đoàn ngoại-giao được gởi sang Trung-Quốc vào những năm 623, 625, 628.

Có lẽ Çambhuvarman đã tiếp-kiến một vị đại-thần của Cam Bốt là Simhadeva do Mahendravarman gởi sang, để kết chặt tình thân-hữu với người Chàm.

Tại ngôi đền năm 629, Çambhuvarman đã cho xây-dựng lại đền Bhadreçvara đã bị cháy dưới thời Vua cha và đặt cho đền nầy một tên mới là Cambhubhadreçvara (1) phối-hợp giữa tên Ngài và tên của vị Vua trước là Bhadravarman. Từ lâu, người ta xác định ngọn tháp lớn ở Mỹ-Sơn chính là ngôi đền nầy, nhưng niên biểu mỹ-nghệ Chàm do Ph. Stern duyệt lại đã gán cho ngôi đền nầy một niên-hiệu mới hơn (2).

---

(1) *L. FINOT, BEFEO, IV, p. 910.*

(2) *Histoire Universelle des Arts (L. Reau) IV, Arts musulmans, Extrême-Orient, p. 238.*

Çambhuvarman truyền ngôi cho con là **Kandarpadharma** *(Tàu gọi là Fan-T'eou-Li)*, trải qua một triều-đại thanh-bình và có gởi lễ-vật sang triều-cống nhà Đường vào những năm 630, 631.

Về **Prabhâsadharma** *(Fan-Tchen-Long)* con của Kandarpadharma, *(nối ngôi cha vào một niên-hiệu không được rõ)*, người ta chỉ được biết là có đoàn ngoại-giao được phái đi năm 640 và 642. Vị Vua nầy bị một viên quan đại-thần ám-sát năm 645.

Sau triều-đại khá ngắn-ngủi của **Bradreçvaravarman**, con của **Satyakauçikasvâmin** thuộc phái Bà-la-Môn và em gái út của Prabhasadharma, ngôi Vua trở lại giòng-dõi chánh-thức, về người em gái của Prabhasadharma, con của vợ chánh của Kandarpadharma. Theo cổ-sử nhà Đường, vị công-chúa nầy đã lên ngôi, nhưng những bia đá lưu lại không thấy đề-cập và chỉ nói rằng con gái của Kandharpadharma có một đứa cháu tên Jagadharma, đã có lần sang Cam-Bốt và cưới công-chúa Çarvâni, con của Vua Içanavarman bên ấy.

Do cuộc hôn - nhơn nầy, đã sanh ra một đứa con trai đặt tên là Prakaçadharma lên ngôi năm 653 với danh - hiệu **Vikrântavarman** (1).

Nhờ thời-gian trị-vì được yên-ổn và khá lâu, vị Vua nầy đã cho xây-dựng được nhiều đền tháp tôn-giáo trong vòng thành Mỹ-Sơn tại Trà-Kiệu và nhiều nơi trong vùng Quảng-Nam. Nhiều cơ sở trong số các đền tháp kể trên chứng tỏ vào thời đó, người Chàm có tôn-thờ Vishnu, vị thần dường như có tính-cách văn chương hơn là thuộc một giáo-phái nào (2).

---

(1) L. FINOT, Les Inscriptions de Mi Son, loc. cit., op. 923, 624. Ed. HUBER, L'Inscription de Tra Kiêu, BEFEO, XI, p. 263.

(2) P. MUS, L'Inscription à Vâlmiki de Prakâçadharma, BEFEO, XXVIII, p. 152.

Một bia khắc tìm thấy trong tỉnh Khánh-Hòa, về phía Bắc Nha-Trang, chứng-minh rằng lãnh-địa của vị Vua nầy được mở rộng đi rất xa về Nam-Bộ. Nhiều Sứ-giả đã được gởi sang Trung Quốc vào những năm 653, 657, 669 và 670.

Nếu không cho triều-đại nầy quá kéo dài, người ta phải chấp-nhận rằng vào năm 686, ngôi Vua đã được truyền cho một người kế-vị, cùng mang danh-hiệu **Vikrântavarman II** mà người ta được biết là có phái sang Trung-Quốc lối 15 đoàn sứ-giả giữa những năm 686 và 731.

CHƯƠNG THỨ BA

Từ Triều - Đại Pândurangа đến Triều - Đại Indrapura

Từ hậu bán thế-kỷ thứ VIII với việc dời đô về Nam tại Pândurangа, Vương-Quốc Chàm đã được sách Trung-Quốc thay quốc-hiệu.

Sau đó, một triều-đại khác lại xuất-hiện trong sử-liệu, đóng đô tại Indrapura về miền Bắc.

Cuộc chiến đã xảy ra với Java rồi Phù-Nam, nhưng quan-trọng nhứt là cuộc chiến với Đại-Việt, mà đứng về phía người Chàm, chính là do nhu cầu tiến về miền đất Bắc mầu-mỡ và phì-nhiêu hơn. Nhưng hậu-quả lại là khởi-điểm của một sự lùi bước nguy-hại trên con đường phát-triển và sinh-tồn của người Chàm.

TRIỀU-ĐẠI PÂNDURANGA
(HẬU BÁN THẾ-KỶ THỨ VIII)

NHỜ có một phái đoàn ngoại-giao được gởi sang Trung-Quốc, người ta được biết Vua Chàm, năm 749, hiệu là **Rudravarman.** *(Ngoài ra, không còn dấu vết gì khác nữa).*

Cho đến bây giờ, thì trung-tâm-điểm của Vương-Quốc Chàm là ở vùng Quảng-Nam, nhưng giữa thế-kỷ thứ VIII, người ta nhận thấy có một sự di-chuyển về phía Nam, tại Pânduranga *(Phan-Rang)* và Kâuthara *(Nha-Trang)*. Cũng thời đó, người Trung Quốc, không còn nói đến Lâm-Ấp nữa và năm 758, đã thay thế bằng danh-từ **Hoàn-Vương.**

Người ta không tìm được một danh-từ Chàm tương ứng với Hoàn-Vương, vì bia khắc của vị Vua đương thời *Prithivindravarman)* vẫn dùng quốc-hiệu **Champa.**

Theo R. A. Stein, với danh-từ « Lâm-Ấp » trước hết người Trung-Quốc đã chỉ-định vùng đất cực Bắc, đã được tiếp-tục dùng theo thông-lệ, ngay cả đến lúc Vương-Quốc đã được thiết lập. Sự sáp-nhập « Lâm-Ấp » và « Chiêm-Thành » chỉ là vấn-đề nội-bộ của người Chàm không làm thay đổi bang-giao với Trung-Quốc nên người ta vẫn tiếp-tục giữ lấy thói quen.

Trường-hợp danh-từ « Lâm-Ấp » được duy-trì cả 5 thế-kỷ, sau cũng như trường-hợp « Tchen-La » mà người Trung-Quốc dùng gọi Cam-Bốt vậy.

Những tin tức thu-thập được về các vùng phía Nam chỉ có từng đoạn và tất cả những tài-liệu trước thế-kỷ IV đều gốc Trung Quốc và chỉ đề-cập đến Lâm-Ấp mà thôi. Sự sáp-nhập Lâm-Ấp vào Chiêm-Thành được thực-hiện ở một niên-hiệu không ai rõ và có lẽ là vào năm 605 Tây-lịch, nếu người ta dựa vào lời thuật về cuộc xuất-quân chinh-phạt của Lưu-Phương. Nhưng thật ra, rất khó mà đối - chiếu những tên người với vần « **Varman** » hoặc « **Dharma** » ghi trong các bia Chàm tìm được với các danh-tánh phiên-âm khác hẳn trong các sử-liệu Trung-Quốc. Đó là không kể trường-hợp một số bia khắc không dùng danh-hiệu chánh-thức mà chỉ dùng tên riêng thì lại càng phức-tạp hơn nhiều.

Từ năm 758, đương triều ở Nam-Bộ cũng đã bắt đầu có tập-tục dùng thụy-danh, tưởng-niệm các vị Vua đã mất và vị Thần mà các vị Vua nầy đi gặp ở cõi âm. Người ta không rõ nguồn gốc và niên-hiệu chính-xác về **Prithivindravarman** lần đầu tiên đã dùng thụy-danh **Rudraloka** (1).

Vị Vua nầy đã truyền ngôi cho người cháu gọi bằng cậu tên **Satyavarman** *(Içvaraloka)* mà sau đó đã phải đương-đầu với cuộc xâm-lăng của người Java năm 774. Quân xâm-lăng đã tiêu hủy ngôi đền cổ Pô Nagar tại Nha-Trang, ngôi đền mà người ta nói do vị Vương trong truyện cổ là Vichitrasagara (2) xây-dựng nên. Sau khi đánh đuổi ngoại-xâm, Satyavarman đã cho kiến-thiết lại ngôi đền bằng gạch và khánh-thành năm 784 (3).

Người con của Satyavarman là **Indravarman** dường như đã phải chinh-chiến nhiều. Năm 787, người Java lại xâm-lăng

---

(1) BARTH et BERGAIGNE, Inscr. sanskr., p. 224.
(2) » » » » pp. 252 — 256.
(3) » » » » p. 253.

Champa và lần nầy họ lại tiêu-hủy ngôi đền Bhadrâdhipâtiçvara ở phía Tây kinh-thành Virapura, cận Phan-Rang bây giờ (1).

Năm 793, Indravarman phái sứ-giả sang Trung-Quốc và năm 799, cho xây-dựng lại ngôi đền đã bị người Java phá-hủy. Vị vua nầy vẫn còn tại ngôi năm 801 (2).

Các vị Vua nối tiếp nhau trị-vì tại Pânduranga *(Phan-Rang)*.

Năm 802, **Harivarman I** nối ngôi anh rể là Indravarman I (3) đã cho một đoàn quân tiến lên đánh một số Tỉnh trong lãnh thổ Trung-Quốc và đã thành-công mỹ-mãn ; năm 809, lại xua quân đánh một lần nữa, nhưng kết-quả ít khả-quan hơn lần trước.

Cùng lúc ấy, tức vào khoảng khởi đầu Triều - đại Jayavarman II, Cam-Bốt dường như cũng khổ tâm vì những cuộc tấn-công của một Tướng Chàm : Senapâti Pâr (4).

Harivarman I còn tại ngôi năm 813 (5) và có lẽ đến năm 817, niên-hiệu xây-dựng ngôi đền Pô Nagar tại Nha-Trang (6).

Một người con là **Vikrântavarman III** lên nối ngôi cha, và có góp phần vào việc xây cất ngôi đền Pô Nagar tại Nha-Trang và Mong-Đức, năm 854 (7).

---

(1) BARTH et BERGAIGNE, Inscr., sanskr., p. 217.

(2) BARTH et BERGAIGNE, loc. cit. p. 226.

(3) BARTH et BERGAIGNE, Inscr., sanskr., p. 370.

(4) » » », p. 269.

(5) E. AYMONIER, Première étude sur les inscriptions tchames J. Asiat., janv. — févr., 1891, p. 24.

(6) BARTH et BERGAIGNE, loc. cit., p. 269.

(7) » », pp. 231 — 237.

TRIỀU-ĐẠI INDRAPURA

ICH - SỬ Champa khiếm - khuyết tài - liệu vào khoảng 20 năm. Đột-nhiên, người ta tìm được dấu tích về năm 875 của một triều vua mới ở Bắc-Bộ (1) tại Indrapura, vùng tỉnh Quảng-Nam bây giờ.

Đồng-thời, sử sách Trung-Quốc cũng thay tên xứ lại là **Chiêm-Thành**, phiên-âm chữ « Châmpapura » của Phạn-Ngữ bao gồm chữ « Champa », quốc-hiệu chánh-thức của đất nước Chàm và « pura » có nghĩa là kinh-thành. Như vậy, thật ra chữ « Chiêm-Thành » chỉ có nghĩa là một thành-phố Chàm mà thôi, còn riêng đối với người Chàm thì quốc-hiệu được dùng từ trước vẫn là « Champa ».

Người khai - sáng triều - đại Indrapura tên thật là **Lakshinmindra Bhumiçvara Grâmasvamin**, hồi lên ngôi, lấy hiệu là **Indravarman II.** Vị vua nầy tự xem như là thuộc giòng-dõi thần-thoại Uroja nói rõ Rudravarman và Bhadravarman, vốn là ông và cha của mình, không có tước-vị vua chúa.

Indravarman II nhấn mạnh sự-kiện là ngôi vương đã được ban cấp cho mình không phải do ông hoặc cha mình mà có. Nếu có làm vua được xứ Chàm là chỉ nhờ có « phần số » cùng những thành-quả tốt đẹp các kiếp trước của mình mà thôi.

---

(1) L. FINOT, Première stèle de Đông-Dương, IV, p. 84, BEFEO.

Indravarman II đã do Vikrântavarman III chỉ-định kế-nghiệp khi vị nầy chết không có con cái nối dõi và cũng thề theo lời yêu cầu của các vị đại-thần trong triều-đình (1).

Khoảng thời-gian trị-vì được hòa-bình và có gởi một phái đoàn sứ-giả sang Trung-Quốc, năm 877. Hai năm trước đó, tức vào năm 875, Ngài có cho xây một cơ-sở Phật-Giáo lớn, chứng tỏ sự hiện-hữu của Phật-Giáo Đại-Thừa tại Chiêm-Thành. Đó là ngôi chùa Lakshmindralokeçvara, nhắc-nhở tên người sáng-lập và dường như rất đúng với những di-tích Phật-Giáo tìm thấy ở Đồng Dương về phía Đông Nam Mỹ-Sơn (2).

Indravarman II, sau khi mất, đã được mang thụy-danh là Paramabuddhaloka và truyền ngôi cho người cháu tên là **Jaya Simhavarman I** mà người ta chỉ biết có 2 niên-hiệu, 898 và 903 tìm thấy trong bia khắc ở các tượng hiền-thánh làm dưới trào vua nầy (3). Cùng trong thời-kỳ đó, một người thân-thuộc của Hoàng Hậu Tribhuvanadevi là Pô Klong Pilih Râjadvâra đã đi hành-hương *(Siddhayâtrâ)* (4) tại Java *(Yavadvipapura)*. Nhận-vật nầy đã giữ chức-vụ quan-trọng dưới 3 trào vua sau đó.

---

(1) L. FINOT và G. MASPERO (BEFEO, IV, p. 76, XV, 2, p. 126, XXIX, p. 228) đã đặt và thảo-luận vấn-đề xem người Ông và Cha của INDRAVARMAN I có trị-vì thực-sự hay không, hoặc có phải đúng là người đã sáng-lập ra triều-đại nầy không. Lý-lẽ G. MASPERO có vẻ vững-chắc, nhứt là về trường-hợp lên ngôi.

(2) H. PARMENTIER, Inventaire des monuments chams, I, p. 439, L. FINOT, Lokeçvara en Indochine, Et. Asiat., BEFEO, I, p. 232.

(3) Bia Ban Lanh, do L. FINOT, BEFEO, IV, p. 99 và bia Châu-Sơ do E. HUBER, BEFEO, XI, p. 282.

(4) E. HUBER, Stèle de Nhân-Biêu, BEFEO, XI, p. 299.

Bia khắc do vị đại-thần nầy lưu lại cho biết Jaya Simhavarman I đã truyền ngôi cho con là **Jayaçaktivarman**, mà người ta không tìm thấy dấu vết nào khác cả, có lẽ vì triều vua nầy quá ngắn.

Bhadravarman II tiếp theo ở ngôi vương, nhưng người ta không được rõ vị vua nầy đã có liên-hệ thân-thuộc thế nào với vị vua trước. Trào vua nầy khá xao-động và người ta có những niên hiệu 908 và 910, tại các tấm bia ở Phú-Lương và Lạc-Thanh (1).

Con của Bhadravarman II là **Indravarman III** nổi tiếng về khoa văn-chương và triết-lý (2) đã cho đúc tượng hình Bhagavati bằng vàng năm 918 tưởng-niệm Pô Nagar ở Nha-Trang. Trào vua nầy kéo dài 40 năm và vào khoảng 945 — 946, đã phải đương-đầu với cuộc xâm-lăng của người Cam-Bốt vào vùng Nha-Trang. Tượng vàng đã bị quân xâm-lăng cướp mất, nhưng sau cùng, những đội-quân của Rajendravarman II tức vua Cam-Bốt, phải chịu thua một trận đẫm máu (3).

Trước khi mất vào năm 959, Indravarman III có thì giờ nối lại bang-giao với Trung-Quốc mà trước đó đã bị gián-đoạn trong thời hỗn-loạn cuối đời nhà Đường và Đời Ngũ-Đại. Nhiều đoàn sứ-giả đã được phái sang Triều-đình nhà Hậu-Chu vào những năm 951, 958 và 959.

Năm 960, vua kế ngôi là **Jaya Indravarman I** gởi lễ-vật sang triều-cống Hoàng-Đế Nhà Tống cũng vừa mới lên ngôi. Năm phái-đoàn sứ-giả được phái đi từ năm 962 đến 971 chứng-tỏ nền bang-giao giữa 2 nước được điều-hòa.

---

(1) Do E. HUBER, BEFEO, XI, pp. 283, 285.
(2) BERGAIGNE, Inscr. du Champa, p. 247.
(3) » » » p. 260.

Năm 965, Jaya Indravarman I kiến-tạo lại đền Pô Nagar bị quân Khờ-Me tàn-phá trước đó 20 năm và cho thay tượng Nữ-Thần Bhagavati bị cướp mất bằng một hình tượng bằng đá (1).

Năm 972, xuất-hiện tại ngôi vua Chàm, một vị vua mới nhưng không có lưu lại một bia khắc nào cả, và tên họ, theo người Trung-Quốc, có thể là **Parameçvaravarman.** Vị vua nầy đã duy-trì nền bang-giao với Trung-Quốc rất đều-đặn và giữa 972 và 979, đã có ít nữa cũng bảy đoàn sứ-giả.

Đây là vị vua Chàm đầu tiên có chuyện lôi-thôi với triều đình Đại-Cồ-Việt, với tánh cách một nước có chủ-quyền.

Trước đó không bao lâu, Đại-Cồ-Việt cũng vừa thoát khỏi sự thống-trị của Tàu và người sáng-lập nhà Đinh độc-lập bị giết năm 979.

Một trong 12 vị sứ-quân tên Ngô-Nhựt-Khánh đã trốn sang Champa, xin Parameçvaravarman giúp chiếm lại ngai vàng, trước đã thuộc gia-đình mình từ năm 639 đến 965.

Năm 679, một đạo quân được gởi đi theo đường biển, nhưng khi gần đến Hoa-Lư, kinh-đô Nhà Đinh, thì không may đoàn thuyền đang neo bị sóng gió làm chìm cả, chỉ còn thuyền của Vua Chàm trương buồm kịp thời, ra khơi trở lại đất Chàm (2).

Năm sau, một âm-mưu trong triều-đình Đại-Cồ-Việt đã đem một vị đại-thần là Lê-Hoàn lên ngôi vua, hiệu Lê-Đại-Hành Hoàng-Đế, sáng-lập nên nhà Tiền-Lê *(980—1009).* Vị nầy liền gởi phái-đoàn sứ-giả sang Chiêm-Thành. Vua **Parameçvaravarman,**

---

(1) BERGAIGNE, Inscr. du Champa p. 260.

(2) G. MASPERO, Le protectorat d'Annam sous les T'ang, BEFEO, X, p. 678.

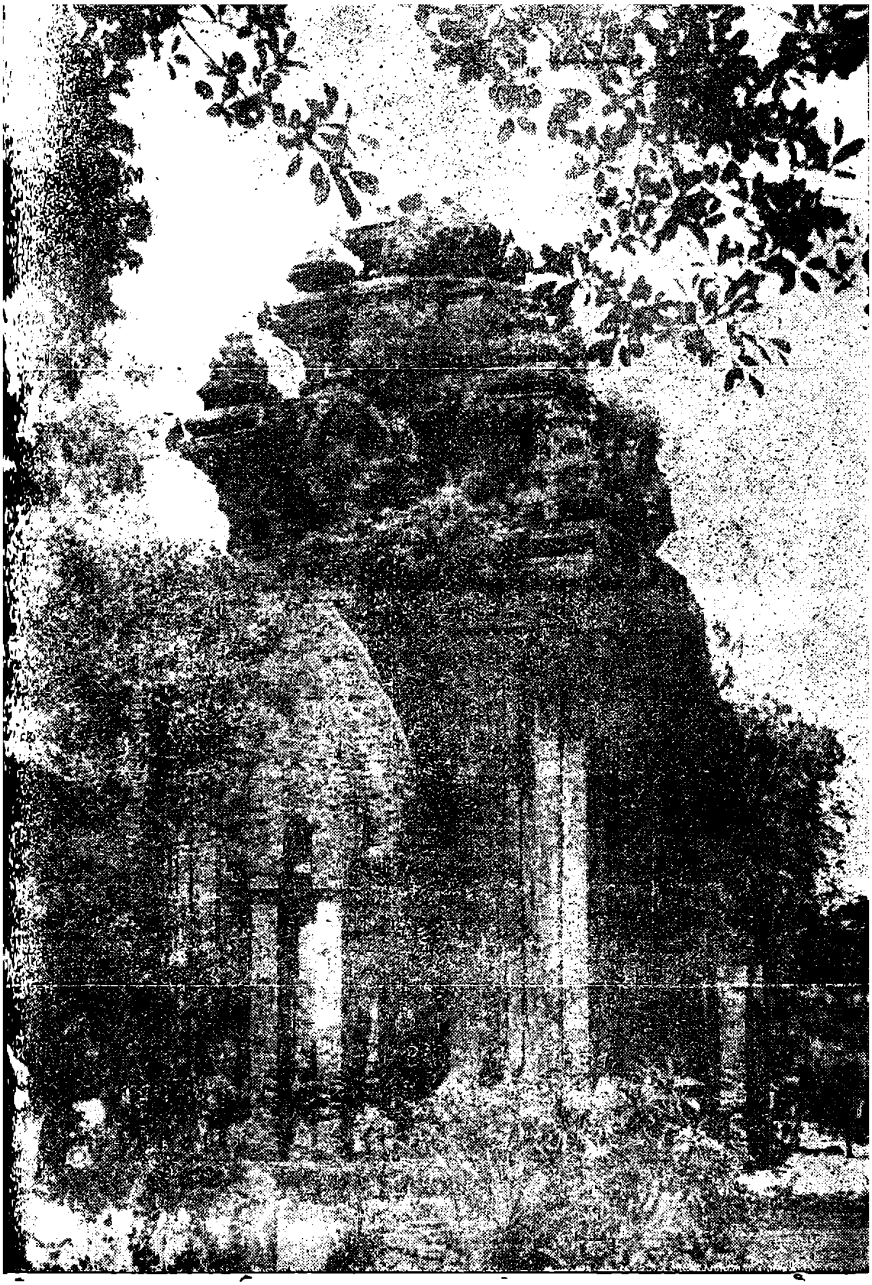

THÁP PÔ NAGAR

tục gọi là THÁP BÀ, *tại Nha-Trang,*

ngày nay do người Việt trông-nom việc thờ tự

Thánh-Đường Ja-mi-ul A-man, vừa mới tái-thiết tại Katambong. *(1965)*

Một buổi tiếp-tân của giới lãnh-đạo Chàm Hồi-Giáo, nhân Ô. Ha-ji Ibrahim Ma, thuộc tổ-chức Hồi-Giáo Mã-Lai-Á sang viếng Việt-Nam. *(1964)*

Thanh-niên Chàm Hồi-Giáo Châu-Đốc

đã phạm phải cái vụng-về là bắt giữ sứ-giả Đại Cồ-Việt lại, nên Lê-Hoàn đã đưa quân sang đánh trả thù, và tiêu-hủy kinh-thành Champa vào năm 982. Vua Parameçvaravarman đã bị giết ngay trong cuộc giao-chiến đầu tiên.

Vị Vua mới mà theo người Trung-Quốc có lẽ là **Indravarman IV**, đã rời Indrapura kịp thời, chạy trốn về phía Nam Vương-Quốc *(Phan-Rang)* và từ nơi đó, năm 985, đã cầu-viện nơi Trung-Quốc, nhưng vô hiệu.

Cùng trong lúc đó, về phía Bắc Vương-Quốc bị chiếm, một người Việt tên Lưu-Kỳ-Tông cướp chánh-quyền và năm 983, đã đánh bại đội-quân trừ-loạn của Lê-Hoàn. Khi Indravarman IV mất, Lưu-Kỳ-Tông chánh-thức xưng-vương xứ Chàm và thông-báo triều-đình Trung-Quốc năm 986. Sự thống-trị của một ngoại-nhân khiến gây một phong-trào di-cư và một số người Chàm đã sang lánh nạn tại Hải-Nam và Quảng-Châu. Đó là khởi-điểm của các cuộc đổ vỡ, loạn-lạc, những cuộc chiến diễn ra suốt gần 9 trăm năm ròng-rã, sẽ lần lần dồn người Chàm về miền Nam, để sau cùng, không còn gì nữa.

Năm 988, người Chàm tập-họp lại quanh một vị lãnh-đạo và trở lại Vijaya, tức thành Đồ-Bàn.

Năm 989 Lưu-Kỳ-Tông mất, vị lãnh-đạo nầy lên ngôi Vua hiệu là **Harivarman II**. Vừa lên ngôi xong, thì lại có cuộc xâm nhiễu của quân Việt từ miền Bắc, vào năm 990. Nhờ có một giai đoạn hòa-bình ngắn-ngủi, nên năm 991, mới có việc xây-dựng tại Mỹ-Sơn một Içânabhadreçvara (1) và năm 992, có một cuộc trao-đổi lễ-vật với Hoàng-đế Trung-Quốc. Cũng trong năm nầy, 360 tù-binh Chàm bị giam cầm tại Đại-cồ-Việt được thả về.

---

(1) L. FINOT, Inscription de Mi Son, BEFEO IV, p. 113 và XV, 2 p. 45.

Cuộc chinh-chiến với Lê-Hoàn lại tái-diễn và lần nầy là vì người Chàm trong khoảng 995 và 995 thường hay cướp-bóc quấy-nhiễu dọc theo biên-giới phía Nam Đại-Cồ-Việt.

Harivarman II đóng đô trở lại ở Indrapura, nhưng vị vua kế ngôi mà người ta chỉ được biết một danh-hiệu không đầy-đủ là **Yang Pu Ku Vijaya Çri**, trị-vì năm 999, nhận thấy Indrapura rất dễ bị ngoại-xâm, đã chuyển kinh-đô Vijaya vào năm 1000 trong khung cảnh hiện nay của thành Đồ-Bàn, trung-tâm-điểm được đánh dấu bằng một ngọn tháp bằng gạch gọi là « Tháp Cánh Tiên » hay « Tháp Đồng » *(Tour de cuivre)* (1).

Vương-Quốc Chàm ngày càng bị áp-lực của nước lân-bang miền Bắc và bắt đầu từ thế-kỷ thứ XI, mặc-dù có vài cuộc chỗi dậy, lịch-sử Chiêm-Thành sẽ chỉ còn là lịch-sử của sự lùi bước của nền văn-minh Ấn-Độ trước nền văn-minh Trung-Quốc mà thôi.

(1) *H. PARMENTIER, Inventaire des Monuments Chams, I, p.198.*

CHƯƠNG THỨ TƯ

Vương-Quốc Chàm từ đầu thế-kỷ 11 đến giữa thế-kỷ 12

Trong những đoạn trước, người ta đã chứng-kiến một sự dời đô đầu tiên của người Chàm lùi vào Nam, trước áp-lực của Đại-Cồ-Việt từ miền Bắc vào. Trong thế-kỷ XI, áp-lực trên càng quyết-liệt hơn và đã khiến Triều-đình Chàm phải rời bỏ những vùng đất Bắc Vương-Quốc.

Lãnh-địa Chàm thu hẹp dần. Nhiều dịp hòa bình để lấy lại sinh-lực, rồi một cuộc vùng lên tiến ra Bắc, rồi lại bị dồn ép lại. Sự việc đã xảy ra như một thứ hiện-tượng thu-trương thiếu bền-bỉ ...

1000 - 1074

ÊN ngôi trong những năm cuối thế-kỷ thứ X và dời đô từ Indrapura *(Quảng-Nam)* năm 1000 về Vijaya *(Bình-Định)*, Vua **Yang Pu Ku Vijaya** đã phái sứ-giả sang Trung-Quốc vào khoảng 1004 — 1005 để báo tin việc dời đô này.

Năm 1010, có một ông vua khác kế-vị, mà danh-hiệu bằng chữ Tàu dường như phiên-âm chữ **Harivarman III**. Trào Vua này kéo dà lối 10 năm.

Năm 1021, **Parameçvaravarman II** mà trước đó 3 năm đã gởi sứ-thần sang Trung-Quốc, đã phải kháng-cự với cuộc xâm lăng ở biên-giới miền Bắc *(khoảng Quảng-Bình ngày nay)*. Con trai của Lý-Thái-Tổ *(sáng-lập nền Nhà Lý)* là Phật-Mã *(sau đó, vào năm 1028, lên nối ngôi Vua cha hiệu là Lý-Thái-Tôn)* đem quân nương theo đường biển đánh thình-lình vào trại Bố-Chánh của người Chàm. Vị chỉ-huy trại bị giết ngay từ lúc ra binh phản-công, quân-ngũ Chàm xáo-trộn, nhưng bên Đại-Cồ-Việt cũng tổn-thất nặng nên cũng không tiến quân thêm.

Năm 1926, quân Đại-Cồ-Việt lại xâm-lăng đất chàm một lần nữa.

Giữa năm 1030 và 1041, vua **Vikrântavarman IV** đã trải qua một triều-đại đen tối và hỗn-loạn. Năm 1042, người con là **Simhavarman II** xin Triều-đình Trung-Quốc phong Vương và năm sau thì dẫn quân lên cướp phá miền duyên-hải Đại-Cồ-Việt.

Để trả đũa lại, Vua Lý-Thái-Tôn đã thân-chinh chỉ-huy một đạo quân Đại-Cồ-Việt nương theo đường biển, vào năm 1044, tiến đánh Chiêm-Thành.

Trong cuộc đụng-độ đầu tiên, ở vào vùng Thừa-Thiên bây giờ, quân Chàm bị đánh bại và Vua Chàm Lị bắt ngay tại trận chiến. Lý-Thái-Tôn xua quân xuống đánh chiếm luôn Vijaya *(thành Đồ-Bàn)* và trở về nước mang theo đoàn cung-nhân nhạc-nữ Chàm.

Nhân dịp nầy tục truyền rằng có một cung nữ Chàm *(sách Việt chép là nàng My-Ê)* đã quyết giữ tiết không chịu tuân lịnh sang chầu bên thuyền Vua Đại-Cồ-Việt và đã trầm mình tự-tử (1). Xúc-động trước tấm lòng trung-tín đáng khen của My-Ê,

---

(1) Thi-sĩ Tản-Đà Nguyễn-Khắc-Hiếu *(1888-1939)* có làm một bài từ khúc « **Tâm-sự nàng My-Ê** », tưởng cũng nên chép lại đây để làm tài-liệu :

Châu-Giang một giải sông dài,
Thuyền ai than thở một người cung-phi !
Đồ-Bàn thành phá hủy,
Ngọa Phật tháp thiên di.
Thành tan, tháp đổ,
Chàng tử biệt,
Thiếp sinh ly.
Sinh ký đau lòng kẻ tử quy !
Sóng bạc ngàn trùng,
Âm-dương cách trở.
Chiên hồng một tấm,
Phu-thê xướng-tùy.

✱

Ôi mây ! ôi nước ! ôi trời !
Đủa ngọc, mâm vàng, giọt lụy rơi.
Nước sông trong đục,
Lệ thiếp đầy vơi.
Bể bể, dâu dâu, khóc nỗi đời !
Trời ơi ! nước hỡi ! mây hỡi !
Nước chảy, mây bay, trời ở lại,
Để thiếp theo chồng mấy dặm khơi !

nhà Vua Đại-Cồ-Việt đã truy-tặng người cung-nữ nầy tước « Hiệp chánh Hộ-thiên » và nay ở Phủ-Lý, Hà-Nam *(Bắc-Việt)*còn có đền thờ.

Ngoài ra, vào khoảng 5.000 tù-binh Chàm đã được phân chia cho các xã Vĩnh-Khương và Đăng-Châu, nhằm vùng Nghệ-An bây giờ.

Vua kế-nghiệp Jaya Simhavarman II là một vị tướng thuộc gia-đình quý-tộc dưới các trào vua trước, xưng-vương hiệu là **Jaya Parameçvaravarman I** và các bia khắc ở miền Nam cũng lại bắt đầu với sự xuất-hiện của vị vua nầy.

Vì « người dân tại Pânduranga thường phóng-đãng, làm bậy, luôn luôn chống lại Vua », Jaya Parameçvaravarman I, năm 1050, đã phái người cháu là Yuvarâja Çri Devarâja Maha Senâpati đi thu phục họ (1). Để ăn mừng chiến thắng, Yuvarâja cho xây một « linga » tưởng-niệm Pô Klong Garai và một đài chiến thắng (2).

Về phần Vua thì cũng trong năm ấy, đã cho kiến-tạo lại đền Pô Nagar ở Nha-Trang và dâng tặng những nô-lệ gồm cả người Khờ-Me, người Trung-Hòa, người Pulâm *(Miến-Điện)* và người Syâm *(Thái-Lan)* (3).

Vốn muốn hòa với các nước lân-bang, vị Vua nầy đã gởi ba phái-đoàn sứ-giả sang Trung-Quốc giữa những năm 1050 và và 1056 và năm phái-đoàn sang Đại-Cồ-Việt từ 1047 đến 1060.

Triều vua kế tiếp ngắn-ngủi và người ta chỉ được biết hiệu là **Bhadravarman III**, tại ngôi năm 1061. Cuối năm đó, người em út là **Rudravarman III** lên nối ngôi và gởi một phái-đoàn

---

(1) L. FINOT, Pânduranga. BEFEO. III p. 645.
(2) » » » p. 646
(3) Ibid, p. 646.

sứ-giả sang Trung-Quốc năm 1062, và 3 phái-đoàn sang Đại-Việt *(đổi lại là Đại-Việt từ đời Lý-Thánh-Tôn năm 1054)* vào những năm 1063, 1065 và 1068.

Nhưng ngay những năm đầu, triều Vua nầy đã có chuẩn bị chiến-tranh với Đại-Việt ; một cuộc tấn-công đã mở màn năm 1068.

Vua Lý-Thánh-Tôn phản-ứng tức thì, đã dẫn một đạo hải thuyền vào đến Çri Banoy *(Qui-Nhơn)*, cạnh kinh-đô Chàm.

Quân Chàm bị đánh bại ngay trong nước, Rudravarman III thừa lúc ban đêm, đã trốn ra khỏi kinh-thành và ẩn-náu ở Cam-Bốt.

Nhờ dân-chúng chịu hàng-phục, Vua Lý-Thánh-Tôn kéo quân xâm-nhập kinh-đô Chàm không gặp khó-khăn nào cả.

Nhiều đạo quân được phái đi đuổi theo và bắt được Vua Chàm trên lãnh-thổ Cam-Bốt *(1069, tháng tư)*. Tháng kế tiếp đó, nhà vua Đại-Việt bày yến-tiệc đãi các quân binh trong cung-điện Chiêm-Thành và để đánh dấu việc thắng trận, nhà vua đã tổ-chức cuộc múa vui ngay tại sân chầu.

Đồng thời, tin thắng trận và việc bắt được Vua Chàm cũng được loan-báo nhanh-chóng sang Trung-Quốc.

Một cuộc kiểm-tra cho biết có tất cả trên 2.560 gia-đình và nhà vua Đại-Việt đã ra lịnh thiêu-hủy tất cả nhà cửa xây cất trong vòng thành và các khu phố Vijaya.

Vua Chàm Rudravarman III và gia-quyền bị bắt giải về Bắc Việt và chỉ được trả tự-do 1069, những phải nhượng Đại-Việt 3

---

(1) AYMONIER, Première étude sur les insc. tchames, J. Asiat Janv. Fév. 1891, p. 29.

châu miền Bắc Chàm : Địa-Lý, Mã-Linh và Bố-Chánh, nằm tại vùng Quảng-Bình và Quảng-Trị ngày nay.

Người ta không được rõ lúc trở về nước, vị Vua nầy đã có thể sắp xếp lại mọi việc hay không, khi mà xứ sở đã bị hỗn-loạn và suy yếu như vậy. Có điều chắc là triều-đại nầy kéo dài từ 1044 và chấm dứt vào năm 1074. Biên-giới Đại-Việt nhờ đó, được nới rộng đến Cửa Việt và Champa đã phải rời bỏ luôn lãnh - địa Lâm-Ấp cũ.

1074 - 1113

Hoàng - Tử Thâng *(Vishnu, Madhava hay Devatamûrti)*, cha giòng dõi biểu - tượng cây dừa *(Narikelavamça)* và mẹ thuộc giòng cây cau *(Kramukavamça)* xưng vương năm 1074, hiệu **Harivarman IV**.

Trong buổi đầu, Harivarman IV phải đánh đuổi quân Đại Việt *(dưới quyền chỉ-huy của Lý-Thường-Kiệt)* đánh bại quân Khờ Me và truy-kích họ đến vùng sông Cửu-Long.

Năm 1076, Harivarman IV kín-đáo liên-kết với Trung-Quốc, chống Đại-Việt, nhưng năm sau thì lại gởi lễ-vật sang công-hiến xứ nầy.

Trong phần lớn thời-gian tại ngôi, Harivarman IV đã cố gắng khôi-phục lại một nước Chàm sáng chói như ngày nào (1). Ngài cho dựng lại kinh đô Champa và Simhapura *(Quảng-Nam)* xây nhiều đồn tại Mỹ-Sơn. Kinh-đô Champa ở đây tức là [illegible] từ lâu bị bỏ, vì vị-trí quá gần biên-giới, mục-tiêu các cu[illegible]

---

(1) L[illegible] ser. Je Mi Sơn, B[illegible] EO. IV, pp. [illegible].

của ngoại-bang. Nhưng Indrapura là thành-phố có nhiều di-tích lịch-sử, nhứt là ngôi đền Bhadreçvara và những đền tháp đã được vua chúa các triều-đại trước xây-dựng nên.

Năm 1080, Harivarman IV truyền ngôi cho con lúc ấy mới 9 tuổi, Hoàng-Tử Vâk, hiệu **Jaya Indravarman II** và mất năm kế tiếp.

Jaya Indravarman II còn quá trẻ « chưa biết những điều tốt xấu để cai-trị Vương-Quốc, nên làm những điều đối nghịch lại quy lệ của triều-đình » (1) và phải gần một tháng trời, mới tìm được người nhiếp-chánh.

Một vị Hoàng-Thúc đã được cử đảm-nhiệm công việc nầy và chính Ông Hoàng Pâng, người mà dưới trào Vua trước, đã đánh chiếm được Çambhupura của người Khờ-Me.

Vị nầy lên ngôi, hiệu là **Paramabodhisattva**. Dường như đã có xảy ra việc tiếm-ngôi thực-sự, vì trong 6 năm trị-vì, Paramabodhisattva cho gởi lễ - vật sang Đại - Việt cống - sứ mỗi năm và đã phải đối phó nhiều âm-mưu tự-trị của Pânduranga luôn-luôn bất tuân lịnh (2).

Năm 1086, phe của người cháu đã giành được phần thắng và đã lấy lại được ngôi Vua sau một cuộc bạo-động.

Liền khi trở lại ngôi Vua, Jaya Indravarman II tái-lập bang giao với Trung-Quốc và đều-đều gởi lễ-vật sang Đại-Việt cho mãi đến năm 1091.

(1) L. FINOT, Inser. de Mi Son BEFEO, IV, p 940

(2) L. FINOT, loc. cit., p. 949

Sau vài năm gián - đoạn và do đó đã bị nhắc - nhở, Indravarman II trở lại triều-cống từ năm 1095 đến 1102. Nhưng năm 1103 do sự xúi-giục của một người Việt tị-nạn, vẫn tưởng đã lấy lại được 3 châu Bắc-Bộ đã bị mất năm 1069, nhưng quân của Indravarman II chỉ chiếm giữ được có vài tháng mà thôi.

Triều-đại đã diễn ra trong hòa-bình cho đến năm 1113 ; Indravarman II tiếp-tục công-trình trùng-tu xứ sở của những vị Vua trước và cho xây thêm đền đài tại Mỹ-Sơn.

1113 - 1117

Vua Jaya Indravarman II mất năm 1113 truyền ngôi cho người cháu hiệu là **Harivarman V**, trị nước trong an-bình và tiếp-tục những công-trình kiến-tạo tại Mỹ-Sơn. Vào khoảng giữa năm 1116 và 1126, nhiều phái-đoàn sứ-giả đã được trao đổi với Trung-Quốc và Đại-Việt. Vì không có người thừa - kế có đủ khả-năng để nối ngôi, Harivarman V, vào năm 1133, có nuôi một người con nuôi với tước-vị Yuvarâja, gốc-gác không ai rõ một cách chắc-chắn, nhưng đã kế-nghiệp vương năm 1139, hiệu **Jaya Indravarman III** (1).

Những đền-đài của vị tân-vương xây tại Mỹ-Sơn năm 1140 và tại Pô Nagar năm 1143 (2) chứng-tỏ người có uy-quyền khắp từ Bắc vào Nam. Năm 1131, Indravarman III giúp quân Khơ-Me đánh chiếm Nghệ-An (3), nhưng sau đó, đã hòa-thuận với Đại-Việt. Năm 1145, đã biến mất trong trận chiến chống quân Khơ-Me xâm-lăng, không rõ là bị quân-thù bắt đi hay đã bị giết ở chiến-trường.

---

(1) L. FINOT, Inscr. de My-Son, BEFEO, IV, p. 954.

(2) AYMONIER, Première étude sur les inscriptions chames. JJ. Asiat. Janv. Févr., 1891, p. 37.

(3) Supra, p. 205.

Kinh-thành và phần lớn xứ Chàm bị rơi vào tay quân Khơ-Me. Dân-chúng miền Pânduranga bảo-vệ được một vị tân-vương hiệu là Rudravarman IV, xưng-vương năm 1145 và trốn thoát về miền Nam, nhưng vị vua nầy không trị-vì bao giờ cả và mang thụy-danh là **Brahmaloka** (1).

Người con là Ratnabhumivijaya, Hoàng-Tử Çivanandana, giòng dõi Paramabodhisattva, đã từng bị đày-ải dưới thời Harivarman V và Jaya Indravarman III. Trước hết người đã rời bỏ Tổ-Quốc, đã « hưởng và chịu nhiều vui buồn ở xứ người, để sau cùng, quay lại Chiêm-Thành ». Trước đó, người đã từng theo cha ẩn trốn tại Pânduranga và dân-chúng tại đây tôn làm vua năm 1147, danh hiệu **Jaya Harivarman I**. Chính vị vua nầy sau đã đánh bại Suryavarman II *(Cam-Bốt)* cùng khởi-quân năm 1149 đánh Hoàng-Tử Khơ-Me Harideva và tái-chiếm kinh-đô Vijaya rồi lên ngôi Vua.

Nhưng công việc dường như chỉ mới bắt đầu, vì suốt 17 năm trị-quốc, vị Vua nầy không ngớt chiến-chinh để duy-trì uy-quyền : đầu tiên, chống Kirâta tức người Thượng « Ra-đê, Mạ »... Và những sắc dân khác *(Mlecch'a)* tập-hợp dưới quyền điều-động của một người anh rể đối-nghịch : Vamçarâja (2). Vị nầy bị đánh bại năm 1150, đã cầu-viện Đại-Việt và đã được giúp 5.000 quân từ Thanh-Hóa và Nghệ-An vào.

Dấu bia đá tìm thấy ở Mỹ-Sơn cho biết : « *Nhà vua Yuan (Đại-Việt) vì được biết vua Cam-Bốt gây nhiều khó-khăn cho Jaya Harivarman nên đã phong cho một người xứ Chàm là*

---

(1) L. FINOT, loc. cit., pp. 959-961. -- AYMONIER, loc. cit. p. 39.

(2) » » p. 965 — » » p. 42.

Vamçarâja *lên làm vua và còn giúp nhiều « senâpati yuan » với đoàn quân thiện-chiến vào lối một trăm ngàn người. Đoàn quân nầy kéo đến tận miền đồng-bằng Dalvâ và Lavang. Tức thì Jaya Harivarman đem quân từ Vijaya ra nghinh-chiến. Hai bên đánh ghê-gớm và sau cùng Jaya Harivarman đã đánh bại Vamçarâja ; quân lính bị chết rất nhiều »* (1).

Tiếp-tục bình-định sứ sở, Jaya Harivarman I khắc-phục Amarâvâti (*Quảng-Nam*) năm 1151 (2) rồi Pânduranga năm 1160, sau 5 năm chiến-đấu (3).

Chiến-thắng được các nơi, vị Vua nầy đã xây-dựng đền đài ở Mỹ-Sơn và Pô Nagar (4) vốn là hai vùng đất thiêng quan trọng của Vương-Quốc. Một đoàn sứ-giả được gởi sang Trung Quốc năm 1155 và cả loạt phái-đoàn khác sang Đại-Việt giữa năm 1155 và 1166.

Tại Triều-đình, có một vị đại-thần tên là Jaya Indravarman Grâmapura « quán-thông mọi việc đao binh, văn phạm, chiêm-tinh ... » (5). Năm 1163 — 1195, người ta thấy vị nầy góp công vào việc xây-dựng các đền-đài ở Mỹ-Sơn (6).

Khi Jaya Harivarman I mất vào lối 1166 — 1167, người ta không được biết chắc có xảy ra việc chi không ; cũng không

---

(1) L. FINOT, loc. cit., p. 965.

(2) AYMONIER, loc. cit. p. 42.

(3) » » p. 41.

(4) L. FINOT, loc. cit., pp. 965, 966, 968—AYMONIER, loc. cit. p. 42.

(5) L. FINOT, loc. cit., p. 973.

(6) L. FINOT, BEFEO, XV, 2, p. 50.

chắc là con của Jaya Harivarman I là Jaya Harivarman II có lên ngôi và trị nước. Người ta chỉ biết vị Vua nầy qua hai bia khắc tìm được ở Mỹ-Sơn.

Vào cuối năm 1166 hoặc đầu năm 1167, Jaya Indravarman Grâmapura đã truất đoạt ngai vàng và đã xin Triều-đình Trung Quốc tấn-phong vào năm 1167.

Buổi đầu, Triều Vua nầy chuyên lo chống-đỡ nạn chiến-chinh với Cam-Bốt và cũng với mục-đích dự-phòng, chống-đỡ với Cam Bốt, mà đã phải thuận-hòa với Đại-Việt và gởi lễ-vật sang xứ nầy vào năm 1170.

CHƯƠNG THỨ NĂM

Vương - Quốc Chàm từ cuối thế - kỷ 12 đến cuối thế - kỷ 13

Trong hơn một thế-kỷ, nhiều biến-cố, ngày càng thúc - đẩy người Chàm vào con đường suy-vong.

Trước hết, là việc người Chàm đánh chiếm thành Angkor năm 1177, đưa đến hậu-quả là Vương Quốc Chàm phải bị Cam-Bốt tạm chiếm ngược lại (1203 — 1220 Tây-Lịch)

Sau cuộc thử-thách kể trên, có một thời-gian dành cho việc xóa bỏ những hậu-quả của chiến tranh rồi cuộc chiến lại bắt đầu với Đại-Việt.

Năm 1280, sự đe-dọa trầm - trọng của một cuộc xâm-lăng của quân Mông-Cổ vào Đông-Nam-Á đã tạm-thời chấm-dứt sự tranh-chấp giữa Đại-Việt và Vương-Quốc Chàm, nhưng sự liên-kết chánh trị giữa hai nước đã lôi cuốn người Chàm vào một vị thế thục lùi.

CUỘC CHIẾN CAM - BỐT — CHAMPA

HOẢNG 1166 — 1167, ngôi Vua Chàm thuộc về một nhân - vật lấy hiệu là **Jaya Indravarman IV.**

Sau khi thuận-hòa với Đại-Việt vào năm 1170, vị Vua nầy quay sang Cam-Bốt. Một bia đá ghi rõ : *« Jaya Indravarman IV Vua Chàm, có tính tự-phụ như Râvana, đã vận-chuyển quân trên những chiến-xa, tiến đánh xứ « Kam-Bu »* (1). Nhưng cuộc chiến bất phân thắng bại. Jaya Indravarman IV liền thay đổi chiến lược và khởi đánh Cam-Bốt bằng đường biển vào năm 1177. Lần theo bờ biển, hải-đội Chàm chạy đến cửa sông Cửu-Long, rồi ngược giòng lên đến Biển-Hồ. Thành Angkor bị đánh úp thình-lình, Tribhuvanadityavarman, Vua Cam-Bốt thời ấy, bị giết, thành-phố bị tàn-phá hoàn-toàn.

Thành-công đột-ngột của Jaya Indravarman IV trong công cuộc đánh chiếm kinh-thành Khơ-Me đã xảy ra vào một giai-đoạn khó-khăn trong lịch-sử xứ Chùa-Tháp. Nhưng đối với người Chàm hậu-quả về sau lại chua cay và trầm-trọng khiến người ta có thể xem như là một yếu-tố quyết-định con đường suy-vong của Champa.

Người ta không được rõ những nguyên-động-lực nào đã thúc đẩy Jaya Indravarman IV xua quân tiến-chiếm tận trung-tâm Vương-Quốc Khơ-Me. Có thể chỉ là việc tiếp-tục một cuộc chiến chống Suryavarman II mà hơn ba mươi năm về trước đã xâm chiếm và cướp phá thành ViJaya.

---

(1) BEFEO, XXIX, p. 324.

Tháp Đôi *(Bình-Định)*

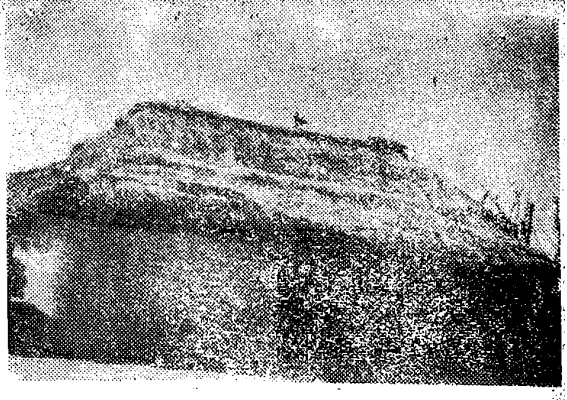

Tính-cách tạm-bợ của ngôi nhà bình dân Chàm của thế-hệ sau cùng *(Phan-Rang)*

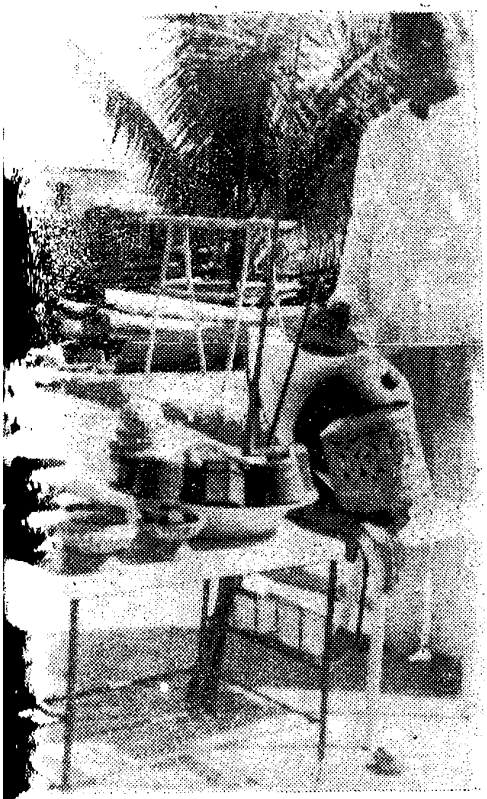

t vài mẫu bảo-vật Hoàng-Gia Chàm hiện lưu-giữ tại Phan-Rí *(bên phải là cái vương miện bằng vàng)*

Tượng Çiva với búi tóc Chàm cổ-truyền *(hiện lưu-giữ tại* Viện Bảo-Tàng *Đà-Nẵng)*.

Trung-Tá Đinh-Viết-Lảng
Tỉnh-trưởng Ninh-Thuận, trong một
buổi thăm viếng đồng-bào
Chàm Phan-Rang *(1965)*

Chức-sắc Chàm Phan-Rang

★

Bà Nguyễn-thị-Thềm
thuộc giòng Vua Chàm, hiện chấp
giữ kho-tàng Hoàng-tộc Chàm
tại Tỉnh-Mỹ *(Bình-Thuận)*

Đại-úy Dương-Tấn-Sở *(Chàm)*
Quận-trưởng An-Phước *(Ninhthuận)*
và phu-nhân trong một buổi tiếp-xúc
với đồng-bào Chàm.

Ngoài ra, vì ảnh-hưởng Khơ-Me trong nền mỹ-nghệ Chàm rất rõ-rệt, nên người ta tự nghĩ, cũng có thể rằng việc đánh chiếm Cam-Bốt vào lúc Yasovarman II bị Tribhuvanadityavarman tiếm ngôi chỉ có mục-đích trợ giúp một ông Hoàng Khơ-Me nào đó đã liên-kết ít nhiều mật-thiết với vua Chàm.

Hơn nữa, lúc ấy, một Thế-Tử chính-thống Khơ-Me *(Jayavarman VII tương-lai)* lại cũng đang hướng-dẫn một đạo quân trên đường đánh Champa... Chi-tiết các cuộc liên-kết, thân-thuộc giữa các giòng dõi hai bên, sử sách không ghi rõ. Tuy nhiên, vịn vào một số sự-kiện trong bang-giao giữa hai nước, người ta tiên đoán rằng có lẽ đây là hậu-quả của một chánh-sách liên-kết, liên hệ trực-tiếp đến những cuộc tranh giành ngai vàng tại Cam-Bốt lẫn Chiêm-Thành.

Năm 1181, sau nhiều cuộc thủy-chiến chống quân Chàm *(hình ảnh còn khắc ghi trên bờ tường Bayon và Banteay Ch'mar ở Cam-Bốt)*, Jayavarman VII giải-phóng được Cam-Bốt và lên ngôi vua (1).

Để trả đũa Chiêm-Thành, Jayavarman VII đã dùng một ông Hoàng Chàm trẻ tuổi tên Vidayânandana (2) đang ẩn-náu tại Cam-Bốt.

Công-cuộc trả thù nầy đã được chuẩn-bị nhiều năm.

Trước hết, là làm sao để Đại-Việt, thời ấy là Lý-Cao-Tôn (3) đứng trung-lập.

---

(1) G. COEDÈS, Quelques suggestions sur la méthode à suivre pour étudier les bas-reliefs de Banteay Ch'Mar et de la galerie intérieure du Bayon, BEFEO, XXXII, pp. 76-78.

(2) BEFEO, IV, p. 974.

(3) AYMONIER, Cambodge, III, p. 527.

Năm 1190, Vua Chàm là **Jaya Indravarman Ong Vatuw** (1) lại xua quân tấn-công Cam-Bốt, tạo cơ-hội thuận-tiện cho Jayavarman VII tiến đánh Champa.

Người ta không rõ Jayavarman VII có đích-thân dự cuộc chiến đánh Chiêm-Thành không. Tuy nhiên, một bia khắc tại đền Pô Nagar *(Nha-Trang)* nói rằng Jayavaman VII đã chiếm được kinh-đô Chàm và đã cướp lấy tất cả « linga » (2).

Việc điều-khiển quân-đội đánh Chiêm-Thành được giao-phó cho một ông Hoàng trẻ tuổi Chàm Vidyânandana. Vị nầy tiến-chiếm kinh-thành Vijaya *(Bình-Định)* và bắt vua Chàm Jaya Indravarman IV giải về Cam-Bốt, thay thế vua Chàm bằng Ông Hoàng tên IN, anh em rể của Jayavarman VII. Vị nầy lên ngôi Vua Chàm, hiệu là **Suryavarmadeva**, tự ấn-định lấy một Vương-Quốc ở miền Nam, tại Pânduranga, tên là Suryavarmadeva.

Nước Chàm do đó bị phân chia ra làm hai phần đất, có hai Vua, một Vua là thân-thuộc của Vua Cam-Bốt trị-vì Vương-Quốc Vijaya ở miền Bắc, một Vua khác gốc Chàm nhưng tùy-thuộc vào Vị nầy cai-trị Vương-Quốc Pânduranga ở miền Nam.

Tình-trạng đó kéo dài không lâu, một cuộc nổi loạn tại Vijaya đã đánh đuổi người anh em rể của Vua Cam-Bốt về nước và đặt lên ngôi Vua một Ông Hoàng Chàm : **Rashupati** tức **Jaya Indravarman V.**

Vidyanandana tự là **Suryavarmadeva** làm chủ miền Phan-Rang, đập tan ách thống-trị của Vua Cam-Bốt và thống-nhứt

---

(1) L. FINOT, Insc. de Mi Son, BEFEO, IV, p. 975. Trong « Le Royaume de Champa », tr. 161, G. MASPERO đã cho JAYA INDRAVARMAN ONG VATUW và JAYA INDRAVARMAN IV GRÂMAPURA, người đã chỉ huy cuộc xâm-lăng 1177, là một người.

(2) AYMONIER, Pre, étude, J. Asiat., Janv. — Fév., 1890, p. 48.

đất nước về cho mình, sau khi đã lần-lượt giết cả hai Jaya Indravarman, một ở Vijaya (*Rashupati*) và người tù-binh cũ của Cam-Bốt, có lẽ vừa được Jayavarman VII thả về để chống Vidyanandana.

Năm 1192, Vidyanandana Suryavarmadeva trị nước yên-ổn Vương-Quốc Chàm thống-nhứt trở lại và không có sự chống đối nào cả (1).

Năm 1192 và 1193, Vua Cam-Bốt là Jayavarman VII đã thử khắc-phục xứ Chàm một lần nữa nhưng thất-bại.

Chỉ đến 1203, một người chú của Jayavarman VII là Yuvarâja **Ông Dhanapâtigrâma**, nhờ Cam-Bốt giúp sức, mới đánh đuổi được Vidyânandana Suryavarmadeva. Vị nầy đã cầu cứu nơi Đại-Việt, nhưng không được và đã biến mất, không lưu lại dấu vết nào cả. Cần ghi nhận là vị nầy đã được Đại-Việt phong Vương năm 1199.

Sử chép rằng Suryavarmadeva khi trốn sang Đại-Việt có mang toàn-thể gia-đình và một số cận-thần chở trên hai trăm chiến-thuyền. Sự xuất-hiện của đoàn chiến-thuyền nầy đã khiến triều-đình Đại-Việt nghi ngờ; một võ-tướng, được phái đến cảng Cửu-La lấy tin-tức, đã cùng Phạm-Giêng lúc đó làm Tổng-Đốc Nghệ-An nhận-định tình-hình và quyết-định trừ-khử Suryavarmadeva

Nhờ được báo trước, Suryavarmadeva đã mời Phạm-Giêng xuống thuyền mình mạn-đàm. Phạm-Giêng cho giấu vũ-khí trên thuyền chở mình ra gặp Suryavarmadeva và ra lịnh binh-sĩ đốt đuốc xem chừng các thuyền Chàm.

---

(1) Những sự việc nầy được ghi lại trong một bia đá ở Mỹ-Sơn, do L. FINOT chép lại trong BEFEO, trang 975.

Nhưng đêm đến, bọn lính canh Đại-Việt ngủ quên, các binh lính Chàm cho liệng đuốc đang cháy sang thuyền Đại-Việt khiến quân Đại-Việt hoảng-hốt nhảy cả xuống biển, đoàn thuyền Suryavarmadeva nhổ neo ra khơi và từ đó, không ai được tin về Suryavarmadeva nữa.

Từ 1203 đến 1220, Champa trở nên một lãnh-địa của Cam Bốt dưới quyền cai-trị của Yuvarâja Ong Dhanapatigrâma.

Năm 1226, ngôi vua Chàm thuộc một ông Hoàng tên Angçaraja Turaiviraja, vốn là cháu của Jaya Harivarman I và đã được nuôi dưỡng tại triều-đình Cam-Bốt Jayavarman VII. Triều Vua nầy lấy hiệu là **Jaya Parameçvaravarman II.** Và theo G. Maspero, « *như vậy là chấm-dứt cuộc chiến kéo dài 100 năm giữa người Chàm và người Khơ-Me. Người Khơ-Me mắc bận lo đương-đầu với kẻ thù mới là Thái-Lan, không nghĩ đến việc xâm-nhiễu Champa nữa. Dài theo thế-kỷ, họ chỉ còn theo dõi những biến-chuyển của tình-hình trong xứ Chàm mà thôi. Những kẻ mạo-hiểm tham bạc tiền và danh-vọng, dĩ-nhiên, vẫn còn dẫn đầu những toán quân bất-thường, phù-trợ một nhân-vật nào đó, để hưởng lấy một số lợi lớn-lao, trong những cuộc nội-loạn xứ Chàm* ».

Phần lớn trong triều vua Jaya Parameçvaravarman II, người ta mắc bận to trùng-tu lại hệ-thống dẫn thủy nhập điền, xây-dựng những đồ nát chồng-chất sau những cuộc chinh-chiến vừa qua.

Ở Nam-bộ Champa, các « linga » đều được đặt trở lại, như Yang Pu Nagara *(Pô Nagar Nha-Trang)* và ở Bắc-bộ Cricânabhadreçvara *(Mỹ-Sơn)* (1).

---

(1) L. FINOT, Inscr. de Mi-Sơn, BEFEO, IV, p. 976.

Vào cuối Triều-đại, có một cuộc tranh-chấp với Đại-Việt.

Tại Đại-Việt, từ 1225, chủ-quyền thuộc nhà Trần. Vua Trần Nhân-Tôn, đã khiển-trách Champa về vụ người Chàm thường không ngớt cướp bóc dọc theo bờ biển Đại-Việt.

Vua Chàm phúc-đáp bằng cách đòi quy-hoàn ba Tỉnh Bắc Bộ, một vấn-đề vốn đã gây bất-hòa bao nhiêu lần giữa hai nước.

Năm 1252, Vua Trần-Nhân-Tôn liền đích-thân điều-khiển một đoàn quân chinh-phạt Chàm và đã bắt nhiều tù-binh Chàm trong đó có nhiều vị Đại-thần và cung-phi của Triều-đình Champa.

Có lẽ Vua Chàm đã bị chết trong cuộc chiến nầy, vì lẽ sau đó ít lâu, người ta thấy ngôi Vua thuộc về người em út của vị nầy tức ông Hoàng Haridevasakan Vijaya, mà năm 1249, với tư-cách Yuvârajâ, có điều-khiển một đội quân đánh Pânduranga (1). Vị tân Vương nầy « am-tường các khoa-học và các ngành triết-lý » (2). lên ngôi hiệu là **Jaya-Indravarman VI** nhưng chỉ trị-vì được ít lâu, kẻ bị một người cháu tên Harideva cướp ngôi năm 1257 (3).

(1) L. FINOT, BEFEO, XV, p. 976.

(2) L. FINOT, BEFEO, IV, p. 954.

(3) BEFEO, XV, 2, p. 51.

QUÂN MÔNG-CỔ XÂM-LĂNG CHAMPA (1283 - 1285)

Harideva (1) lên ngôi hiệu là **Jaya Simhavarman,** nhưng khi làm lễ đăng-quang năm 1266 thì đổi lại là **Indravarman V** (2).

Từ 1266 đến 1270 ít ra cũng có 4 phái-đoàn ngoại-giao được gởi sang Đại-Việt để kết chặt tình thân-hữu lân-bang.

Nhưng liền đó, lại xảy ra nạn xâm-lăng của quân Mông-Cổ.

Năm 1278 rồi đến 1280, Indravarman V được mời sang triều-kiến Trung-Quốc, nhưng Indravarman V đã không đích thân đi mà chỉ khéo-léo đưa các phái-đoàn sứ-giả mang lễ-vật sang mà thôi. Dĩ-nhiên, thái-độ đó không làm cho triều-đình Trung-Quốc bằng lòng.

Năm 1282, Trung-Quốc bèn phái hai vị Tướng sang Chiêm-Thành với danh-nghĩa giúp Indravarman V trị nước, an dân, nhưng dưới sự thúc đẩy của Hoàng-Tử Harijit, dân-chúng phản-ứng mạnh không nhận nền đô-hộ Tàu và vì vậy, các Sứ-giả nhà Nguyên đành quay về.

Trước sự việc đó, năm 1282, Triều-đình Trung-Quốc nhứt định đưa quân sang chinh-phạt Chiêm-Thành.

Thêm một lý-do để Trung-Quốc tức-tốc gởi quân sang, là ngay khi ấy, Chiêm-Thành lại bắt giữ tất cả Sứ-giả Tàu được phái sang Xiêm khi họ vừa đến gần bờ biển Chàm.

---

(1) L. FINOT, BEFEO, IV, p. 51.

(2) AYMONIER, J. Asiat., Janv. — Fév., 1891. L. FINOT, BEFEO, IV, p. 51.

Trước khi đưa quân đánh chiếm kinh-thành Chàm, lúc đó được phòng-thủ kiên-cố, vị tướng Tàu nhiều lần gởi tới-hậu-thơ cho Indravarman V buộc phải đến trình-diện. Chờ mãi không có phúc đáp, quân Tàu bèn tiến đánh.

Quân Chàm gồm lối 10.000 người do cửa Nam xuất trận, khua chiêng, trương hiệu-kỳ, chia thành 3 đạo đốc-thúc lối 10 thớt voi ra kháng-cự mãnh-liệt.

Cuộc chiến đã diễn ra vào khoảng 6 giờ đồng hồ thì quân Tàu tràn chiếm được thành, Indravarman V cho đốt kho lương, rút quân về miền núi, bỏ kinh-thành lại cho địch, để đến hôm sau, lại phái người cậu Pa Tao Ta Ha, (*Bhadradeva*) đem 200 thẻ lụa, 3 khối bạc lớn và 50 khối bạc nhỏ... ra mắt Tướng Tàu xin 3 ngày để vị Hoàng-Tử sẽ đến hội-kiến, còn riêng Vua thì bị bịnh không đến được.

Tướng Tàu tạm nhận lễ-vật nhưng buộc Indravarman V phải đích-thân đến mới được.

Dù vậy, sau đó, Indravarman V vẫn phái 2 Hoàng-Tử đến, thay vì đích-thân hoặc cho Đông-Cung Thái-Tử, như đã hứa, vị Tướng Tàu nổi giận bèn sai 2 phái-viên đến gặp tận mặt Indravarman V. Hai phái-viên nầy bị chặn lại và phải quay về.

Được biết Vua Chàm đang cố-thủ trên núi với 20.000 quân và hiện còn đang chờ tin cầu-viện ở Đại-Việt, Cam-Bốt và Java, Tướng Tàu quyết tiến đánh, nhưng vẫn không kết-quả, và phải hao quân khá nhiều.

Trước tình-thế đó, và một phần do khí-hậu không thích hợp, quan quân Tàu xuống tinh-thần và cùng nhau đào-ngũ.

Đầu năm 1284, một đạo quân Tàu khác gồm 15.000 được đưa sang Champa tăng-viện, nhưng khi đến Çri Banoy thì một phần đại-binh Tàu và vị Tổng chỉ-huy đã bỏ về Trung-Quốc rồi.

Trong khi đó, Triều-đình Chàm vẫn rút trên núi hiểm-trở, lo chỉnh bị quân-cơ.

Tuy nhiên, nhận thấy xứ-sở đã quá cơ-cực vì chiến chinh, Indravarman V sau cùng đã phái vài phái-đoàn sứ-giả sang Trung-Quốc cầu hòa và hứa sẽ triều-cống mỗi năm.

Dù vậy, Trung-Quốc vẫn cương-quyết cử đại-binh chinh phạt Chiêm-Thành. Nhưng lần nầy thì tính dùng Bộ-binh, tức phải đi ngang qua lãnh-thổ Đại-Việt, và cần phải nhờ Đại-Việt tiếp-tế lương-thực mới được.

Trong khi đó, Vua Trần-Nhân-Tôn, cũng như Indravarman V đã nhứt quyết không chịu đích-thân sang Trung-Quốc triều-cống, nên vẫn ngại Trung-Quốc sau khi hoàn-tất cuộc chinh-phạt Chiêm Thành, lại lợi-dụng lợi-thế đóng quân, trở lại đánh chiếm Đại Việt luôn.

Mặt khác, bang-giao Chiêm-Thành và Đại-Việt lúc đó đã diễn ra êm đẹp ; Indravarman V vẫn thường gởi lễ-vật tặng Trần Nhân-Tôn và đặc-biệt năm 1282, Triều-đình Đại-Việt đã nhận một Bạch-tượng của Chàm.

Những sự-kiện trên khiến Đại-Việt thêm cương-quyết không cho Trung-Quốc kéo quân qua lãnh-thổ mình.

Mặc dù quân Đại-Việt đã đóng thủ ở các điểm sung-yếu, Đại-binh Tàu nhờ phân tán thành những toán nhỏ, vẫn lọt được vào nội-địa Đại-Việt, vượt Lô-Giang, tiến chiếm kinh-đô hồi đầu năm 1285.

Tháng 4 âm-lịch, Vua Trần-Nhân-Tôn từ miền núi xua quân phản-công, đánh bại quân Tàu tại Thanh-Hóa và đuổi chúng khỏi bên kia bờ Lô-Giang.

Một đạo quân Tàu khác đồ-bộ tại Champa, không hay biết cuộc thất-trận nầy, nên vẫn tiến lên miền Bắc, thình-lình bị quân Đại-Việt chận đánh tan-tác.

Nhờ đó, Vương-Quốc Chàm thoát qua sự quấy-nhiễu của quân Mông-Cổ ; các đoàn quân nầy phải tiêu hao rất nhiều quân-sĩ và rút lui không thu-hoạch được một cái gì đáng kể.

Muốn cho họ không trở lại nữa, Indravarman V buộc lòng phải phái một sứ-giả sang Trung-Quốc triều-cống ngày 6 tháng 10 năm 1285, cùng một lượt với Sứ-giả Cam-Bốt , mang theo mười nhạc-sĩ, nhiều thảo-dược, da cá sấu và vật-phẩm quý giá.

Năm 1288, nhà thám-hiểm Marco Polo đã có viếng xứ Chàm và có ghi-chú một tập-lục lạ-lùng của xứ Chàm thời đó :

Trong Vương-Quốc, các cô gái chỉ được lấy chồng, sau khi đã diện-kiến nhà Vua. Trong cuộc diện-kiến nầy, nếu nhà vua đẹp ý, thì cô gái sẽ lưu lại trong cung ; bằng ngược lại, nhà Vua sẽ tặng một món vật làm của hồi-môn cho cô gái đi lấy chồng.

Maco Polo đã thấy vua Chàm có đến 326 người con kể cả trai lẫn gái, trong số có lối 150 người đã đến tuổi đánh giặc được. Trong Vương-Quốc, cũng có rất nhiều voi cùng hương trầm và gỗ quý.

Khi Marco Polo ghé qua xứ Chàm thì Vua Indravarman V, qua những gian-lao chống Mông-Cổ, đã khá già yếu và đã mất một ít lâu sau đó.

Ngôi vua được truyền cho người con là Thế-Tử **Simhavarman III** sử Việt chép là **Chế-Mân** có lẽ do chữ Çri *(Chế)* và âm-vận « Man » cuối chữ Simhavarman.

Năm 1292, một đoàn thuyền quân Mông-Cổ có đi ngang bờ biển Chàm, để tiến đánh Java, vì những lời nhục-mạ của xứ nầy đối với sứ-giả nhà Nguyên và đồng-thời để khắc-phục luôn các xứ nhỏ bé vùng đảo Sumatra.

Simhavarman III đã có thái-độ cứng-rắn nên tránh được một cuộc đổ-bộ của quân Mông-Cổ lên đất Chiêm-Thành.

Về phái Đại-Việt năm 1301, Vua Trần-Nhân-Tôn truyền ngôi cho con là Trần-Anh-Tôn và ra tu ở núi Yên-Tử. Liên-lạc ngoại-giao lúc ấy với Chiêm-Thành rất thưa-thớt. Năm 1301, nhân có đoàn sứ giả Chàm sang dự lễ Trần-Anh-Tôn lên ngôi, Thượng-Hoàng tức Trần-Nhân-Tôn bèn thực-hiện ý-định từ lâu là sang viếng các vùng đất thiêng Vương-Quốc Chàm.

Thượng-Hoàng đã lưu lại Triều-đình Chiêm-Thành 9 tháng và trước sự tiếp-đãi nồng-hậu của Vua Jaya Simharvarman III, đã hứa gả cho Chiêm-Vương một đứa con gái của mình.

Simhavarman III lúc đó đã có vợ chính-thất, công-chúa xứ Java tức Hoàng-Hậu Tapasi, nhưngnay lại muốn cưới thêm một Công Chúa Đại-Việt nữa. Cuộc cưới gã nầy đã gây bất-bình trong dân chúng ở cả Đại-Việt lẫn Champa và có lẽ đó là một phương-thức duy trì hòa-bình giữa hai nước, nhưng dù sao thì Champa cũng đã trả giá khá đắt về chính-sách liên-kết nầy.

Cho mãi đến 1305 người ta vẫn còn thương-lượng : Triều đình Đại-Việt cũng tìm mọi cách ngăn cản lần cuối, nhưng Simhavarman III đã sai Chế-Bồ-Đày mang lễ-vật sang Đại-Việt gồm nhiều vàng bạc, hương quý, vật lạ làm lễ cầu-hôn... Vua Trần Anh-Tôn quyết giữ lời hứa của Thượng-Hoàng, đã cho đưa Huyền-Trân Công-Chúa sang Champa.

Huyền-Trân Công-Chúa sau đó được Chiêm-Vương ban lước Parameçvari (1).

Đúng như lời hứa, Champa đã phải nhượng cho Đại-Việt hai Châu ở Bắc-bộ Đèo Hải-Vân là Châu Ô và Châu Lý. Theo Khâm-Định Việt-Sử, Thuận-Châu gồm các Huyện Đăng-Xương *(tức Thuận-Xương thuộc quận Triệu-Phong tỉnh Quảng-Trị)*, còn Hóa Châu là các Huyện Phú-Vang, Phú-Lộc tỉnh Thừa-Thiên và các Huyện Diên-Phước, Hòa-Vang tỉnh Quảng-Nam.

Năm 1307, Vua Trần-Anh-Tôn sai Đoàn-Nhử-Hài đến cai trị vùng đất mới nầy và đã cho đổi địa-danh lại là Thuận-Châu và Hóa-Châu, nhưng nhiều thôn xã Chàm không chịu nhận sự thống-trị của Đại-Việt. Để lấy lòng họ, nhà cầm-quyền Đại-Việt đã phải cấp-phát ruộng đất và đã miễn 3 năm thuế cho dân-chúng.

Simhavarman III đã không sống được lâu để tận hưởng những thú vui bên cạnh Công-Chúa Đại-Việt.

Trước khi mất vào mùa hạ, tháng 5 *(1307)*, Simhavarman III đã cho xây đền Pô Klong Garai tại Phan-Rang (2) và đền Pô Yang Prong tại Darlac (3).

Được báo tin, Vua Trần-Anh-Tôn lật đật sai Trần-Khắc-Chung lúc đó giữ chức Hành-Khiển tại trào, cùng một đoàn tùy-tùng sang Chiêm-Thành rước Huyền-Trân Công-Chúa về nước. Đây là một

---

(1) E. AYMONIER. L'Inscription Chame de Po Sah. Bull. Comm, Arch., Indochine, 1911, p. 15.

(2) H. PARMENTIER, Inventaire descriptif des monuments Chams, I. pp. 81-95.

(3) Ibid., pp, 557-559.

sứ-mạng hết sức khó-khăn và tế-nhị, vì theo tập-tục Chiêm-Thành thời ấy, bắt buộc Hoàng-Hậu phải tự-thiêu cùng trên giàn hỏa của Vua, để cùng chồng về bên kia thế-giới. Trần-Khắc-Chung đến Chiêm-Thành, tuyên-bố là để dự lễ hỏa-táng và nhờ khéo thuyết-phục, đã có thể đưa Huyền-Trân Công-Chúa ra bờ biển và lên xuống thuyền, trương buồm về Đại-Việt.

Nhiều giai-thoại cho rằng giữa Trần-khắc-Chung và Huyền Trân Công-Chúa đã có những liên-hệ tình-cảm từ trước, nên đã tư-thông với nhau trên đường về.

Ngoài ra, thuyền về lại bị ngược gió quanh-quất trên biển nên cuộc hành-trình đã lâu hơn dự-định và một năm sau mới về đến Đại-Việt.

Theo Đại-Việt Sử-Ký Toàn-Thư, Huyền-Trân Công-Chúa về đến Thăng-Long ngày 18, mùa thu, năm Hưng-Long thứ 16 tức 1308 ; Vua Anh-Tôn đã ra lịnh đưa 300 người Chàm, đi theo Huyền-Trân, quay về nước bằng đường thủy.

Theo Khâm-Định Việt-Sử, quyển 8, Hưng-Nhượng-Vương là Quốc-Tảng rất ghét chuyện tư-thông của Trần-Khắc-Chung, nên hễ thấy Trần-Khắc-Chung ở đâu thì mắng rằng : « *Họ tên người này không tốt, có lẽ nhà Trần mất vì người này* ».

Trần-Khắc-Chung hoảng sợ đã đi ẩn một nơi không ai rõ.

CHƯƠNG THỨ SÁU

Vương-Quốc Chàm từ 1307 đến khi rời bỏ thành Vijaya 1471 Tây-Lịch

Dự-định liên kết của Java Simhavarman III, với Đại-Việt bị thất bại, mặc dầu người Chàm đã phải hy-sinh 3 châu ở Bắc-Bộ Đèo Hải-Vân.

Sau khi Java Simhavarman III mất, cuộc phân-tranh giữa Champa và Đại-Việt tiếp-tục để sau cùng cán cân nghiêng hẳn về phía Đại-Việt.

Có thể chia cuộc chiến ấy thành 3 thời-kỳ :

1) Từ 1307 đến 1342 Tây-Lịch : Vương-Quốc Chàm bị lệ-thuộc vào Đại-Việt, sau đó tái-lập được nền tự-chủ vào năm 1366.

2) Từ 1342 đến 1390 Tây-Lịch : một cuộc chổi dậy cuối cùng của người Chàm suýt làm Đại-Việt nguy-vong, nhưng lại được cứu-vản nhờ một sự bội-phản trong hàng-ngũ Chàm.

3) Từ 1390 đến 1471 Tây-Lịch : người Chàm không thể lợi-dụng việc nhà Minh đánh chiếm Đại-Việt,nhiều cuộc nội-loạn đã làm yếu Vương-Quốc và khi cuộc chiến tái-phát thì Champa không còn khả năng chống đỡ nữa.

1307 — 1342

AYA SIMHAVARMAN III mất, đã truyền ngôi cho con là Hoàng-Tử Harijitatmaja *(con của Hoàng-Hậu Bhaskaradevi)* năm 1307, lúc được 33 tuổi (1). Bia khắc Pô Sah *(Bình-Thuận)* năm 1306 (2) cho biết rõ về cuộc sống của vị vua nầy. Sanh năm 1274, Harijit đã được ban tước Taval Sura Adhikavarman năm 1298 và 2 năm sau thì được giao cho cai-trị Mandalika... *(địa-danh không đầy đủ)* sau khi Vương-Quốc đã được phân chia từ con sông Vok cho đến Bhumana Vijaya *(chưa rõ ở đâu)*. Năm 1305 còn nhận thêm tước Pô Lyan Uddhrta Simhavarman và năm sau chắc là còn thêm tước Pô Lyan Mahendravarman nữa. Vì thiếu hiểu biết về địa-danh xưa, nên người ta không định được vị-trí của vùng đất nhượng cho Harijitatmaja, cả đến những tước-vị ban cấp cũng chỉ chứng-tỏ một thứ uy-quyền như các Hoàng-Tử khác, nhưng không thể căn cứ vào đó để quyết-đoán rằng Harijitatmaja đã lên ngôi với danh hiệu **Simhavarman** như G. Maspero đã gán cho được. Sử Việt Nam đã chép là Chế-Chỉ, Chế-Chi, Tác-Chi..., những danh-hiệu nầy khó mà đối-chiếu với những danh-hiệu Chàm viết bằng phạn ngữ.

Ngoài ra, người ta cũng không chắc Chế-Chỉ đã chịu lễ «abliseka» trong thời-gian trị-vì ngắn-ngủi của mình.

---

(1) MASPERO, trong Le Royaume de Champa, trang 193, nói là 23 tuổi, nhưng Jean Boisselier, trong La Statuaire du Champa, trang 350 cho là có sự lầm lẫn và phải 33 tuổi mới đúng.

(2) E. AYMONIER, Inscription de Po Sah, J A 1891, p. 62.

Chế-Chí, mặc-dầu đã chịu thần-phục Vua Trần-Anh-Tông ngay từ khi lên ngôi, sau đó cũng không khỏi bị xem như thường tỏ ra «bất-phục», một phần có lẽ vì hai châu Ô và châu Lý luôn luôn rục-rịch vì bị sáp-nhập vào Đại-Việt. Năm 1312, Chế-Chí đã được dời đến triều-đình Đại-Việt, nhưng một cuộc kháng-cự trong quân-đội Chàm đã đưa đến kết-quả là Chế-Chí phải bị bắt giải về kinh-đô Đại-Việt.

Vua Trần - Anh - Tông đã chỉ - định một người em của Chế-Chí, sử Việt gọi là **Chế Đà-Bà-A-Niêm**, lên cầm quyền.

Chế-Chí mất vào đầu năm 1313 tại Hành - cung Gia-Lâm và đã được hỏa-táng theo tục-lệ Chàm.

Trung-Quốc tỏ ý không bằng lòng về thái-độ của Đại-Việt đối với Champa, nhưng Vua Trần - Anh - Tông vẫn giữ lập trường và đã chống giữ Champa trước sự xâm - lăng của quân Xiêm.

Trong khi đó, ngôi Vua Chàm vẫn thuộc Chế Đà-A-Bà-Niêm *(từ đó, sử sách Việt gọi là Chế-Năng)*. Qua đến đời Vua Trần-Minh-Tông *(1314-1329)*, Chế-Năng định lợi-dụng thời-cơ thuận-tiện, thử xua quân tái-chiếm châu Ô và châu Lý, nhưng cơ mưu bất thành, vì chỉ đánh bại được đạo quân của Lý-Tất-Kiến và sau lại phải thua trận trước quân binh Phạm-Ngũ-Lão. Do đó, Chế-Năng đã phải ẩn trốn sang xứ Java vào năm 1318.

Việc ẩn trốn của Chế-Năng sang Java một lần nữa chứng tỏ rằng Champa thời trước có những quan - hệ thường xuyên với xứ nầy.

Người ta còn nhớ Chế-Mân tức Jaya Simhavarman III trước có cưới công-chúa xứ Java tức Hoàng-Hậu Tapasi và Chế Đà-A-Bà-Niêm chắc là con của vị Hoàng-Hậu nầy.

Vua Trần-Minh-Tông *(triều-đình Đại-Việt, có lẽ đúng hơn, vì khi lên ngôi năm 1314, Trần-Minh-Tông chỉ mới có 5 tuổi)* bèn đưa lên ngôi Vua Chiêm-Thành, với tước-vị Phó-Vương, một tướng-lãnh Chàm, Sử Việt gọi tên là **Chế A-Nan.** Đại-Việt, do đó, lại tiến lên một bước trong việc thôn-tính Chiêm-Thành. Nhưng đến lượt Tướng nầy lại cũng chờ thời-cơ thuận-tiện để vùng thoát khỏi ách thống-trị ngoại-bang, cho nên đến năm 1322, đã nhờ Trung-Quốc hậu-thuẫn để lưu-ý Vua Đại-Việt « tôn-trọng lãnh-thổ Chàm » *(1324).*

Hai năm sau, nhờ đánh bại được quân Đại-Việt, Chế A-Nan đã khôi-phục lại được nền độc-lập cho xứ sở và chấm dứt mọi nghĩa-vụ chư-hầu đối với Đại-Việt.

Sau đó, Chế A-Nan đã tiếp-tục gởi sứ sang triều-cống Trung-Quốc nhưng năm 1330, có lẽ thừa lúc Trung-Quốc suy yếu dường như cũng lại tỏ ra lơ-là. Một vị Linh-Mục Dòng Phan-xi-Cô tên Odoric de Pordenone (1) có dịp ghé qua Champa dưới triều Vua nầy, đã có dành một đoạn trong tập ký-sự, cho biết người dân sống an vui và đã ước-đoán rằng Vua Chàm lúc ấy ít ra cũng có 200 người con, vì có rất nhiều vợ và hầu-thiếp. Linh Mục cũng ghi nhận rằng dọc theo bờ biển Chàm, có rất nhiều đoàn cá và đáng chú-ý nhất là tập-tục thiêu luôn người vợ trong cuộc hỏa-táng của người chồng, cho rằng làm như vậy, vợ chồng được thủy-chung và sẽ được kề-cận bên nhau ở bên kia thế-giới.

---

(1) Le Voyage en Asie au XIVè siècle du bienheureux frère Odoric de Pordenone, ed. Cordier, p. 187.

Ha-Kim Ma-Ly, *Chủ-Tịch Hội-Đồng Tinh-Thần Chàm Hồi-Giáo Châu-Đốc, đang chào mừng Phái-đoàn Chánh-quyền thăm viếng đồng-bào Chàm Châu-Giang.*
Trung-Tá Lý-Bá-Phẩm, *Tỉnh-Trưởng Châu-đốc, đội mũ Chàm, ngồi ở góc phải, bên cạnh phu-nhơn.*

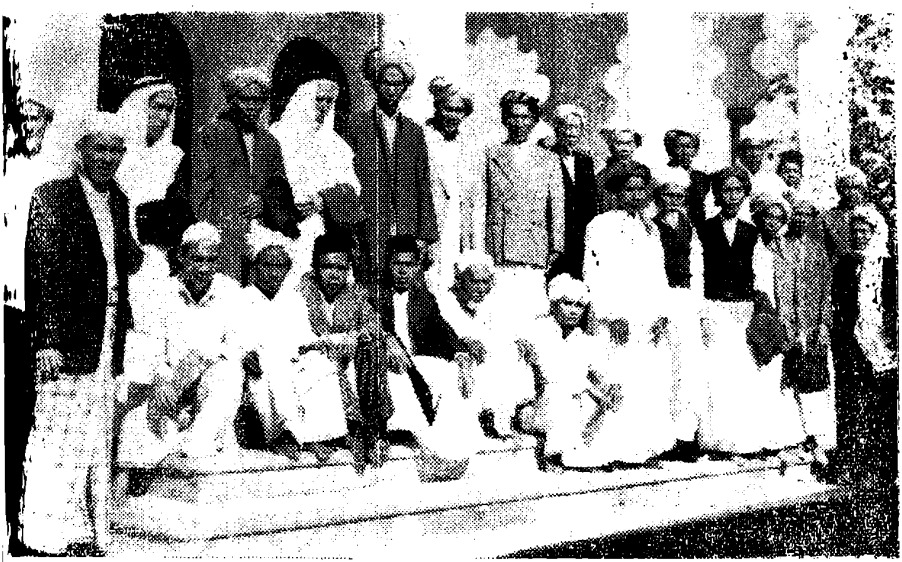

Các chức-sắc Chàm Hồi-Giáo Châu-Đốc đang tề-tựu nhơn ngày lễ ro-ya
Vị đứng cực-phải mặc áo đen dài là **Ha-ji Châu-Thành-Tâm**, *một thời danh trong giới lãnh-đạo Chàm Châu-Đốc.*

Ban Quản-Trị Trung-ương Hiệp-Hội Chàm Hồi-Giáo Việt-Nam

✶

Ông Ha-ji Mach-Salies đương-kim Phó-Tổng (*Chàm*) Quận An-Phú (*Châu-Đốc*). Phía sau là Ông Ha-ji Amath.

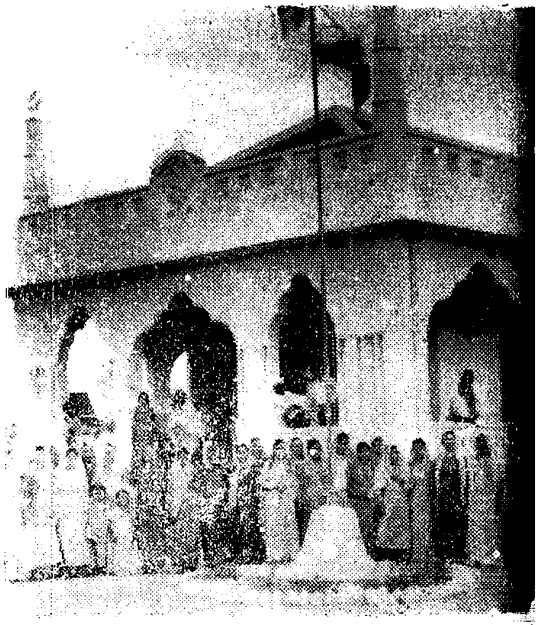

Thánh-đường Chàm Hồi-Giáo mới xây cất tại Phước-Nhơn dưới quyền bảo-trợ của Hiệp-Hội Chàm Hồi-Giáo Việt-Nam

UY-DANH CHẾ-BỒNG-NGA

Theo tập-tục lâu đời, dường như Chế A-Nan khi còn sống đã giao việc triều-chính cho Thái-Tử Chế-Mồ (1) còn người con rể là Trà-Hòa thì làm Tể-Tướng, nhưng khi Chế A-Nan băng-hà thì **Trà-Hòa** nổi lên cướp lấy ngôi Vua và gấp rút phái Sứ-giả sang Đại-Việt báo tin Chế A-Nan đã mất.

Người kế-nghiệp chính-thống là Chế-Mồ đã chống lại việc tiếm-ngôi của người em rể và đã tranh-đấu suốt mười năm trời, nhưng cuối cùng bị thua trận và phải đi trốn và cầu-viện ở triều đình Trần-Dụ-Tông *(1346)*.

Thừa dịp nầy, Đại-Việt đòi hỏi triều-đình Chàm về việc triều-cống, nguyên đã bị ngưng từ 1326 và chỉ giúp cho Chế-Mồ về quân sự vào năm 1353.

Đoàn quân xuất-chinh Đại-Việt không gặp đoàn thuyền tiếp tế ở Cồ-Lủy như đã dự-định, nên không mang lại kết-quả gì cả. Chế-Mồ đành quay trở lại đất Đại-Việt và mất ở đấy một ít lâu sau.

Cuộc hành-quân dang-dở nầy thêm những khó-khăn ngày càng to lớn của nhà Trần đã thúc-đẩy Trà-Hòa thử kéo quân tái chiếm châu Ô và châu Lý, trước đã do Simhavarman III nhượng

---

(1) Jean BOISSELIER, không đồng-ý với G. MASPERO cho rằng Chế A-Nan đã giao cho rể của mình trách-vụ quan-trọng hơn Thế-Tử, vì là Trà-Hòa chỉ mang tước-vị « Bồ-đề » tức Tể-Tướng, còn Chế-Mồ là « Bồ-điền » tức Đại-Vương.

lại Đại-Việt. Nhưng quân Chàm đã chịu thất bại ngay trận đầu tiên ; từ đó, Trà-Hòa không còn nghĩ đến việc tái-chiếm 2 châu kia nữa và đã mất vào năm 1360.

Lịch-sử Chàm đến đây bắt đầu bước vào một triều-đại mới với sự xuất-hiện của **Chế-Bồng-Nga**, chói rạng chiến-công hiển-hách.

Người ta không được rõ về gốc tích của Chế-Bồng-Nga, sử sách Việt thì chỉ ghi chú vào năm 1376 mà thôi.

E. Aymonier (1) đã cho Chế-Bồng-Nga chính là nhân-vật Binásuor tức Chế Banguor *(Hoàng-Tử Hoa)* trong truyện thần thoại đuổi giặc của Champa.

Sử Trung-Quốc cho biết, năm 1369, Chế-Bồng-Nga đã được phong làm Vua Chàm, nhưng đó chỉ là niên-hiệu nhà Minh nhìn nhận một sự việc đã có từ trước mà thôi.

G. Maspero, nhận thấy những cuộc chiến-thắng của Champa bắt đầu từ năm 1361, nên có ý-kiến là Chế-Bồng-Nga đã lên ngôi vào lối năm 1360. G. Maspero đã trình-bày triều-đại Chế-Bồng-Nga dưới nhan-đề « **Tuyệt-đỉnh** » *(Apogée)* tiêu-biểu sự chói sáng, sự lớn mạnh cùng-tột của Vương-Quốc Chàm, khiến Đại-Việt khiếp-đảm, Trung-Quốc kiêng-dè.

G. Maspero đã dành nhiều trang giấy để phân-tách những thắng lợi của Chế-Bồng-Nga, vị anh-hùng của dân-tộc Chàm.

---

(1) E. AYMONIER, Légendes Historiques des Chams (Excursions et reconnaissances, XIV, n° 32) et Grammaire de la langue Chame (Excursions et reconnaissances, XIV, n° 31).

Năm 1361, Chế Bồng-Nga đột-ngột xua quân sang Đại-Việt tiến-chiếm hải-cảng Đả-Lý *(thuộc xã Lý-Hòa, huyện Bố-Trạch)*, các toán quân Việt giữ thành bỏ chạy, quân Chàm tàn-phá thành phố và các vùng lân-cận, giết hại nhiều người rồi xuống thuyền ra khơi, mang theo rất nhiều của-cải.

Dủ-Hoàng liền sai Tri-phủ Lâm-Bình là Phạm-A-Song, tổ chức phòng-thủ Đả-Lý, nhưng năm sau, quân Chàm lại tái-diễn cuộc cướp phá Hóa-Châu nữa.

Vua Đại-Việt phải phái Đỗ-Tư-Bình gây-dựng lại những đồ nát và thị-sát quân-đội tại Lâm-Bình và Thuận-Hóa.

Trong 2 năm, dân-chúng vùng nầy được sống yên-ổn, nhưng đến năm Ất-Tị trong khi nam-thanh nữ-tú đang vui xuân thì quân Chàm vốn đã mai-phục sẵn từ mấy ngày trước trên những ngọn đồi lân-cận, đột-ngột ào xuống, bắt tất cả trai gái rồi trương buồm ra khơi.

Năm sau, tức 1366, quân Chàm lại tấn-công Lâm-Bình, nhưng lại bị Phạm-A-Song đang chực sẵn, đánh bại.

Vì quân Chàm cứ đánh phá mãi, nên vào đầu năm 1368 Trần-Thế-Hưng đã cùng Đỗ-Tử-Bình nhận lệnh thống-lãnh quân binh tiến đánh Champa.

Đoàn quân Việt vừa khởi-hành thì một Sứ-giả Chàm tên Mục Bà-Ma cũng vừa đến xin chịu nhượng lại đất Hóa-Châu. Vị sứ-giả nầy đã bị từ-chối khéo, nhưng Chế Bồng-Nga nhờ dịp đó, được thông báo kịp thời, đã chặn đánh Việt-quân tan-tác tại Chiêm-Động *(Quảng-Nam bây giờ)*. Trần-Thế-Hưng bị bắt làm tù-binh, còn Đỗ Tử-Bình gom-góp số tàn-quân rút lui vào lối cuối năm 1368.

Tại Trung-Quốc, một năm sau khi lên ngôi, vua Thái-Tổ nhà Minh liền chỉ-thị cho các nước chư-hầu lo việc triều-cống.

Chế Bồng-Nga liền gởi sang triều-đình nhà Minh nhiều voi, cọp và sản-phẩm của Champa. Hoàng-đế nhà Minh ưng-ý bèn sai một vị đại-thần cùng sứ-giả Chiêm-Quốc đến Champa trao cho Chế-Bồng Nga chiếu-chỉ phong Chiêm-Vương, một cái ấn, ba ngàn tấm lịch và bốn mươi thẻ lụa đủ màu.

Năm 1370, Chế Bồng-Nga còn phái sang Trung-Quốc một phái đoàn sứ-giả nữa. Cũng trong năm nầy, Hoàng-đế nhà Minh lại cho người sang Champa dự lễ tế thần núi, thần sông và tổ-chức cuộc thi cho các môn-sinh, đồng-thời truyền cho cả Champa và Đại-Việt bãi bỏ mọi việc chiến-chinh và sống với nhau thuận-hòa.

Năm 1371, thừa lúc Đại-Việt có nội-loạn do việc Dương Nhật-Lễ tiếm-ngôi *(1369-1370)*, Chế Bồng-Nga cử quân tiến đánh kinh-đô Đại-Việt, qua ngõ hải-cảng Đại-An, vào đến Hà-Nội không gặp phải khó-khăn gì cả. Triều-đình Đại-Việt bỏ chạy về Đông Ngạn *(Bắc-Ninh)*, quân Chàm vào chiếm các đền-đài và phá-hủy tất cả tài-liệu.

Mặc-dù cuộc chiến-thắng nầy, năm sau, Chế Bồng-Nga cũng xin Trung-Quốc cung-cấp quân-trang, quân-cụ với danh nghĩa là để tự bảo-vệ chống nước láng-giềng, nhưng Trung-Quốc không thỏa-mãn lời yêu cầu nầy.

Cùng lúc đó, dọc theo bờ biển, bọn cướp thường quấy-nhiễu thuyền tàu, Chế Bồng-Nga liền huy-động lực-lượng truy-nả chúng bắt được 20 chiến-thuyền cùng bảy mươi cân gỗ quý và gởi sang biếu Hoàng đế Trung-Quốc.

Năm 1373, Đại-Việt chuẩn-bị đánh Champa và cho đóng nhiều chiến-thuyền, nhưng mãi đến năm 1377, đoàn quân mới lên đường được. Một đạo quân đã dùng đường bộ nương theo bờ biển. các chiến-thuyền đổ-bộ tại Çri-Banoi, hải-cảng Vijaya *(Thị-Nại-Cảng).*

Quân lính vừa nhìn thấy Chà-Bàn đã được rào kín, thì một người Chàm đến trình-diện Trần-Duệ-Tôn và báo cho biết thành nay bỏ trống, Vua Chàm đã chạy trốn rồi.

Mặc-dù có lời can-gián của Đại-Tướng Đỗ-Lễ, xin đưa quân thám-thính trước, nhà Vua Đại-Việt vẫn cương-quyết lên ngựa bạch đốc thúc quân thẳng tiến. Quân Chàm bỗng xông ra thình lình chặn đường, nhà vua bị giết, quân-binh Đại-Việt mất hàng ngũ bỏ chạy tán loạn.

Thừa dịp nầy, Chế Bồng-Nga xua quân tiến thẳng Hà-Nội đánh phá một lần nữa.

Chế Bồng-Nga có gả một người con gái cho một tù-binh của mình là Ngự-Câu Vương-Sức. Năm 1378, vị nầy đã được đưa về Nghệ-An và cho cai-quản vùng nầy.

Sau đó, quân của Chế Bồng-Nga tiến chiếm kinh-đô một lần nữa và quay về, mang theo rất nhiều chiến-lợi-phẩm.

Năm 1380, Chế Bồng-Nga lại cho quân tấn-công Hà-Nội sau khi tuyển thêm binh tại Tân-Bình, Thuận-Hóa và tàn-phá Nghệ-An, nhưng đến Thanh-Hóa thì bị quân Đại-Việt chặn lại. Dầu vậy, Chế Bồng-Nga vẫn còn làm bá chủ tại Thuận-Hóa, Tân-Bình và Nghệ-An.

Năm 1382, quân Đại-Việt đánh bại quân Chàm ở Thanh Hóa, nhưng lại không thể khai-thác cuộc chiến-thắng của mình.

Liệu bề không đánh thắng được về đường biển, Chế Bồng Nga bèn cùng Tướng Lã-Khải hoạch-định tiến quân theo đường núi, từ phía Bắc đánh xuống. Quân Chàm xuất-hiện bất thần đã cho voi dày lên quân Đại-Việt, nhà Vua phải bỏ trốn về Đông Ngạn và Chế Bồng-Nga đã lưu lại nhiều tháng *(1383-1384)* tại kinh-đô Đại-Việt.

Vào năm 1386, nhà Minh dường như dự-tính can-thiệp vào cuộc chiến đứng về phe Đại-việt nên đã tỏ ra không thiện cảm với các sứ-giả Chàm, nhứt là từ khi nhận được tin quân Chế Bồng-Nga đã chận lấy mất một phần tư số voi do Cam-Bốt gởi sang triều-cống Trung-Quốc, khi đi ngang qua đất Chàm. Hoàng-đế nhà Minh đã tỏ ý cho Đại-Việt rõ, muốn tiến binh chinh-phạt Champa, nhưng Đại-Việt có vẻ không sốt-sắng với dự-định nầy, e rằng một khi quân Tàu đã sang Đại-Việt rồi thì mục-tiêu sẽ hướng sang ngã khác. Cùng trong lúc đó, tình-hình chính-trị tại Đại-Việt không được yên, nhiều cuộc nội-loạn đã xảy ra ở các địa-phương và người Chàm lại tiến lên xâm-nhiễu Đại-Việt một lần nữa.

Tại Thanh-Hóa, một người tên Nguyễn-Thanh tự xưng là Phế-Đế, còn tại Nông-Cống thì một người khác cũng tụ-tập binh đội nổi lên... Lê-Quý-Ly điều-động quân chinh-phạt thì bỗng nhận được tin quân Chàm cũng vừa đến nơi và vừa qua khỏi làng Cổ Võ. Lê-Quý-Ly bèn dùng các chiến-thuyền kéo lên bờ làm thành-lũy và cho quân đồn-trú bên trong đợi gần cả hai mươi ngày.

Cùng lúc ấy, Chế Bồng-Nga cho đắp một cái đập ngang con sông Lương, phía trên cao hơn chỗ Lê-Quý-Ly đóng quân. Công việc xong xuôi, Chế Bồng-Nga lập kế nghi-binh cho giấu quân lính và đoàn voi, làm ra tuồng như thu-xếp hành-lý để quay trở lại đất Chàm.

Lê-Quý-Ly đã mắc phải mưu nầy và đã cho quân rời khỏi nơi ẩn-núp ào-ạt tràn ra định đuổi theo quân Chàm nhưng vừa lúc ấy, quân Chàm quay trở lại, quân Đại-Việt không kịp vào các địa điểm phòng-thủ, đã bị tàn-sát.

Đồng-thời, Chế Bồng-Nga cho phá đập, nước bị ngăn lâu ngày, tràn xuống làm đắm một phần lớn chiến-thuyền Đại-Việt, Lê-Quý-Ly bỏ chạy, Trần-Khắc-Chân được lịnh ra chặn đánh quân Chàm, nhưng oai-danh của Chế Bồng-Nga gây nhiều khiếp-đảm trong quân-cơ, nên đến lượt Trần-Khắc-Chân cũng phải rút về sông Hải-Triều *(Hưng-Yên)*.

Cùng lúc đó, một nhà sư tên Phàm-Sư-Ôn cùng một số bộ-hạ chiếm lấy Kinh-đô khiến Vua Đại-Việt phải bỏ trốn và triệu hồi Tướng Huỳnh-Thế-Phượng đang đánh nhau với quân Lã-Khải.

Tình-thế rất nguy-kịch và ai cũng tưởng quân Chàm sẽ chiếm-đóng toàn cõi Đại-Việt một cách nhanh chóng.

Người em út của Vua Đại-Việt là Nguyễn-Diệu bèn đem tất cả thân quyến sang hàng Chế Bồng-Nga với hy-vọng rằng khi đã đánh chiếm xong thì Chế Bồng-Nga sẽ giao cho mình cai-trị Đại-Việt.

Đột-nhiên, một sự việc xảy ra đã làm đảo lộn thế cờ.

Nguyên khi thuyền của Chế Bồng-Nga cùng Nguyễn-Diệu đang tiến tới trước giữa hàng trăm chiến-thuyền để dò xét thực-lực của địch-quân thì một trong những sĩ-quan cấp dưới, nhân vừa bị khiển-trách và sợ có thể nguy hại đến tánh-mạng đã bỏ sang hàng-ngũ Đại-Việt. Nhân dịp nầy, y đã báo cho Trần-Khắc-Chân biết thuyền của Chiêm-Vương đặc-biệt sơn màu xanh và hiện Chế Bồng-Nga đang có mặt trên chiến-thuyền nầy để chỉ-huy trận-tuyến.

Được tin, Trần-Khắc-Chân tức-khắc ra lệnh tập-trung lực lượng nhắm vào thuyền Chế Bồng-Nga.

Bị vây tứ phía, Chế Bồng-Nga bị một loạt súng hỏa-mai bắn trúng và ngã gục.

Nhận thấy tình-thế đã đổi thay, Nguyễn-Diệu nhanh tay cắt lấy thủ-cấp Chế Bồng-Nga và cho thuyền lái gấp hướng về phía đội-ngũ Đại-Việt.

Quân Chàm thấy mất chủ-tướng bèn đánh tháo nhập vào đại-binh đang đặt dưới quyền chỉ-huy của Lã-Khải *(tháng hai năm 1390).*

Nguyễn-Diệu định đem thủ-cấp Chế Bồng-Nga dâng lên Vua, nhưng lại bị một viên tướng Đại-Việt chém đầu.

Nhà Vua Đại-Việt đã vô cùng sửng-sốt trước cái chết của Chế Bồng-Nga, nhưng sau khi được trình rõ sự việc, đã vui nhận lấy thủ-cấp của kẻ thù và đã tự ví mình đứng nhìn Chế Bồng-Nga ngày nay cũng như Hớn-Cao-Tổ ngày xưa trước Hạng-Võ.

Lịch-sử Champa vừa lật sang một trang mới.

Một sự tình-cờ trong trận chiến đã cướp mất của dân-tộc Chàm một danh-tướng, một nhà lãnh-đạo tài-ba, đã nỗ-lực tạo sức mạnh cho nòi giống Chàm.

1390 — 1471

Chế Bồng-Nga mất, Tướng Lã-Khải rút quân về nước, cho binh lính di-chuyển ngày đêm và chỉ được phép ngừng để nấu cơm mà thôi. Dù vậy, quân Đại-Việt cũng rượt theo kịp, nhưng sau đó lại bị Lã-Khải dùng đoàn voi chặn lại nên buộc phải quay về.

Về đến Champa, **Lã-Khải** tự xưng Vương, 2 người con trai của Chế Bồng-Nga là Chế Mả-Nô Đả-Nan và Chế San-Nỗ trốn sang đất Đại-Việt ẩn-náu và đã được ban cấp-tước Hiệu-chánh và A-hầu, nhưng không được giúp đỡ để chiếm lại ngôi báu.

Việc làm đầu-tiên của Tân-Vương Lã-Khải là cho gởi người sang Trung-Quốc triều-cống năm 1391, nhưng triều-đình Trung Quốc không nhận vì không được rõ trường-hợp Lã-Khải lên ngôi thế nào, nhưng đến năm 1397, thì được nhận.

Theo những bản văn Chàm do L.Finot nghiên-cứu thì Lã-Khải được nhận là **Jaya Simhavarmadeva Sri Harijattivirasimha Campapura**, « đã trị-vì mười hai năm tròn ».

Cứ theo bia khắc, do người con của Lã-Khải lưu lại, mang niên-hiệu 1401, thì Jaya-Simhavarmadeva tự Lã-Khải có lẽ đã mất cùng năm ấy. G. Maspero đã đề-nghị là năm 1400, nhưng Jean Boisselier không đồng-ý, cho rằng 1401 mới đúng và có như vậy thì năm khởi đầu triều-đại do sử-liệu Việt-Nam là 1390, mới thích-hợp.

Dường như dân-chúng rất ít thần-phục Lã-Khải, một số đã ẩn trốn để tránh chế-độ độc-đoán của kẻ tiếm-ngôi.

Về phía Đại-Việt, do những kinh-nghiệm qua, đã cho củng cố lại hệ-thống phòng-thủ vùng biên-giới Tân-Bình và Thuận-Hóa và thỉnh-thoảng tiếp đón một vài nhân-vật Chàm không chấp-nhận chế-độ Lã-Khải.

Vào lúc Jaya Simhavarman Lã-Khải mất, thì ở Đại-Việt, cũng vừa bắt đầu đời nhà Hồ *(1400 - 1407)* với vị Vua đầu tiên tên là Lê-Quý-Ly *(Hồ-Quý-Ly)* trở lại mưu-định xâm-chiếm Champa và đã chuẩn-bị một đạo quân gồm 150.000 người dùng đường bộ lẫn đường biển. Người ta còn nhớ, chính Hồ-Quý Ly trước kia đã nắm giữ vai trò tối-trọng trong cuộc chiến chống Chế Bồng-Nga, và năm 1400, đã buộc vua Trần-Thiếu-Đế từ ngôi rồi tự mình lên ngôi Hoàng-đế, sửa quốc-hiệu lai là Đại-Ngu.

Do đó, con của Jaya Simhavarman vừa lên kế-nghiệp cha ở ngôi Chiêm-Vương, đã phải chống đỡ cuộc xâm-lăng của Hồ-Quý-Ly. Sử sách Việt-Nam chép tên vua Chàm lúc đó là Ba Địch-Lai, còn trong minh-văn-học Chàm, có tên là **Versu Visnujatti Virabhadra Varmadeva**, tức là Hoàng-Tử Ngauk-Klaun Vijaya, sau khi thọ lễ « abhiseka » vào cuối 32 năm trị-vì, có thêm tên Vrasu Indravarmadeva nữa (1).

Đoàn quân của Hồ-Quý-Ly bị thất trận nhưng vào mùa hạ năm 1402, lại xâm-lăng Champa một lần nữa.

Vừa mới sáp-chiến lần sau nầy và để tránh tai-biến, Virabhadravarman đã nhờ một vị Hoàng-Thúc mang lễ-vật sang yêu cầu Hồ-Quý-Ly rút quân và Champa sẽ chịu nhượng Indrapura (*vùng Bắc Amaravati, nơi có vùng đất thiêng Mỹ-Sơn và Đồng-Dương).*

---

(1) Inscription de Núi Ben Lang (inv. Coedes. C56), E. AYMONIER, J.A. 1888, p. 104, J. A. 1891, p. 66. L. FINOT, BEFEO, XXVIII, date : 1436.

Hồ-Quý-Ly chấp-nhận, nhưng đòi nhượng thêm cả miền Amaravati *(nay là Quảng-Nghĩa : Chiêm-Động và Cổ-Lũy).*

Đây là một thiệt-thòi lớn-lao của người Chàm, vì đã phải rời bỏ kinh-đô cũ của các Vua Chàm từ nhiều thế-kỷ trước, đã tích - trữ những tài - sản châu báu và đã chứng - kiến những giai-đoạn oai-hùng của Vương-Quốc Chàm.

So với thời Chế Bồng-Nga, cuộc nhượng đất nầy đã khiến lãnh-thổ Chàm mất hơn phân nửa những vùng ruộng mầu-mỡ và chỉ còn những vùng đồi núi cằn-cỗi, phía Nam Quảng-Nghĩa.

Miền nầy sau đó được chia thành 4 Châu và giao-phó việc cai-trị cho một người con lưu-vong của Chế Bồng-Nga là Chế Ma-Nô Đả-Nan, nhưng dân-chúng định-cư ở đây phần lớn là người Việt, còn người Chàm lần hồi đã trốn đi cả *(1403).*

Để có người ở, Hồ-Quý-Ly đã áp-dụng kế-hoạch di-dân cưỡng bách chọn trong số những người không ruộng đất và đã cho xâm chữ « châu » trên vai những người nầy để gia-nhập vào đoàn quân chiếm-đóng.

Nền hòa-bình mà người Chàm mua với giá khá đắt, đối với Hồ-Quý-Ly chỉ là một giai-đoạn tạm ngưng, vì sau đó, Hồ-Quý Ly đã tập-họp được một đạo quân mới gồm 200.000 người, mục đích xâm-chiếm Vijaya bằng đường bộ và đường biển.

Virabhadravarman đã kêu cứu với nhà Minh, nhưng không được trợ-giúp liền.

Sau đó, Hồ-Quý-Ly cũng cho rút quân, vì được tin Trung Quốc có vẻ muốn bảo - vệ Champa và ngày càng bất - bình nhà Hồ.

Trung-Quốc mang quân sang đánh và loại bỏ nhà Hồ vào năm 1407, Vương-Quốc Chàm được thoát nạn, thừa dịp đó, thu hồi lại phần đất bị nhượng 5 năm trước, nhưng Vinabadravarman phải đánh với quân của người con Chế Bồng-Nga, do mối thù đã bị loại ra khỏi ngôi Vương Chiêm-Quốc.

Cùng lúc ấy, quân Tàu đánh chiếm Bắc-Việt và đến khoảng 1413 - 1414, thì đã đô-hộ toàn xứ và cũng vừa lúc Virabhadravarman được nhà Minh nhìn-nhận là chư-hầu. Trước sự-kiện nầy G. Maspero đã nhấn mạnh thiện-cảm của Trung-Quốc đối với Champa, nhưng Jean Boisselier lưu-ý rằng Vua Chàm chỉ được phong Vương năm 1413, còn Vua Cam-Bốt hồi năm 1403, tức trước Champa những 10 năm (1).

Nền đô-hộ của Trung-Quốc tại Đại-Việt kéo dài đến 1428, thì vị anh-hùng Lê-Lợi sáng-lập nên nhà Tiền Lê, khôi-phục nền tự-chủ Đại-Việt.

Lê-Lợi mất năm 1433, Vua Chàm mà khi thụ lễ « abhiseka » lấy danh-hiệu là **Indravarman**, thấy thời-cơ thuận-tiện, tìm cách thu-hồi đất Hóa-Châu.

Cuộc chiến chỉ gồm vài cuộc đụng-độ nhỏ, rồi hai nước lại tái-lập nền bang-giao hòa-bình *(1434)*.

Không thể làm gì đối với lân-bang miền Bắc, người Chàm tìm cách lấy lại những phần đất Nam-bộ về phía Cam-Bốt lúc đó

---

(1) Cf. L.P. BRIGGS, The Ancient Khmer Empire, p. 255.

đã suy-yếu vì áp-lực của Thái-Lan. Các công-cuộc xâm-chiếm nầy nhắm vùng châu-thổ Sông Cửu-Long, và đi dọc theo miền duyên-hải, có lẽ tới Chatabun. Việc động-binh của người Chàm khiến vua Cam - Bốt là Ponhea Yat *(Paramaraja Dhiraja)* cầu-viện nơi Trung-Quốc, nhưng Trung-Quốc chỉ tỏ lời phiền trách Champa mà thôi *(1408 và 1414)*. Champa đã đánh chiếm được một vùng đất gọi là Brah Kanda mà người ta đoan chắc là vùng Biên-Hòa ngày nay (1).

Theo sử - liệu Cam - Bốt, quân Chàm còn tiến lên đến Caturmukha tức Phnom-Penh, nhưng lại bị Vua Gamkhar đánh lui. *(L.P. Briggs đề-nghị cho vùng đất trên bao gồm tất cả Châu-thổ)*. Các sự-kiện nầy có lẽ đã không xảy ra trước 1434 được, vì Phnom-Penh chỉ được thiết-lập vào lối niên-hiệu nầy mà thôi.

Vira Bhadravarman Indravarman mất năm 1441, truyền ngôi cho con, theo sách Việt, tên là **Ma-Ha Quý-Lai** vốn là Hoàng Thái-Tử nhưng vì còn nhỏ tuổi, nên đã nhường ngôi lại cho người chú là **Ma-Ha Bí-Cái** *(Ma-Ha Vijaya)*.

Vị tân-vương lại tái-diễn việc tấn công Hóa-Châu năm 1444 và 1445, nhưng chỉ tổ-chức được những vụ cướp phá ở đất địch hơn là những cuộc xâm-chiếm thực-sự.

Năm 1446, sau khi thỏa-thuận với Trung-Quốc, Đại-Việt xâm-chiếm Champa, đánh lấy thành Vijaya rồi rút lui, bắt theo Ma-Ha Bí-Cái, các đoàn cung-phi mỹ-nữ và một số lớn của-cải.

---

(1) A. CABATON, l'inscription Chame de Bienhoa, BEFEO, IV, p. 687.

Năm sau, vị vua nầy được giao hoàn các tước-vị Vua Chúa, nhưng phải ở lại Đại-Việt cho đến chết. Ngôi Vua Chiêm được về người cháu tên **Ma-Ha Quý-Lai**, được dân-chúng tôn lên, theo tập-tục.

Ma-Ha Quý-Lai đã xin vua Lê-Nhân-Tông *(1422 - 1459)* tấn-phong, nhưng lại bị người em út là **Ma-Ha Quý-Đo** truất-phế và bắt giam năm 1449.

Ma-Ha Quý-Đo bị giết năm 1458 sau khi đã thụ lễ phong vương của Trung - Quốc ; đó là, vị vua cuối cùng giòng Brsu Vamça.

Ngôi Vua Chiêm sau đó thuộc về một nhân-vật hiệu là **Bàn-La Trà-Nguyệt**, cháu rể của Bí-Cái; nhưng Bàn-La Trà-Nguyệt lại từ ngôi năm 1460, nhường lại cho người em út là **Bàn-La Trà-Toàn.**

Vì Vua Lê-Thánh-Tông *(1460 — 1497)* đã đòi hỏi quá mức, Trà-Toàn phải xua quân 2 lần vào những năm 1468 và 1469, tấn-công Hóa-Châu, đạo quân gồm hơn 100.000 người với một đoàn kỵ-binh hùng-mạnh.

Để đối phó, Lê-Thánh-Tông, năm 1470, đã cho một đạo chiến-thuyền 100.000 người và một đoàn quân 150.000 người tuyên-chiến với Champa. Cuộc chinh-phạt được chuẩn-bị tỉ-mỉ đã thành-công, quân Đại-Việt xử-dụng pháo-binh, đã tiến được vào Chà-Bàn *(Vijava)* năm 1471, 60.000 quân Chàm bị giết, 30.000 bị bắt làm tù-binh cùng với 50 thân thuộc trong Hoàng-tộc. Chiếc Ấn, một cái hộp bạc hình lưỡi kiếm mà từ ngàn xưa đã luân lưu trong các giòng dõi Vua Chàm, nay lọt về tay quân chiến-thắng.

Một vị Tướng Chàm tên **Bô-Trì-Tri** gom-góp tàn-quân về ẩn náu tại Pânduranga, tự xưng Vượng và gởi Sứ-giả đến triều-đình Đại-Việt xin nghị-hòa.

Để tỏ ra không bằng lòng thái-độ của Đại-Việt, Trung-Quốc năm 1472 đã cho mang đến Champa sắc-chỉ phong Vương cho Vua Chàm đang bị giam-cầm tại Đại-Việt.

Đại-Việt phản-kháng và tuyên-bố rằng Champa đã thành Châu Giao-Nam rồi.

Mặt khác, trên chiến-thuyền giải về kinh-đô Đại-Việt, Trà-Toàn ngọa-bịnh và đã mất trong vùng Nghệ-An một ít lâu sau đó. Tro tàn của cuộc hỏa-táng đã được rải trong gió, đầu còn lại được cắm trên mũi thuyền rồng Đại-Việt với hàng chữ khắc « *Đây là đầu tên gian-ác Trà-Toàn nước Chiêm-Thành* », trước khi được đem về thờ tại đền thờ của Hoàng-tộc.

Theo một một vài sử-liệu, lối đối-xử nầy dường như không được phù-hợp với những sự tôn-kính đã dành cho Trà-Toàn lúc ban đầu, khi bị sanh-cầm.

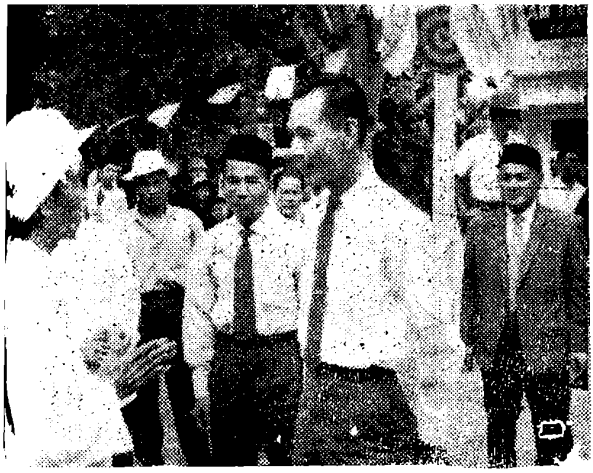

Đại-úy Nguyễn-Đăng-Phương, Quận-Trưởng
ıu-Phú *(Châu-Đốc)* đang tiếp-xúc đồng-bào Chàm
l-Giáo Châu-Đốc nhân lễ khánh-thành Trung-tâm
ıyền-bá Hồi-Giáo-Pháp Katambong *(1964)*.

Ông Zacob, Phó Liên
Tổng An-Lương Châu
Phú *(Châu-Đốc)*.

Buổi tiếp-rước các phụ-nữ Chàm Hồi
ıo Châu-Đốc *(Ha-ji)*, mới đi hành-hương
ıca về *(1965)*.

Ông Ly-Ossamaine Chủ-Tịch
Trung-Ương Hiệp-Hội Chàm
Hồi-Giáo Việt-Nam *(1965)*

Tháp Pô Klong Ga-Rai
(Phan-Rang)

Thế-hệ sau cùng
(Chàm Phan-Rang)

Thôn-nữ Chà
miền Trung
đang múa qu
theo cổ-tự

CHƯƠNG THỨ BẢY

Giai - Đoạn sau cùng của Vương-quốc Chàm

Giai-đoạn sau hết của lịch-sử Champa từ khi Kinh-thành Đồ - Bàn thất - thủ, có thể chia làm 4 thời-kỳ và mỗi thời-kỳ đánh dấu một quảng đường mới lần đưa đến sự suy-sụp cuối cùng :

— Trong thời-kỳ thứ nhứt từ 1471 đến 1543, Lãnh-địa Vương-Quốc đã bị thu hẹp nhưng vẫn còn duy-trì bang-giao với Trung-Quốc và xứ nầy vẫn tiếp-tục tấn-phong các Chiêm-Vương

— Đến năm 1543, niên-hiệu của đoàn sứ-giả chót hết của Champa tại Trung-Quốc, khởi đầu thời kỳ thứ 2, trong khi đó, lãnh-địa bị xâm-chiếm từ-từ ; thời-kỳ nầy chấm dứt năm 1653, khi Vua Chàm băng-hà trong ngục-thất và thành Kâuthara (Khánh-Hòa ngày nay) *bị mất vào tay nhà Nguyễn, vốn đã được nhà Lê giao cho cai-trị các tỉnh Thuận-Hóa và Quảng-Nam, từ năm 1559.*

— Từ năm 1653 đến 1822, chút uy-quyền và tự-do còn lại cũng hoàn-toàn tan biến và Vương-Quốc Champa lúc đầu thu hẹp ở vùng Bình-Thuận ngày nay (cận Pânduranga cũ), *sau chỉ còn Phan-Rí.*

— Từ 1822, về sau, Champa trở thành phần đất của nước Việt-Nam và chính với tính-cách nầy, lại phải chịu hậu-quả bi-thảm của cuộc chiến giữa Nguyễn-văn-Khôi và Vua Minh-Mạng (1831-1836).

1471 — 1543

THEO G. Maspero (1) người ta thường cho rằng sau khi thành Đồ-Bàn *(Vijaya)* bị tàn-phá, biên-giới Bắc Vương-Quốc Chàm được Vua Lê-Thánh-Tông định cho ở mũi Varella.

Điều nầy dường như đã bị những dữ-kiện sau nầy của sử Việt-Nam bác-bỏ và nguyên-nhân là vì người ta không có đầy-đủ tin-tức về tiến-trình của sự phân chia lãnh-vực hành-chánh vùng Quảng-Nam ngày trước, từ năm 1471 đến triều Minh-Mạng.

Ngay năm 1469, Vua Lê-Thánh-Tông đã cải-tổ lại Thuận Hóa bằng cách sáp-nhập thêm Châu-Ô và Châu-Lý, phần đất đã do người Chàm nhượng lại từ năm 1306, nhưng đã nhiều lần bị mất và luôn-luôn sẵn-sàng biểu-lộ sự khao-khát tự-chủ.

Từ sau cuộc chiến thắng năm 1471, Vua Lê-Thánh-Tông đã cho sáp-nhập toàn-thể hoặc một phần vùng đất Chàm Amaravâti *(nhằm phần Bắc-Bộ tỉnh Quảng-Nam bây giờ)*. Những tỉnh Chàm nằm trong phần đất các tỉnh hiện tại Quảng-Nam *(phần Nam-Bộ)*, Quảng-Ngãi và Bình-Định *(tức Vijaya)* lập thành tỉnh Quảng-Nam mới có 3 phủ.

Vùng Phú-Yên không có trong thành-phần kể trên vì Nguyễn-Hoàng đã chiếm năm 1561 và chỉ được tổ-chức thành Dinh

---

(1) G. MASPERO, Le Royaume de Champa, p. 240.

vào năm 1629 mà thôi (1). Biên-giới năm 1471 chắc là đã đi qua lối đèo Cù-Mông (2).

Đoạn trước, người ta đã rõ, Tướng *(Bộ)* Trì-Tri ẩn-trốn về Pânduranga sau cuộc thảm-bại tại Vijaya. Sử-liệu Trung-Quốc dường như đã chỉ-định vị nầy với danh-hiệu **Cha-ya Ma-Phu-Ngan** *(Cha-ya : Jaya)* vốn là cháu của một ông Vua trước. Được Vua Lê-Thánh-Tông tấn-phong, Cha-ya Ma-Phu-Ngan sau đó đã xin triều đình Trung-Quốc phong Vương, nhưng lại mất năm 1478, ngay khi các sứ-giả Trung-Quốc mang sắc-chỉ tấn-phong vừa đến.

Theo sử nhà Minh, một người em tên **Cửu Lai** có lẽ có trách-nhiệm về cái chết nầy.

Cửu-Lai đã trị quốc từ 1478 đến 1505 và sang Trung-Quốc nhận lễ phong Vương. Nhưng khi đi ngang qua xứ Lào, vì một lý do không ai rõ, người con tên **Cha-Cưu Phú-Lỏ** lên kế ngôi và đã nhận cuộc tấn-phong của Trung-Quốc năm 1515.

Cho đến năm 1543, là niên-hiệu của phái-đoàn sứ-giả cuối cùng của Chàm sang Trung-Quốc, vị Vua nầy vẫn còn tại ngôi.

---

(1) L CADIÈRE, Le Mur de Đồng-Hới, p. 143.

(2) L. AUROUSSEAU, Charles MAYBON, Histoire moderne du pays d'Annam, compte rendu, BEFEO XX, 4 p. 86, nói biên-giới nầy hồi năm 1490 chạy ngang qua gần Bắc-bộ Sông Cầu.

Theo LÊ-THÀNH-KHÔI, (Le Viêt-Nam trang 230) Champa đã lấy được một phần lãnh-địa nầy, nhờ những cuộc nội-loạn của Đại-Việt. Biên giới nhờ đó lùi thêm đến Đèo Cù-Mông ». Loạn nói trên xảy ra khi Túc Tông lên ngôi (1504) và ở những năm cuối cùng nhà Lê. Nhưng tác-giả không có viện-dẫn tài-liệu nào cả.

Người ta không rõ Ông mất vào năm nào, nhưng sau năm 1543, Champa kể như không còn hậu-thuẫn ngoại-lai nữa và từ đó phải chìu theo những đòi hỏi của riêng Hoàng-đế Đại-Việt mà thôi.

Trong thời-kỳ nầy, người Chàm được sống yên-ổn, vì Đại Việt lúc ấy cũng đang gặp những khó-khăn. Nhiều cuộc loạn-lạc xảy ra liên-tiếp từ năm 1504, đã chuyển sang giai-đoạn quyết-liệt năm 1509 và đã đưa đến cuộc chiến 1527, giữa nhà Mạc và nhà Lê, được nhà Nguyễn và nhà Trịnh tích-cực hậu-thuẫn từ năm 1540.

1543 — 1653

Cuộc chiến Lê-Mạc chỉ chấm dứt năm 1607.

Nhưng sự xung-đột giữa chúa Trịnh ở Bắc-Bộ và chúa Nguyễn ở Nam-Bộ cũng lại vừa đến hồi gây-cấn và đã chấm dứt bằng cuộc chiến thắng của nhà Nguyễn vào năm 1674.

Vì những nguyên-nhân phức-tạp do quyền-lợi của 2 bên, Nguyễn-Hoàng được giao cho cai-trị Thuận-Hóa, năm 1559 và đến 1570, lại được thêm Quảng-Nam nữa *(thành-lập năm 1471)*.

Cuộc phân-tranh Trịnh — Nguyễn đi đến chỗ gay-go vào năm 1620 và biến thành một cuộc chiến công-khai năm 1629. Nhà Nguyễn không thể mở rộng bờ-cõi về phía Bắc nữa, khiến phả quay về Nam-Bộ tức về hai nước Champa và Cam-Bốt.

Vùng đất Chàm ở Phú-Yên dường như bị chiếm hồi năm 1611, được tổ-chức thành Dinh Trấn-Biên năm 1629 và hai năm sau, dân-chúng đã được kiểm-tra. Biên-giới thời đó được ấn-định ở vùng mũi Varella.

Đồng-thời vì lo bảo-toàn an-ninh biên-giới phía Bắc chống lại cuộc tấn-công của chúa Trịnh, chúa Nguyễn đã cho đắp lũy Trường-Dục *(1630)* và Đồng-Hới *(1631)*. Đây cũng là những biện-pháp phòng-thủ có dụng-ý nhắm vào công việc mở rộng lãnh địa về Nam-Bộ, lấn vào đất Chàm.

Người Chàm trong thời-kỳ nầy dường như cũng không ngồi yên. Vào những năm cuối thế-kỷ 16, người ta thấy họ chiến-đấu ở

vùng biên-giới Cam-Bốt. Sự việc nầy đã khiến người Bồ-Đào-Nha nhận-định rằng mọi hành-động chống Cam-Bốt đều cần phải có sự chiếm-đóng Champa trước (1). Bồ-Đào-Nha đã không làm việc ấy, nhưng vai trò tối-trọng của họ cạnh nhà Nguyễn vào thế-kỷ 17 không đem một chút dịu-hòa nào đến cho chánh-sách nhà Nguyễn đối với Champa cả.

Về phía người Chàm thì cứ tiếp-tục sách-lược truyền thống quấy-nhiễu Nam-Bộ. Linh-Mục De Rhodes ghi nhận rằng giữa năm 1620 và 1653, triều-đình Huế đã phải liên-tục duy-trì quân đội tại biên-giới Chàm và đã phải luôn-luôn ở vào tình-trạng chiến tranh với Champa.

Nhưng dù nhà Nguyễn có vịn vào lý-do nào để tiến vào Nam đi nữa thì đến năm 1653, người Chàm cũng đã phải chịu thêm thảm-họa mới trong việc bảo-vệ bờ-cõi : Hiền-Vượng đã hoàn toàn chiến-thắng Vua Chàm là **Bà-Thâm**, chiếm đóng thành Kâuthara và con sông Phan-Rang tạo thành biên-giới mới giữa Chàm và Việt.

Lãnh-địa mới chiếm trong đó có ngôi đền Pô Nagar ở Nha-Trang, trở thành Dinh Thái-Khang tức Khánh-Hòa ngày nay

Theo sử-liệu Việt-Nam, một vị Vua Chàm tên **Bà-Bì** đã tự tử tại đấy. Người ta đề-nghị cho vị Vua kể trên chính là **Pô Romê**, vị Vua mà Biên-niên-sử Hoàng-Gia Chàm tại Bình-Thuận ghi là đã trị-vì từ 1627 đến 1651 (3). Nhưng những bia-tháp có tên Pô Romê dường như không có dấu chi liên-hệ đến những sự kiện kể trên.

---

(1) B. GROSLIER, Angkor et le Cambodge au 16è siècle, p. 40.

(2) L. CADIÈRE, Le mur de Đồng-Hới, p. 128.

(3) E AYMONIER, Excursions et reconnaissances, X, XIV, p. 151.

1653 – 1822

Thành Kâuthara mất, Vương-Quốc Chàm bị thu hẹp trong lãnh-địa tỉnh Pânduranga và chỉ được yên-ổn trong một thời-gian ngắn-ngủi.

Về phía Việt-Nam, cuộc tranh-chấp giữa chúa Miền Nam và Chúa Miền Bắc đã chấm dứt năm 1674. Chúa Nguyễn được tự-chủ ở Nam-Bộ, đã có thể dốc toàn-lực vào công-cuộc mở rộng bờ-cõi lấn vào đất Cam-Bốt và Champa.

Chánh-sách đối với Cam-Bốt của triều-đình Huế dường không phải chỉ nhất-quyết nhắm mục-tiêu chiếm-đóng. Việc tìm kiếm một thứ thăng-bằng giữa các quốc-gia miền Đông-Nam-Á một sự phân chia khu-vực ảnh-hưởng trở nên cần-thiết.

Nhà Nguyễn trở nên độc-lập có vẻ như không dự-định xâm chiếm ngay luôn cả đất Chàm, vì Vương-Quốc Champa đã bị đưa đến tình-trạng bất-lực, không còn đáng ngại nữa.

Nhưng tại Cam-Bốt thì ngược lại, Vua nhà Nguyễn phải khai-thác những thắng lợi đã thâu đạt 50 năm trước. Nguyên từ năm 1623, Vua Chey Chettha II cưới một Công-chúa Nam-Việt, đã nhượng lại cho Nam-triều những thuế-quan của Saigon. Vị Công chúa kể trên đã giữ một vai trò quan-trọng trong chánh-sách đối nội của Cam-Bốt.

Triều-đình Huế liền cho củng-cố địa-vị của mình trong vùng đồng-bằng giàu-có sông Cửu-Long và đồng-thời đặt quyền tối thượng trên các Vua Cam-Bốt.

Nhận thấy có thể tin ở sự chân-thật và đồng-thời sự yếu kém của Champa, dường như đã có một sự mềm-dẻo trong chánh-sách đối với xứ nầy vào những năm 1680, năm 1686.

Tu-sĩ Choisy ghi nhận rằng nhà Vua Nam-Việt đã khôi-phục các quyền-hành cho Vua Chàm và trong số, có cả quyền sanh-sát đối với người dân miền Nam phạm tội trong đất nước Chàm (1).

Cuộc bang-giao nầy nêu ra hai nhận-xét :

— Champa đặt lệ-thuộc chặt-chẽ vào nhà Nguyễn, sau cuộc xâm-chiếm Kâuthara, đã được hưởng một số châm-chế, khi mà hòa bình đã trở lại và kẻ chiến thắng nhận-định địa-vị của mình cũng đã vững-vàng rồi trên đất Chàm.

— Về « quyền sanh-sát đối với người dân Nam-Việt », có thể xem như là một điều-khoản nới rộng quyền-hành cho Vua Chàm thì thực ra nó lại là bằng-chứng của sự xâm-nhập của một số khá đông người Việt-Nam vào trong lãnh-địa Pânduranga, một sự xâm nhập mở màn cho một cuộc chiếm-đóng vĩnh-viễn của người Việt vào năm 1710. Trước khi cuộc xâm chiếm toàn-bộ nầy được thực-hiện, Linh-Mục Labbé ghi nhận rằng « người dân Nam-Việt đã bắt đầu định cư từ 35 hay 40 năm » trong vùng Đồng-Nai *(vùng giáp ranh của Vương-Quốc Cam-Bốt và Champa)* (2). Ngoài sự xác nhận một sự xâm-nhập của Việt-Nam, bản văn kể trên còn cho biết ranh-giới phía Tây của Champa.

---

(1) ABBÉ DF CHOISY, Journal du voyage de Siam fait en 1685 et 1696, Paris 1931, p. 254.

(2) G. TABOULET, La geste française en Indochine t. I, (Paris, 1955), p. 95.

Trong khi cuộc cải-tổ lãnh-thổ chiếm được của Cam-Bốt đang được Việt-Nam tiến-hành, *(chấm dứt vào năm 1757)*, Champa lần hồi cũng chịu sự sửa đổi biên-giới.

Vì không chịu triều-cống, Vua **Bà-Tranh** đã bị bắt giải về Phú-Xuân *(Huế)* và năm 1697, quân nhà Nguyễn chiếm-đóng Phan-Thiết, đặt thành Phủ Thuận-Thành sau nầy là Bình-Thuận.

Biên-Hòa vốn trước kia do Champa đánh lấy của Cam-Bốt hồi đầu thế-kỷ 15, thì đến năm 1698, cũng lại đặt dưới quyền đô-hộ của Việt-Nam.

Do đó, Champa chỉ còn là một thửa đất bé nhỏ trong lãnh-địa nhà Nguyễn, kinh-đô đặt tại Phan-Rí, nơi mà ngày nay người ta vẫn còn tìm thấy một thiểu-số dân Chàm. Một khoảnh đất Chàm khác cũng còn tồn-tại về phía Bắc, cận vùng mũi Varella (1). Nhưng trong khi vùng Phan-Rí còn tập-trung những sinh-hoạt cuối cùng về tôn-giáo và mỹ-thuật Chàm, thì trái lại vùng Varella, dường như không còn một di-tích gì cả.

Mặc-dù không được rõ-rệt, những bản-đồ thế-kỷ 18 cũng ghi được những sự cắt xén nối tiếp các phần đất Pânduranga.

Trên lịch-sử đồ-giải của Guedeville *(1713—1719)*, lãnh-địa Champa dường như đã kéo dài từ phía Nam Sông Phan-Ráng đến mũi Baké *(phía Đông mũi Vũng-Tàu)*.

Bản-đồ của Robert de Vaugondy, phát-hành năm 1751, cho thấy giải đất trên bị thu hẹp lại phân nửa. Biên-giới phía Bắc đi

---

(1) P. HUARD et M. DURAND, Connaissance du Viêt-Nam, Hanôi, 1954, p. 33.

ngang qua vùng Đông con sông Tram Thuận-Vong (?) và biên-giới phía Nam ở cách 50 cây số ngàn về Tây-Nam Phan-Rí, định giới vùng tập-trung các « Bumôn », những đền tháp cuối cùng của người Chàm.

Triều-đình Chàm được đặt tại Bal Chanar, Phan-Rí, nơi mà các Sĩ-quan của chiến-thuyền Pháp « La Galathée » đã được tiếp rước và qua thiên ký-sự (1) của các Sĩ-quan nầy, người ta chỉ biết rằng Vua Chàm có đội Vương-miện bằng nỉ đỏ và mang những chiếc giày ống nhỏ. Đó là những chi-tiết dường như đã phản-chiếu ảnh-hưởng Hoa-Việt.

Bên cạnh Vua, có một viên quan Nam-Việt đứng bên phía tay mặt trong buổi chầu và ngồi ở ngôi thứ hai trong Hội-đồng Hoàng-Gia. Tại Hội-đồng nầy, mỗi quyết-định đều cần có sự thuận ý của viên quan trên (2). Nền độc-lập của Champa do đó chỉ còn là một thứ ảo-ảnh, để rồi sau đó không lâu lắm, nó sẽ mất hẳn.

Sự chiếm-đóng vĩnh-viễn trên toàn-thể đất Chàm còn lại có vẻ như là hậu-quả gián-tiếp của cuộc nổi-loạn của quân Tây-Sơn chống nhà Nguyễn ở Huế *(1771 - 1802).*

---

(1) Theo DE MANNEVILLETTE, Instructions sur la navigation des Indes Orientales et de la Chine, Paris 1745, p. 173. Cf. H. TABOULET; La geste française en Indochine, I, p. III.

(2) Theo DE MANNEVILLETTE, Instructions sur la navigation des Indes Orientales et de la Chine, Paris 1754, p 447, ảnh-hưởng Hoa-Việt nhận xét trong y-phục có lẽ là do quyết-định của Chúa Nguyễn sau cuộc chiếm đóng năm 1667, những viên chức Chàm được giữ lại, nhưng tự hậu, họ phải mặc quần áo Việt-Nam, (CF. Lê-thành-Khôi, Le Viêt-Nam, p. 265).

Sau khi quân Tây-Sơn kiểm soát được toàn-thể Nam-Việt, việc đánh chiếm lại của Nguyễn-Ánh phát-xuất từ những căn-cứ ở. Thái-Lan năm 1787 đưa đến chỗ phải chiếm-đóng toàn lãnh-thổ Chàm.

Vương-Quốc Chàm tại Phan-Rí có lẽ bị chiếm ít lâu trước 1795 và có lẽ cũng đồng-thời với khoảnh đất vùng mũi Varella. Trong một bức thơ năm 1795, Linh-Mục Lavoué ghi chú sự biến đổi nầy như sau : « *Bình-Thuận đã khác xưa. Vương-Quốc Chàm không còn nữa. Hiện chỉ còn là một tỉnh của Nam-Việt và không còn có Vua. Viên quan cai-trị là người Nam-Việt và có đủ uy-quyền đối với thổ-dân cũng như đối với những người trong Nam đến lập-nghiệp tại đó. Những thổ-dân có những chức-việc của họ, Những vị nầy chỉ cứu-xét những công việc thông-thường, nhưng khi có lỗi nặng, thì cần phải đến viên quan kề trên..* » (1)

Một cuộc chiếm-đóng đơn-thuần và đương-nhiên như vậy giúp người ta hiểu tại sao mà một quyển sách về địa-lý Việt-Nam vào đầu thế-kỷ 19, còn trình-bày Champa như một nước ngoài, như Cam-Bốt và Thái-Lan vậy (2).

Tuy-nhiên, những cuộc truất ngôi Vua Chúa Chàm, chỉ chấm dứt vào thời chiến-thắng của Nguyễn-Ánh mà thôi. Người Pháp mà người ta biết là đã góp một phần quan-trọng công-lao trong cuộc chiến chống Tây-Sơn, không chú-trọng đến số-phận Champa.

---

(1) L. CADIÈRE, Documents relatifs à l'époque de Gia-Long, BEFEO XII, VII, p. 32.

(2) L. AUROUSSEAU, Charles MAYBON, Histoire moderne du pays d'Annam, C.R. op. cit., p. 82.

Một bức thơ như của Linh-Mục Lavoué chỉ là một thứ nhận xét đơn-thuần và những « thổ-dân » Phan-Rí không làm ai quan-tâm cả, khi mà mọi nỗ-lực đều đang dồn về công-cuộc thống-nhứt Việt-Nam *(1802-1820)*.

Sau khi tổ-chức triều-đình Champa tan rả, những biện-pháp áp-dụng cho cuộc sinh-hoạt dân-chúng như việc tái phân ruộng nương, việc lập lại bản-đồ địa-chính làm thiệt-hại rất nhiều cho người Chàm.

Người ta được biết rằng lối năm 1822 hoặc 1823, ngay khi bắt đầu triều-đại Minh-Mạng *(1820 - 1840)*, Vua **Pô Chơn**, nhìn thấy cảnh thần-dân Chàm bị tước-đoạt hết cả, đã tự ý từ bỏ một ngai vàng vô thực-quyền và trốn sang định-cư vĩnh-viễn ở Cam Bốt với một nhóm người trung-tín của mình (1).

Pô Chơn và đoàn tùy-tùng lưu-vong đều theo đạo Hồi-Giáo.

(1) Năm Minh-mạng thứ 4, xem E. DURAND, Les archives, des derniers rois Chams, BEFEO, VII, p. 253.

TỪ 1822 VỀ SAU

Việc Vua Pô Chơn (1) cùng một nhóm cận-thần thoát đi ẩn-lánh ở xứ người khiến người dân Chàm như con rắn mất đầu, không còn cấp lãnh-đạo cùng binh-đội chánh-thức bảo-bọc nữa. Nhưng không vì thế mà những phong-trào kháng-địch cũng tàn-rụi ngay theo. Trái lại, mỗi nhóm ở mỗi địa-phương, đều tùy hoàn cảnh và phương-tiện, để tự lo-liệu lấy sự sống-còn, tiếp-tục đấu tranh cùng chịu đựng những thử-thách do tai-họa đất nước đem đến.

Đây là giai-đoạn mà người dân Chàm mất nước đã lấy chút tàn-hơi gắng-gượng nói lên tinh-thần bất-khuất của dân-tộc, trước thế mạnh của giặc, cho nên mọi cơ-hội đều được tận-dụng, để tìm một lối thoát danh-dự, một phần nào xoa dịu tự-ái dân-tộc.

Một cơ-hội đáng ghi là cuộc nổi-loạn từ 1831 đến 1834 của nhóm quân Lê-văn-Khôi chống Vua Minh-Mạng. Chính một phần nhờ hậu-thuẫn của những người Chàm kháng-chiến, mà Lê-văn-Khôi đã đánh chiếm được miền thung-lũng Phan-Thiết, Phan-Rí và Phan-Rang. Nhưng cũng trong dịp nầy, một số thôn-ấp Chàm đã bị hy-sinh, vì bị kết tội trung-thành với Vua Minh-Mạng.

Tiếp đó, người Chàm lại còn phải chịu một số thiệt-hại, do hậu-quả của những cuộc hành-quân của các đội-quân nhà Nguyễn dẹp trừ nhóm Lê-Văn-Khôi.

---

(1) Còn gọi là Chơn Chanh, có người nói là do chức Quan Chưởng Chánh do Triều-đình Huế ban-cấp.

Trên một phương-diện khác và nhứt là trong cuộc chung sống ở buổi đầu giữa hai giống Việt và Chàm, vốn hấp-thụ hai nền văn-minh tương-đối khác-biệt, người ta ghi-nhận được một số khó-khăn va-chạm ; do đó, một vài sự-việc đã dồn-dập xảy ra, dựa vào nhiều lý-lẽ phức-tạp, để lần-hồi mới đưa đến chỗ dung hòa nhận chịu hoàn-cảnh và nhiên-hậu tạo ra một số lối-thoát thích-ứng về vật-chất cũng như tinh-thần.

Người dân Chàm còn lại một thiểu-số bé nhỏ (1), tiếp-nối

---

(1) Xem Dohamide, Người Chàm tại Việt-Nam ngày nay, Tạp-chí Bách-Khoa từ số 135 đến 147, (1962).

— E. Aymonier, 1891, ước lượng người Chàm Bình-Thuận tối-đa là 30.000 người và khoảng 3 lần đông hơn đã sang định-cư ở Cam-Bốt.

(Les Tchames et leurs religions).

Quyển « Annuaire Général de l'Indochine » năm 1907 — 1908 ghi :

- **Phan-Rang : 6.000**
- **Bình-Thuận : 900**

Thống-kê chánh-thức năm 1910 và 1913 của Tòa Khâm-sứ Pháp ở Huế và Phnom-Penh cho biết :

- **Trung-Việt : 15.389**
- **Cam-Bốt : 30.000**

Một cuộc kiểm-tra tổng-quát mới đây riêng tại Việt-Nam (1963) :

- **Ninh-Thuận : 17.700**
- **Bình-Thuận : 15.900**
- **Bình-Định : 3.000**
- **Bình-Tuy : 915**
- **Tây-Ninh : 1.760**
- **Châu-Đốc : 12.700**

Cộng : 51.975 người Chàm

Ở Phan-Rí còn có lối 10.000 người Kinh Cựu tức Chàm lai Việt sống tập-trung trong những thôn-ấp riêng biệt.

cuộc sống trầm-lặng khiêm-tốn, bề ngoài có khuynh-hướng như cố thu mình lại trong những thôn-ấp riêng, biệt-lập với các thôn-ấp người Việt để mà vọng-tưởng những huy-hoàng đã mất.

Một Chế-Bồng-Nga hiên-ngang, một Pô Klong Gia-Rai tận-tụy chăm-sóc sự ấm-no sung-túc cho dân, một Pô Ro-Mê ngã gục trên chiến-địa v.v... tạo thành những bậc danh-tài, những quyền-lực ngự-trị như những bóng ma, trong sanh-hoạt tinh-thần của người dân Chàm ở giai-đoạn sau cùng.

Hàng năm, đến dịp **Bur Ka-tê**, dịp mở cửa tháp (pơh pa-băng yang), dân-chúng tấp-nập cùng nhau đem lễ-vật lên các đền tháp dâng cúng, cầu xin phù-trợ ; một vài gia-đình giòng-dõi Hoàng-tộc vẫn tiếp-tục lưu-truyền trách-nhiệm phụng-thờ cùng cất-giữ một số kỷ-vật do các Vua Chúa để lại.

Người dân Chàm miền Trung hiện chỉ còn lưu giữ 4 *kho tàng* Hoàng-tộcChàm. Các *kho-tàng* khác thì đều do người Thượng (Chu-ru, Ko-ho, Ro-glai) cất giữ, từ khi có phong-trào khủng-bố người Chàm thời Vua Minh-Mạng.

Tháng 12 năm 1957, Giáo-sư Nghiêm-Thầm (1) đã hướng dẫn một phái-đoàn chuyên-viên Viện Khảo-Cổ đi thăm hai nơi còn lưu giữ bảo-vật Vua Chàm thuộc quận Đôn-Dương (Tuyên-Đức).

---

(1) Nghiêm-Thầm, Đi thăm kho-tàng của các Vua Chàm.
Văn-Hóa Nguyệt-san, Số 56, tháng XI — 1960, trang 1359 — 1366.
Số 57, tháng XII — 1960, trang 1567 — 1575.

Địa-điểm thứ nhứt ở tại một làng người Chu-ru, tên gọi Sopmadronghay, có một ngôi đền cất bằng tre đan, mái lợp cỏ tranh sơ-sài, chứa các bảo-vật, được phân-loại như sau :

1— binh-khí : 2 súng hỏa-mai kiểu Á-rạp, có chạm-trổ, nạm-đồng, đựng trong bao bằng cây và hơn 50 đoản-đao, long đao, gươm-giáo, thương, mác, đinh-ba, câu-liềm.

2— tự-khí : khai bằng cây khảm-trai, ấm, chén trà, chóe rượu, dĩa, ống-nhổ bằng đồng, siêu nấu nước, chậu lớn bằng bạc chạm hình cánh sen, hộp đựng vôi, hộp đựng xương cốt (klong)...

3 — dụng-cụ giao-thông : một yên ngựa nạm đồng, mặt yên phủ nhung, nhạc ngựa, nhạc voi, roi có đính lục-lạc, một cần cáng võng bằng sơn, một số cây chèo.

4 — y-phục : 2 mũ kiểu Chàm bằng gấm, dùng đi đường, phần trên tròn và phần dưới có 4 mảnh để phủ gáy, hai bên tai và phần trước có vành và chỗ hở để mắt nhìn, nhiều tấm chăn Chàm để làm xiêm đựng trong 3 rương, trong đó có cả 2 bộ triều-phục Việt-Nam, một xanh hoa lý và một xanh lam.

5 — rương đựng gần 40 ấn và triện chữ Hán, một xấp giấy chữ Chàm, một xấp giấy chữ Hán, 3 ngà voi.

Ấn kể trên cho biết vị Vua Chàm hiệu là Môn-Lai Phu-Tử, tên Việt-Nam là Nguyễn-văn-Chiêu, nguyên đã theo Vua Gia-Long năm 1790, trong cuộc-chiến chống quân Tây-Sơn, nhưng sau nầy trở lại chống Vua Gia-Long nên đã cùng cận-thần trốn lên Cao-Nguyên.

Địa điểm thứ hai là đền Krayo ở tại một làng người Chu-ru (Lơ-Bui) bảo-vật gồm có:

— binh-khí : gươm, mộc và 25 khẩu súng bằng sắt nòng dài từ 75 phân đến 1 thước rưỡi.

— 8 cái giỏ bằng tre đan mắt cáo, chứa đựng những hộp hình ống bằng bạc hoặc bằng đồng hoặc bằng chì, bên trong có nhiều *Klong* bằng vàng đựng 9 miếng xương trán của vị Vua Chàm đã chết.

— một miếng vàng lá chạm thủng kiểu đề phủ lên trên hia, nhiều miếng vàng hình chữ nhựt chạm trổ, mâm bằng đồng, siêu nước.

— 3 rương xiêm áo Chàm và triều-phục Việt-Nam.

Người được tổ-tiên lưu-truyền ủy-thác cất giữ các bảo-vật và trông-nom cúng lễ gọi là **Châm-Nây** hay **Chamưnây**, chỉ biết là từ lâu lắm rồi, có một ông Vua Chàm đi ngang qua làng gởi lại những bảo-vật ấy để cất giữ cho đến ngày nay, nhưng không được rõ là Vua nào.

Địa-điểm thứ ba ở Pan-Thiêng trước là nơi tạm trú của một Vua Chàm, có nhiều bảo-vật quan-trọng, nhưng đến nay chỉ còn có 2 đồng-tiền Trung-Hoa đời Thanh mà thôi. Dân làng nay đã theo đạo Thiên-Chúa, không còn tin-tưởng và tiếp-tục thờ-cúng theo cổ-lệ nữa.

Về các *kho-tàng* do người Chàm lưu giữ (1), trước hết tại Quận Phan-Lý Chàm (Bình-Thuận), ở Choa Ra-cham, có đền

(1) Việt-Nam khảo-cổ tập-san số 1 — 1960.

Thang Yang Pô Ong, chứa hài - cốt của ông **Dhat Nugar War Palei**, vị anh-hùng Chàm và 6 chiếc giỏ bằng tre đan đựng hộp *klong* bằng vàng và bạc thuộc 30 nhân-vật giòng Vua Chàm.

Kho-tàng Tịnh-Mỹ, (do Bà Nguyễn-thị-Thềm, thuộc giòng Hoàng tộc, cất giữ) trước chiến-tranh 1945 là một kho-tàng quan trọng nhứt (22 đồ bằng vàng, 22 đồ bằng bạc), nhưng hiện chỉ còn một Vương miện bằng vàng, 2 chiếc mũ nhỏ bằng vàng để chụp lên búi tóc của Hoàng-Hậu, một đôi bông tai, một nửa chiếc vòng vàng, và một số quần áo hư nát.

Tại làng Hậu-Sanh, quận An-Phước (Ninh-Thuận), một ngôi đền chứa bảo-vật Pô Ro-Mê, đã bị cháy năm 1948 thiêu-hủy tất cả tài-liệu viết, nay chỉ còn 14 món bằng kim-khí trong số có một Vương-miện bằng vàng và 3 món đồ bằng bạc.

(Như vậy là hiện người Chàm miền Trung còn giữ được 2 Vương-miện bằng vàng, một tại Tịnh-Mỹ và một tại Hậu-Sanh).

Tại làng Hữu-Đức, quận An-Phước (Ninh-Thuận), *kho-tàng* gồm các đồ-thờ Nữ-Thần Pô Na-gar sáng-lập nên Champa : một bình vôi bạc, một số đồ đồng, đồ thau, một cái rương, một cái cáng có mui.

Quận An-Phước còn có một *kho-tàng* ở Phước-Đồng gồm 173 món đồ : vòng nhẫn bằng vàng, bạc, đồng, bình vôi v.v...

Theo chỉ-dẫn của người địa-phương ở Giá, còn một *kho tàng* có nhiều đồ quý, nhưng ở vào một vùng hẻo-lánh, không tiện liên-lạc.

Mười mấy thế-kỷ lịch-sử nổi danh với bạch-tượng, với trầm hương, với yến sào, với hàng muôn vạn quân-binh... Champa ở giai-đoạn sau cùng chỉ có ly-tan, đổ-nát, điêu-tàn.

Nhưng trong từ-ngữ Chàm, **Champa** còn chỉ-định một thứ hoa, hương thơm đậm-đà, tương-ứng với hoa Ngọc-Lan trong Việt-ngữ. Hương thơm phảng-phất của hoa Champa có lẽ đã làm say được một nhà thơ, nên Chế Lan-Viên có lần đã viết lên một ước-mơ :

Ngày mai đây Xuân về trong Chiêm-Quốc,
Nước non Chàm vang dậy tiếng vui ca.

ĐOẠN - KẾT

CHO đến ngày nay, những cuộc nghiên-cứu công phu của các tác-giả Tây-Phương, tìm hiểu Dân-Tộc Chàm, đã soi-sáng được nhiều sự việc. Nhưng đối với khoa-học khảo-cổ bao giờ cũng thế, những khám-phá trong tương lai lúc nào cũng có thể, đột-nhiên, làm đảo-lộn sâu-xa cả những dữ-kiện mà bây giờ có vẻ như đã vững-chắc lắm rồi. Huống chi ở đây, lại còn rất nhiều tài-liệu chỉ được tìm-hiểu và khai-thác một cách thiếu-sót và dọc theo lịch-sử Chàm, một số sự - kiện được đưa ra có khi thiếu cả bằng-chứng cần-thiết về cổ-học.

Từ ngày xảy ra cuộc chiến 1945 tại Việt-Nam, mọi công cuộc tìm thêm các di-tích lịch-sử cùng sưu-khảo tận nơi các tài liệu về người Chàm, dường như đã ngừng lại ở mức dang-dở.

Hiện người ta hầu như chưa biết gì về những biến-đổi trong việc thờ-phượng Vua Chúa *(tập-tục còn lưu-truyền đến ngày nay)* qua các thời-kỳ và cũng chưa ai tìm được một giải-đáp dứt-khoát cho vấn-đề xâm-nhập của Hồi-Giáo vào đất Chàm, vốn trước đã là cơ-sở của Ấn-Độ-Giáo và Phật-Giáo.

Ngoài ra, người ta cũng không quên rằng những sự-kiện lịch-sử Chàm được giả-thiết gây-dựng lại phần lớn, là do tài-liệu Trung-Quốc và Việt-Nam *(nhờ những liên-hệ ngoại-giao với Champa)*, đem đối-chiếu cùng những bia - đá do các triều-đại Champa lưu lại, cho nên dù muốn dù không, đôi khi cũng không tránh khỏi một phần nào chủ-quan lệch-lạc. Nói khác, một số sự kiện đã được nhìn qua nhãn-quan của người ngoại cuộc, thì sự thiếu trung-thực đối với tiềm-lực dân-tộc Chàm cũng chỉ là một sự dĩ-nhiên mà thôi. Do đó, người ta không thấy chi khác thường khi những tên Vua Chàm được ghi trong tập sách nầy đôi khi không có tánh cách **Chàm** chút nào cả.

• Sự thực, người ta đã nói khá nhiều về các triều-đại, về hoạt động của giới Vua Quan, tiêu-biểu cho sức mạnh quốc-gia, cho tầng lớp lãnh-đạo xã-hội Vương-Quốc Champa. Nhưng nếu đi sâu vào cuộc sống dĩ-vảng của một dân-tộc, thì chính sanh-hoạt ở hạ tầng cơ-sở, với vai trò sáng-tạo và xây-dựng của nó trong nền văn-hóa, mới đáng chú-ý nhiều nhứt trong lịch-sử.

Qua các đoạn lịch-sử người ta nhận thấy nạn suy-vong của Champa không phải chỉ có ý-nghĩa là một sự đổ-vỡ đơn-thuần của một Vương-Quốc già-cỗi ở Đông-Nam-Á, mà lại chính là một bước đường gặp-gỡ, va-chạm của hai nền văn - hóa, với tất cả những hậu-quả thảm-hại về phía người Chàm.

Hiện-trạng khiếm-khuyết các dữ-kiện về nhân-chủng-học, về kinh-tế, về xã-hội... chưa cho phép người ta đi sâu vào từng giai đoạn để phân-tách những thành bại của dân-tộc Chàm trong nỗ lực phát-triển và sanh-tồn.

Tuy-nhiên, qua các sự-kiện liên-tiếp xảy ra suốt mười mấy thế-kỷ lịch-sử, từ tình-trạng hỗn-độn của buổi sơ-khai, dân-tộc Chàm đã giới-định được một lãnh-thổ, tổ-chức thành một Quốc Gia, xây nên những thành-tích văn-hóa rạng-rỡ một thời.

Ở vào các địa-thế duyên-hải, nơi gặp-gỡ của các thương thuyền nhiều nước, người dân Chàm đã biết kết-nạp, gạn-lọc những tinh-hoa nước ngoài, đem dung-hợp với cuộc sống của mình, để tạo nên và phát-huy một nền văn-minh dân-tộc, gây dư-âm cho đến ngày nay, mệnh danh là **Văn-minh Chàm**.

Nền văn-minh Chàm không tự hạn-định phạm-vi trong Vương-Quốc Champa, mà còn vươn ra ngoài biên-cương, ảnh-hưởng quan-trọng đối với một số Dân-tộc Cao-Nguyên Trung-Phần như Ra-Đê hay Ê-Đê, Jarai, Roglai cùng thuộc nhóm Malayo Polynésien, ngôn-ngữ rất gần người Chàm.

Có đọc những bản văn khắc trên các bia đá — đồng-thời cũng là hình-ảnh thi-ca của các Triều-đại Champa, qua trung-gian của Phạn-ngữ — có nhìn rõ những công-trình kiến-trúc tại các đền tháp, cùng những dấu vết của các công-sự bố-phòng đã bị chiến-tranh phá nát, người ta mới hình-dung được những cái gì tinh-xảo, khéo-léo, vĩ-đại mà dân-tộc Chàm đã đạt trong lịch-sử.

Đã nhiều phen, dân-tộc Chàm đã vượt biên-giới cố phát triển tiềm-lực hùng-cường cho nòi giống, nhưng những thất-bại về quân-sự, trước lực-lượng xâm-lăng ngoại-bang, đã khiến Vương-Quốc Champa sụp đổ; người dân Chàm mất nước, mất đất, mất cả những gì, tự cổ, đã bảo-vệ, đã dâng cao truyền-thống dân-tộc Chàm; nền văn-hóa Chàm do đó cũng theo cùng một số phận không may.

Đứng về phương-diện lãnh-đạo Quốc-gia và trong mọi thế yếu, dân-tộc Chàm, trong lịch-sử, đã vướng phải một trở-ngại

căn-bản là trước cũng như sau, Champa vẫn chưa thoát khỏi cơ-cấu tổ-chức phong-kiến, lãnh-thổ bị phân chia thành những khu-vực nhỏ với nhiều lãnh-chúa, nên dù muốn dù không trong việc trị nước, cũng khó mà thực-hiện một sự hòa-hợp lâu bền gom về một quyền-uy tối-thượng, thống-nhứt, để nhiên-hậu tạo sức mạnh tự bảo-vệ và tiêu-diệt mọi áp-lực phá-hủy từ bên ngoài.

Nhưng xét về một phương-diện khác, khi mà hệ-thống Vua-Quan lãnh-đạo Vương-Quốc Champa không còn nữa, thì ngược lại, chính nhờ nhược-điểm kể trên mà dân-tộc Chàm đã có thể tồn-tại, sống vất-vưởng thêm mấy thế-kỷ sau cùng. Người dân Chàm sau khi đã mất tất cả, một số sống sót trong những thôn-ấp hẻo-lánh, trên mảnh đất cũ, đã cảm thấy thắm-thía hơn bao giờ hết, cái nghĩa-vụ thiêng-liêng phải bảo-tồn và đề-cao những Amarâvati, Kâuthara, Pânduranga... v.v... và quyến-luyến bao nhiêu với ý-nghĩa của một danh-từ « **Chàm** » quốc-hồn quốc-túy.

Nói khác, mầm-móng tinh-thần phân-ly có một thời đã đè nặng lên số phận Vương-Quốc Chàm. Nhưng đến khi mà hình-thức quyền-uy tối-thượng bao trùm lãnh-thổ đã mất chân đứng và tiêu tan, thì những cái gì còn sót lại của Vương-Quốc lại có thể ngoài những thửa đất rời-rạc, cô-lập, bé nhỏ ?

Những trang sử máu đã khép lại, nhưng chính những cơ-cấu thiếu hình-thức hào-nháng sau cùng nầy, đã tồn-tại, qua thời-gian, đã cất giữ được con người, tập-tục, cùng cuộc sống truyền-thống của dân-tộc Chàm.

Và cũng nhờ đó Vương-Quốc Chiêm-thành tức Champa không còn nữa, nhưng dân-tộc Chàm vẫn còn...

PHỤ - LỤC

Tiếng nói của Người Chàm trong lịch-sử Champa

LỜI MỞ ĐẦU

QUA nhiều thế-kỷ lịch-sử sóng gió, xã-hội Chà ngày xưa, ít ra cũng có một vài sử-gia chuyên ghi lại những bước thăng-trầm của con đường đã đi qua của dân-tộc.

Nhưng giai-đoạn sau cùng của Vương-Quốc Chàm bi-thiết quá, bao nhiêu thành-trì sụp đổ thành bình-địa, bao nhiêu người đã ngã gục, bao nhiêu người đành phải bỏ mà đi...

Trong thảm-cảnh ly-tán đó, mỗi người cố giữ được mạng sống cũng đã là cái may, thì còn làm sao lo bảo-toàn được những mảnh giấy thô, dễ làm mồi cho lửa đỏ ?

Chỉ có một số văn-bia dùng phạn-ngữ khắc trên đá bị bỏ quên trong một góc rừng, may-mắn còn sót lại, nhưng dù sao cũng không cung-ứng những sự-kiên liên-tục cần-thiết để kiến-tạo lại lịch-sử, một cách đầy đủ.

Hoàn-cảnh chiến-chinh đã tạo cách-biệt giữa những huy hoàng sáng-chói của ngày xưa và tình-trạng vô-vọng của giai-đoạn sau cùng.

Nói thế, không có nghĩa là người Chàm sau nầy đã quên đi tất cả những di-vãng của dân-tộc mình. Di-vãng đó vẫn tồn-tại, mặc dù những áp-lực bất-lợi của ngoại-cảnh, nhưng vì tồn-tại trong

lòng người, dưới những hình-thức phù-hợp, có tánh-cách hồn-nhiên, né tránh gò bó, cho nên những người tìm hiểu sau nầy, dựa vào tinh-thần phân-tích khoa-học Âu-Tây, thấy có nhiều điểm lạ-lùng, có tánh-cách huyền-thoại hơn là lịch-sử.

Mất tổ-chức Vua Quan, dân-tộc Chàm không còn hệ-thống chánh-thức lãnh-đạo xã-hội, tạo cơ-sở phát-triển văn-hóa Chàm.

Tuy-nhiên, sau những ngày loạn-lạc, tình-thế lần hồi rồi cũng được ổn-định, sanh-hoạt tập-thể của một nhóm ít người còn sống-sót lần hồi cũng dung-hợp với những phương-tiện vật-chất khả-dụng để mong trở lại lề-lối cũ được chừng nào hay chừng ấy.

Chính trong hoàn-cảnh trên, đã hình thành một số câu chuyện nay đã thành câu chuyện cổ, mà tác-giả thường là những kẻ vô-danh hay nghĩ-ngợi, vốn sẵn có đôi chút năng-khiếu sáng-tác.

Nội-dung của các câu chuyện cổ nầy đôi khi chất-chứa nhiều âm-điệu, ý-nghĩa sâu-xa, nhưng đôi khi cũng tùy thuộc nhiều vào hứng-khởi, vào trí tưởng-tượng, khiến hậu-thế khó mà vịn vào đó để tìm ra sự thật.

Nói khác đi, đây là lối nhìn của giới bình-dân, mà sự mộc mạc chân-thành lẫn-lộn với sự phức-tạp đến bí-hiểm. Nó không phải là sản-phẩm của những sử-gia chuyên-nghiệp, nên thường không bị bóp méo bởi một áp-lực nào cả, nhưng ngược lại, lắm lúc được tô thêm một ít huyền-thoại, một ít mặc-cảm, hay kiêu-hãnh, có lẽ đúng hơn, về những huy-hoàng sáng-chói đã mất.

Qua những giòng chữ cổ, người ta không hi-vọng tìm được những sự-kiện lịch-sử, được trình-bày một cách lớp-lang, theo thứ tự thời-gian được và dĩ-nhiên, nếu đem so-chiếu với phần lịch-sử Chàm do các tác-giả Tây-Phương gây-dựng lại với phương-pháp khoa-học, dựa vào sử-liệu Trung-Quốc và Việt-Nam, người ta sẽ thấy những điểm dị-đồng và rất khó vị-trí-hóa các sự-kiện vào những hoàn-cảnh đã được ghi nhận.

Hàm-chứa bao nhiêu tình-cảm, bao nhiêu đau thương, điều chắc-chắn là các bản văn cổ chép tay còn lưu lại, có đầy-đủ giá-trị biểu-lộ tâm-trạng người dân Chàm ở giai-đoạn sau cùng của Vương-Quốc Chàm.

Tuy-nhiên, mỗi người mỗi phương, mỗi quan-niệm, cách biệt trong không-gian của các nhóm — từ những người ở lại mảnh đất cũ tại Phan-Rí, Phan-Rang, cho đến những người ly hương ở Cam-Bốt, ở Châu-Đốc — đã tạo nên một số sai-lạc nguyên thủy và lần hồi, do ảnh-hưởng của sanh-hoạt địa-phương, một số chi-tiết được thêm bớt mỗi nơi mỗi khác, thành khác-biệt đôi khi hầu như hoàn-toàn.

Đó là không kể nạn « tam sao thất bổn », truyền-khẩu cho nhau, để nó sống trong lòng người theo thuận-tiện, lâu ngày bỏ quên đến chừng nhắc lại, cũng có thể có đổi khác đi một vài phần.

Năm 1890, một người Pháp nghiên-cứu về người Chàm, được nhiều người biết là Etienne Aymonier đã thử dựa vào những câu chuyện cổ kể trên, để gây-dựng lại lịch-sử Chàm theo quan điểm của chính người Chàm.

Trước hết, việc sưu-tầm các bản cổ-văn gặp nhiều khó khăn, vì vào năm 1890, người Chàm chỉ mới vừa được để yên, nên theo tâm-lý e-ngại chung, rất ít người chịu đưa ra những bản văn mình còn lưu giữ. Người dân Chàm đã sợ mất những lưu-niệm của tiền-nhân cũng có, mà sợ người ta dùng những tài-liệu đó để làm một cái gì có hại cho giòng giống mình cũng có. Một số bản lại được người dân xem như là những kỷ-vật thiêng-liêng không phải lúc nào cũng bày ra xem được, mà trái lại, phải chờ ngày lành tháng tốt, có lễ cúng rất phức-tạp.

Thứ nữa là nhiều bản, nội-dung có khi cùng chung một đề tài, nhưng lại khác nhau về tiểu-tiết, và bên nào cũng nói mình là đúng cả, thì phải tin vào ai ?

Công việc sưu-tập của E. Aymonier đã được một phần nào dễ dàng nhờ có sự giúp-đỡ của các chức-việc Pháp tại địa-phương dựa vào một vài chức-sắc lãnh-đạo tinh-thần các thôn ấp Chàm.

Đối với những bản văn không xem ngay được, E. Aymonier đã đưa sẵn giấy mực, nhờ những chức-sắc Chàm kể trên sao chép lại.

Trong số những bản văn thâu-thập được ở Trung-Việt, có một **Biên-Niên-Sử Hoàng-Gia Chàm** mà E. Aymonier đã cho đăng kèm để dẫn-chứng một bài khảo-luận về Văn-phạm Chàm (1) và chúng tôi xin đăng tải sau đây, để tìm hiểu về phía chính người Chàm đối với lịch-sử dân-tộc Chàm.

Thực ra, đây cũng chỉ là một thứ kê-khai các Triều Vua Chàm, nhưng người ta không tìm đâu ra những Simhavarman, Indravarman... vốn là những danh-hiệu theo Phạn-ngữ, một thứ chữ chỉ được dùng trong các giai-cấp phú-hào, Vua Chúa của xã-hội Chàm thời cổ.

Các văn bia dùng Phạn-ngữ, còn sót lại, đã được chuyển về cất giữ tại các viện Bảo-Tàng, nhưng riêng người dân Chàm ngày nay thì hầu hết chỉ biết những Pô Ro-Mê, Pô Klong Ga Rai, Pô Binh Thuôr... để hằng năm cúng bái mà thôi.

Điều đó một phần nào nói lên một sức đề-kháng đã nung nấu ngay trong giới bình-dân Chàm, hướng vào việc bảo-tồn những cái gì có tánh-cách riêng, thuần-túy Chàm, để đào-thải những cái gì có tánh-cách vọng-ngoại, không xuất-phát từ trong lòng dân-tộc.

---

(1) Tạp-chí Excursions et Reconnaissances, XIV, số 31, 1889, tr. 1-92.

Phiên - Âm

Ny thvat-tik thi-thik Ka-ri-ya thi mưng-thâu !ây ka sa-ka-rai đăk-rai pa-tau mưng jưng ta-nưh jưng a-kanh.

Pa-tau jưng êng-kăt.

Nan a-nưk nư-thăk ti-kuh pô Âu-Loah mưng-rai mưng thuôl jưng pa-tau đi nư-gâr chăm. Dok đi băl Sri Ba-nưi klâu pluh ti-juh thun. Tăl nư-thăk ti--kuh pô Âu-Loah vơk păk thuôl, sâng pô Nư-thuôl-lăk đi nư-gâr chăm ta-gôk rai đi nư-thăk ti-kuh jưng pa-tau đưng rai pak pluh tha thun. Nan đi băl Sri Ba-nưi. Jưng tặl nư-thăk i-nư-ga-rai pô Nơ-thuôl-lăk vơk păk thuôl.

Sâng pô Pa-tik đi nư-gâr chăm ta-gôk rai đi nư-thăk i-nư-ga-rai jưng pa-tau đưng rai klâu pluh tha-la-panh thun. Bloh pô Pa-tik luik rai di nư-thăk a-theh nan đi băl Sri Ba-nưi Bloh pô Su-li-ka đi nư-gâr chăm ta-gôk rai đi nư-thăk a-theh jưng pa-tau đưng rai klâu pluh da-la-panh thun. Bloh pa-tau Su-li-ka luik rai di nư-thăk pu-be li-jang đi băl Sri Ba-nưi nan rây.

Bloh pô Klong Ga-rai ta-gôk rai di nư-thăk pu-be jưng pa-tau đi băl Sri Ba-nưi bloh Pô klong Ga-rai mưng rai ngăk băl đok di băl Hi-ngâu đưng rai li-mư pluh li-mư thun, sâng pô Klong Ga-rai vơk păk thuôl mưng rup di thun nư-thăk ku-bau.

Bloh pô Sri A-la-răng đi nư-gâr chăm ta-gôk rai đi nư thăk ku-bau jưng pa-tau đưng rai pak pluh klâu thun bloh pa-tau Sri A-la-răng luik rai đi nư-thăk pu-be đi băl Hi-ngâu nan jơ.

Bloh chây a-nưk pa-tau Sri A-la-răng ta-gôk rai đi nư-thăk pu-be jưng pa-tau đi băl Hi-ngâu. Bloh chây a-nưk mưng-rai ngăk băl đok đi băl A-Ngui đưng rai klâu pluh li-mư thun. Sâng pa-tau chây a-nưk luik rai đi nư-thăk u-la a-neh.

Sâng pô Đê-ba-ta Thuôl đi nư-gâr chăm u-rang bi-kanh minh ta-gôk rai đi nư-thăk u-la a-neh jưng pa-tau đi băl A-Ngui đưng rai đva pluh năm thun luik rai đi nư-thăk a-theh.

Bloh Pa-tăl Thuôl a-đây tha tean thong pa-tau Đê-ba-ta Thuôl ta-gôk rai đi nư-thăk a-theh di băl A-Ngui đưng rai đva pluh klâu thun, sâng pa-tau Pa-tăl Thuôl luik rai đi nư-thăk i-nư-ga-rai.

Bloh pô Binh-nư-thuôl a-đây tha tean thong pa-tau Pa-tăl Thuôl ta-gôk rai đi nư-thăk i-nư-ga-rai jưng pa-tau đi băl A-Ngui đưng rai pak pluh năm thun luik rai đi nư-thăk ku-bau.

Sâng pô Đa-ri-chanh đi nư-gâr chăm u-rang bi-kanh minh ôh kanh gâuk pa-tau Binh-nư-thuôl ô. Ta-gôk rai đi nư-thăk ku-bau jưng pa-tau đi băl A-Ngui đưng rai đva pluh li-mư thun. Sâng pa-tau Đa-ri-chanh luik rai đi nư-thăk ku-bau.

Ôh ka jưng pa-tau ô, bloh jơk mưng-rai mưng-thuh đi băl A-Ngui sâng bol chăm đuỗik gai băl ta-mư mưng-rai đok đi băl Pa-rang. A-đanh klâu pluh ti-juh thun.

Sâng pô Ka-thit a-nưk pa-tau Đa-ri-chanh ta-gôk rai đi nư-thăk ku-bau jưng pu-tau đi b'yủh băl Bat-thi-nưng đưng rai đva pluh đa-la-panh thun, sâng pô Ka-thit luik rai đi nư-thăk i-nư-ga-rai.

Sâng pô Ku-brah a-nưk pô Ka-thit ta-gôk rai đi nư-thăk i-nư-ga-rai jưng pa-tau đi b'yủh băl Bat thi-nưng đưng rai klâu pluh li-mư thun. Bloh pô Ku-brah luik rai đi nư-thăk ri-mong.

Sâng pô Ka-bih a-đây tha tean thong pô Ku-brah ta-gôk rai đi nư-thăk ri-mong jưng pa-tau đi b'yủh băl Bat thi-nưng jưng rai klâu pluh ti-juh thun, bloh pô ka-bih luik rai đi nư-thăk ri-mong.

Sâng pô Ka-rut-đrăk a-nưk pô Ku-bih ta-gôk rai đi nư thăk ri-mong jưng pa-tau đi b'yủh băl Bat thi-nưng đưng rai ti-juh thun. Bloh pô Ka-rut-đrăk luik rai đi nư-thăk kra.

Sâng pô Mưng-hê-su-răk đi nư-gâr chăm u-rang bi-kanh minh ôh kanh gẫuk boh tean pô Ka-rut-đrăk ô, ta-gôk rai đi nư-thăk kra đi b'yủh băl Bat thi-nưng đưng rai năm thun luik rai đi nư-thăk ku-bau.

Bloh pô Ka-nư-rai a-đây tha tean thong pô Mưng-hê-su-rặk ta-gôk rai đi nư-thăk ku-bau jưng pa-tau đi b'yủh băl Bat thi-nưng đưng rai tha pluh klâu thun. Bloh pô Ka-nư-rai lũik rai đi nư-thăk ku-bau.

Sâng pô At ka-muôn a-nưk tha tean thong pô Ka-nư-rai nư-thăk ti-kuh ta-gôk rai đi nư-thăk ku-bau ngăk băl đok mưng li-ngiu b'yủh băl Bat-thi-nưng đưng rai đva pluh ti-juh thun. Bloh Pô At luik rai đi nư-thăk ti-pai.

Sâng pô Klong Ha-lâu nư-thăk mơ-nuk đi nư-gâr chăm u-rang bi-kanh minh ô kanh gâuk boh tean pô At ô, ta-gôk rai đi nư-thăk ti-pai jưng pa-tau đôk đi băl Pa-rang đưng rai đva pluh li-mư thun. Sâng pô Klong Ha-lâu luik rai đi nư--thăk ti-pai.

Sâng pô Nit nư-thăk pa-be a-nưk pô klong Ha-lâu ta-gôk rai đi nư-thăk ti-pai jưng pa-tau đok đi băl Pa-rang đưng rai tha pluh tha thun. Bloh pô Nit luik rai đi nư thăk ku-bau.

Sâng pô Jai-pa-rang nư-thăk a-thâu a-đây tha tean thong pô Nit ta-gôk rai đi nư-thăk ku-bau đưng rai năm thun bloh pô Jai-pa-rang luik rai đi nư-thăk a-theh.

Sâng pô Êh Khang a-nưk pô Jai-pa-rang nư-thăk ti-kuh ta-gôk rai đi nư-thăk a-theh jưng pa-tau đok đi băl Pa-rang đưng rai li-mư thun luik rai đi nư-thăk a-thâu.

Bloh Pô Mưh ta-ha nư-thăk pa-be u-rang bi-kanh minh ta-gôk rai đi nư-thăk a-thâu, jưng pa-tau đok đi băl Pa-rang đưng rai năm thun, bloh pô Mưh-ta-ha luik rai đi nư-thăk ta-pai.

Sâng pô Rô-mê nư-thăk u-la a-neh mơ-tâu pô Mưh-ta-ha ta-gôk rai nư-thăk ta-pai jưng pu-tau ngăk b'yủh đok đi băl Pa-rang đưng rai đva pluh li-mư thun luik rai đi nư-thăk ta-pai. Bloh pô Nrop nư-thăk ku-bau a-đây thá tean thong Pô Ro-mê ta-gôk rai đi nư-thăk i-nư-ga-rai jưng pa-tau đok đi băl Pa-rang đưng rai tha thun luik rai đi nư-thăk u-la a-neh.

Bloh pô Phik-ti-rai đa pa-phủh, nư-thăk mơ-nuk mơ-tâu pô Ro-mê pa-tau yuôn brây săk ta-gôk rai đi nư-thăk a-theh jưng pa-tau đok đi băl. Pa-rang đưng rai pak thun luik rai đi nư-thăk mơ-nuk.

Bloh pô Ja-ta-mưh mơ-tâu pô Phik-ti-rai pa-tau yuôn brây săk đi nư-thăk mơ-nuk đô đok từng kloanh a-panh nư-gâr chăm đưng rai đva thun. Bloh pa-tau yuôn brây săk ka pô Thot nư-thăk pa-be a-nưk pô Phik-ti-rai đa pa-phủh đi nư-thăk pa-bui ta-gôk rai đi nư-thăk ti kuh jưng pa-tau đok đi băl Pa-rang đưng rai klâu pluh klâu thun luik rai đi nư-thăk kra ; đok klâu kganh.

Sâng pô Săk-ti-rai đa pa-tih nư-thăk ti-kuh a-đây tha tean thong pô Thot pa-tau yuôn brây săk đi nư-thăk pa-bui ta-gôk rai đi nư-thăk ti-kuh jưng pa-tau đok đi bal Pa-rang đưng rai klâu pluh đva thun luik rai đi nư-thăk pa be, bloh pô Ga-nuh đa pa-tih nư-thăk ku-bau ti-cho pô Săk-ti-rai đa pa-tih pa-tau yuôn brây săk ta-gôk rai đi nư-thăk kra jưng pa-tau đok đi băl Pa-rang đưng rai klâu thun luik rai đi nư-thăk a-thâu.

Sâng pô Thut-ti-rai đa pa-tih a-nưk pô Thot pa-tau yuôn brây săk jưng khâm lik binh đi nư-thăk pa-bui đưng rai tha thun luik rai đi nư-thăk ti-kuh. Bloh pô Rat-ti-rai đa pa-tih nư thăk i-nư-ga-rai ta-cho pô săk-ti-rai đa pa-tih pa-tau yuôn brây săk đi nư-thăk ti-kuh tăl nư-thăk ti-pai ta-gôk rai jưng pa-tau pô đi băl Pa-rang đưng rai đva pluh tha-li-panh thun luik rai đi nư-thăk pa-be. Bloh pô Ta-thun đa mưh-rai nư-thăk ti-pai a-nưk pô Rat-ti-rai đa pa-tih pa-tau yuôn brây săk đi nư-thăk pa-be jưng cai-bach binh a-panh nư-gâr chăm tha thun luik rai đi nư-thăk mơ-nuk. Bloh pô Ti-thun ti-rai đa pa-phủh nư thăk ku bau a-nưk pô

khâm lik binh pa-tau yuôn brây săk đi nư-thăk mơ-nuk tăl nư-thăk ti-kuh ta-gôk jưng pa-tau đok đi băl Pa-rang đưng rai tha pluh klâu thun luik rai đi nư-thăk ti-kuh bloh pô Ti-thun ti-rai đa pa-rang nư-thăk a-thâu u-rang bi-kanh minh pa-tau yuôn brây thăk đi nư-thăk ti-kuh jưng prong tha thun bloh klah đi nư-thăk ku-bau. Sâng chây Kây-brây nư-thăk mơ-nuk a-nưk pô Ti-thun ti-rai đa pa-phủh pa-tau nhak brây săk đi nư-thăk ti-pai jưng châng a-panh nư-gâr chăm đưng rai pak thun luik rai đi nư-thăk a-thuk bloh pa-tau nhak brây săk ka pô Ti-thun ti-rai đa pa-rang đi nư-thăk a-theh jưng châng a-panh nư-gâr chăm đok đa-la-panh thun Bloh pa-tau mưk ba nao đông nai đi nư-thăk ku-bau jơ.

Bloh pô La-thuôr pa-phủh nư-thăk u-la a-neh a-nưk bol minh pa-tau yuôn brây săk đi nư-thăk ku-bau jưng châng a-panh nư-gâr chăm đưng rai ti-juh thun luik rai đi nư-thăk pa-be. Bloh pa-tau brây săk ka pô Chơn Chanh đi nư-thăk pa-be đok đi băl Pa-rang đưng rai đva pluh pak thun luik rai đi nư-thăk a-theh jơ.

Ny ku-hrea đôm rai pa-tau mưng jưng ta-nưh jưng A-đăm tăl a-răk ny đôm pa-tau jưng êng-kăt đva pluh li-mư rai ; đôm pa-tau jưng hu săk năm rai ; đôm hu săk jưng prong năm rai ; tôk săk pa-tau Nhac jưng prong đva rai.

Ny ku-hrea thun mưng pa-tau Âu-loah tăl a-răk ny, đa-lị panh ri-tuh klâu pluh klâu thun ».

CƯỚC-CHÚ — Bản phiên-âm sau đây dựa vào các vần Việt-ngữ, nên khác bản phiên-âm của E. AYMONIER.

Biên - Niên - Sử Hoàng-Gia Chàm

« Ny thva-tik thi-thik Ka-ri-ya »! (1) Cái nầy làm ra để biết niên-hiệu các triều-đại từ tạo thiên lập địa.

Các Vua tự-lập.

Năm con Chuột, Pô Âu-loah từ cõi trên xuống làm Vua Vương-Quốc Chàm trị-vì được ba mươi bảy năm tại kinh-đô Sri Ba-nưi. Đến năm con Chuột, Pô Âu-loah trở về cõi trên, để Pô Nư thuôr-lăk lên ngôi Vua Vương-Quốc Chàm cũng trong năm con Chuột, và làm vua trong bốn mươi mốt năm tại Sri Ba-nưi. Đến năm con Rồng, Pô Nư-thuôr-lăk trở về trời.

Lại đến Pô Pa-tik lên ngôi Vua Vương-Quốc Chàm năm con Rồng, trị-vì trong ba mươi chín năm. Xong, Pô Pa-tik rời ngai vàng năm con Ngựa, tại Sri Ba-nưi. Xong, Pô Su-li-ka lên ngôi Vua Vương-Quốc Chàm năm con Ngựa, trị-vì ba mươi tám năm rồi rời ngôi, năm con Dê, kinh-đô vẫn ở Sri Ba-nưi.

Xong, Pô Klong Ga-rai lên ngôi Vua Chàm năm con Trâu tại Sri Ba-nưi, rồi Pô Klong Ga-rai dời đô về Hi-ngâu trị nước trong năm mươi lăm năm. Pô Klong Ga-rai trở về cõi trên với luôn thể xác vào năm con Trâu.

---

(1) Công-thức mở đầu.

Xong, Pô Sri A-la-rang lên ngôi Vua Chàm năm con Trâu, tại ngôi bốn mươi ba năm, rồi Vua Sri A-la-răng rời ngôi năm con Dê cũng tại kinh-đô Hi-ngâu đó.

Xong, Chây A-nưk, con của Sri A-la-rang lên kế-vị năm con Dê tại băl Hi-ngâu. Rồi Chây A-nưk đi lập Hoàng-Cung tại kinh-đô A-ngui, trị-vì ba mươi lăm năm. Vua Chây A-nưk rời ngôi năm con Rắn.

Lại đến Pô Đê-ba-ta Thuôr một người lạ (1) lên ngôi Vua Chàm năm con Rắn tại kinh-đô A-ngui, trị nước hai mươi sáu năm và rời ngôi năm con Ngựa.

Xong, Pô Pa-tăl Thuôr, em cùng mẹ với Vua Đê-ba-ta Thuôr, lên ngôi năm con Ngựa tại băl A-ngui, trị-vì hai mươi ba năm, rồi Pô Pa-tăl Thuôr rời ngôi năm con Rồng.

Xong, Pô Binh-Thuôr, em một mẹ với Pa-tăl Thuôr lên ngôi năm con Rồng, lên ngôi trị nước tại A-ngui, trong bốn mươi năm và rời ngôi năm con Trâu.

Lại đến Pô Đa-ri-chanh tại Vương-Quốc Chàm là người lạ, không có bà con gì với Pô Binh-Thuôr cả, lên ngôi năm con Trâu, trị nước tại băl A-ngui, trong hai mươi lăm năm, rồi vua Pô Đa-ri-chanh rời ngôi vào năm con Trâu.

Chưa có Vua kế ngôi, thì có giặc-giã lại xâm-nhiễu A-ngui. Người dân Chàm đã thiên-đô về Phan-Rang. Thời-gian là ba mươi bảy năm.

Lại đến Pô Ka-Thit, con của Vua Pa-ri-chanh lên ngôi năm con Trâu, trị-vì tại Thành-lũy Bat-thi-nưng, trong hai mươi tám năm, rồi Pô Ka-Thit rời ngôi năm con Rồng.

---

(1) Không thân thuộc với giòng Vua trước.

Lại đến Pô Ku-brah, con của Pô Ka-Thit lên ngôi năm con Rồng tại Thành Bat-thi-nưng, trị nước trong ba mươi lăm năm. Pô Ku-brah rời ngôi vào năm con Cọp.

Lại đến Pô Ka-Bih, em một mẹ với Ku-brah lên ngôi năm con Cọp tại thành Bat-thi-nưng, trị vì ba mươi bảy năm, rồi Pô Ka Bih rời ngôi vào năm con Cọp.

Lại đến Pô Ka-rut-drăk con của Pô Ka-Bih lên ngôi năm con Cọp tại Thành Bat-thi-nưng trong bảy năm. Xong, Pô Ka-rut drăk rời ngôi năm con Khỉ.

Sau đó, trong Vương-Quốc Chàm, Pô Mưng-hê-su-răk một người lạ, không có bà con với Pô Ka-rut-drăk, lên ngôi năm con Khỉ tại thành Bat-thi-nưng, trị vì sáu năm rồi xuống ngôi vào năm con Trâu.

Xong, Pô Ka-nư-rai, em một mẹ với Mưng-hê-su-răk lên ngôi năm con Trâu tại thành Bat-thi-nưng, trị vì trong mười ba năm, rồi Pô Ka-nư-rai rời ngôi năm con Trâu.

Lại đến Pô At, cháu của Pô Ka-nư-rai (cha Pô At và Pô Ka-nư-rai là anh em một mẹ khác cha), tuổi con Chuột lên ngôi năm con Trâu, cho cất một Hoàng-Cung và ở ngoài vòng thành Bat-thi-nưng, trị nước trong hai mươi bảy năm, rồi Pô At xuống ngôi năm con Thỏ.

Lại đến Pô Klong H'lâu tuổi con Gà, chỉ là người lạ không thuộc giòng họ Pô At, lên ngôi năm con Thỏ, tại băl Pa-Rang, trị nước hai mươi lăm năm, rồi Pô Klong H'lâu rời ngôi năm con Thỏ.

Lại đến Pô Nit, tuổi con Dê, con của Pô Klong H'lâu, lên ngôi năm con Thỏ tại băl Pa-Rang, trị nước mười một năm rồi Pô Nit rời ngôi năm con Trâu.

Lại đến Pô Jai-pa-rang, tuổi cọn Chó, là em một mẹ với Pô Nit, lên ngôi năm con Trâu, trị nước sáu năm rồi Pô Jai-pa-rang rời ngôi năm con Ngựa.

Lại đến Pô Êh-Khang, con của Pô Jai-pa-rang, tuổi con Chuột, lên ngôi năm con Ngựa, tại Pa-Rang, trị-vì năm năm, rời ngôi năm con Chó.

Xong, Pô Mưh-ta-ha, tuổi con Dê, chỉ là một người lạ, lên ngôi năm con Chó tại Pa-Rang, trị nước được sáu năm rồi Pô Mưh-ta-ha rời ngôi năm con Thỏ.

Lại đến Pô Ro-mê, tuổi con Rắn, rể của Pô Mưh-ta-ha, lên ngôi năm con Thỏ, kiến-tạo nên một đô-thị tại kinh-đô Pa-Rang, trị-vì hai mươi lăm năm và rời ngôi năm con Thỏ. Xong, Pô Nrop, tuổi con Trâu, em một mẹ với Pô Ro-mê lên ngôi năm con Rồng tại Pa-Rang, trị nước một năm, rời ngôi năm con Rắn.

Xong, Pô Phik-ti-rai đa pa-ghủh, tuổi con Gà, rể của Pô Ro-mê, được vua **Yuôn** ban sắc, lên ngôi năm con Ngựa tại Pa-Rang, trị-vì được 4 năm, rời ngôi năm con Gà.

Xong, Pô Ja-ta-mưh, rể của Pô Phik-ti-rai đa pa-ghủh được Vua **Yuôn** ban sắc, năm con Gà với tước « Đề-Đốc Đại-Tướng Quân ». Cai-trị đất nước Chàm, trong hai năm. Rồi Vua **Yuôn** lại tấn-phong Pô Thot, tuổi con Dê, con của Pô Phik-ti-rai đa pa-ghủh, vào năm con Heo, lên ngôi năm con Chuột tại Pa-Rang trị nước ba mươi ba năm, rời ngôi năm con Khỉ ; còn 3 vị nữa.

Lại đến Pô Săk-ti-rai đa pa-tih, tuổi con Chuột, em một mẹ với Pô Thot, được Vua **Yuôn** tấn-phong năm con Heo, lên ngôi năm con Chuột tại Pa-Rang, trị nước ba mươi hai năm, rời ngôi năm con Dê.

Xong, Pô Ga-nủh đa pa-tih, tuổi con Trâu, cháu của Pô Săk-ti-rai được Vua **Yuôn** tấn-phong năm con Khỉ tại Pa-Rang, trị nước được ba năm, rời ngôi năm con Chó.

Lại đến Pô Thut-ti-rai đa pa-tih, con của Pô Thot được Vua **Yuôn** ban chức « khâm-lý-binh » (?) năm con Heo, trị nước được một năm rồi rời ngôi năm con Chuột. Tiếp đó, Pô Rat-ti-rai đa pa-tih tuổi con Rồng, cháu Rat-ti-rai đa pa-tih, được Vua Việt tấn-phong năm con Chuột, lên ngôi năm con Thỏ, tại Pa-Rang, trị-vì hai mươi chín năm và rời ngôi vua năm con Dê.

Xong, Pô Ta-thun đa mưh-rai, tuổi con Thỏ, con của Pô Rat-ti-rai đa pa-tih, Vua **Yuôn** ban tước « Cai-bạch-binh » (?) năm con Dê, trị nước Chàm được một năm, rời ngôi năm con Gà.

Xong, Pô Ti-thun ti-rai đa pa-phuh, tuổi con Trâu, con của Pô « khâm-lý-binh, » Vua **Yuôn** tấn- phong năm con Gà, đến năm con Chuột thì lên ngôi tại Phan-Rang, trị nước mười ba năm, rời ngôi năm con Chuột.

Xong, Pô Ti-thun ti-rai đa pa-rang, tuổi con Chó, chỉ là người lạ, (đối với giòng vua trước), Vua **Yuôn** tấn-phong năm con Chuột « nồi danh » một năm và thoát đi vào năm con Trâu. Liền đến, Chây Kây Brây, tuổi con Gà, con của Pô Ti-thun ti-rai đa pa-phủh, Vua Nhạc (Nguyễn-Nhạc Tây-Sơn) tấn-phong năm con Thỏ thành « chương » (?) cai-trị nước Chàm được bốn năm, rời ngôi năm con Ngựa.

Xong, Vua Nhạc chuyền ngôi cho Pô Ti-thun ti-rai đa Pa-rang năm con Ngựa, làm quan Chưởng, cầm quyền xứ Chàm được tám năm. Sau đó, vua bắt đem đi Đồng-Nai năm con Trâu.

Xong, Pô La-Thuôr pa-phủh, tuổi cọn Rắn, chỉ là con dân giả, Vua **Yuôn** bổ chức « chương » năm con Trâu, cầm quyền nước Chàm bảy năm, rời ngôi năm con Dê. Xong, vua tấn-phong Pô Chơn, năm con Dê, trị-vì tại Phan-Rang hai mươi năm, rời ngôi năm con Ngựa.

Nay tính những triều vua từ khi lập địa, tạo nên A-Đăm cho tới bây giờ, riêng các vị Vua độc-lập thì có hai mươi lăm triều-đại. Số vua được tấn-phong là sáu vị. Số vua được nhận tước Chúa sáu vị. Nhờ có Vua Nhạc tấn-phong 2 trào vua.

Nay tính từ năm vua Âu-loah cho đến bây giờ chung hết là tám trăm ba mươi ba năm.

Xem như trên, người ta thấy người Chàm cũng đã dùng mười hai Con Giáp — và tập-tục nầy vẫn lưu-truyền đến ngày nay — chỉ-định các niên-lịch : Chuột, Trâu, Cọp, Thỏ, Rồng, Rắn, Ngựa, Dê, Khỉ, Gà, Chó, Heo, (khác người Việt ở một Con Giáp : con Thỏ thay vì con Mèo).

Ở giai-đoạn sau cùng của Vương-Quốc, người Chàm không còn dùng niên-lịch **Ça-ka** nguyên-thủy nữa. (Theo niên-lịch ça-ka, năm 1 của người Chàm tương-ứng với năm 78 Tây-Lịch).

E. Aymonier đã căn-cứ vào triều vua Pô Chơn, là vị vua cuối cùng của người Chàm, đã rời bỏ Phan-Rang, lưu-vong

sang Cam-Bốt, một ít lâu sau khi Minh-Mạng lên ngôi (Vua Minh-Mạng lên ngôi năm 1819), để so-chiếu niên-hiệu các triều vua với Tây-Lịch.

Biên-Niên-Sử Chàm đã ghi Pô Chơn rời ngôi vào năm con Ngựa ; nếu tính vào Tây-Lịch thì 1822 là năm con Ngựa, nhằm ba năm sau khi vua Minh-Mạng lên ngôi.

Lấy năm 1822 kể trên làm tiêu-chuẩn, E. Aymonier đã theo thời-gian các Triều Vua ghi trong Biên-Niên-Sử, để tính ngược lại, cho đến Triều Vua đầu là Pô Âu-loah khởi đầu vào năm 1000.

Bảng kê các triều Vua Chàm

VUA TẠI SRI BA-NƯI (1)

1 — Pô Âu-loah hay Ol-loh, 1000 — 1036.

2 — Pô Nơ-thuôr-lăk, 1036 — 1076.

3 — Pô Pa-tik, 1076 — 1114.

4 — Pô Su-li-ka, 1114 — 1151.

VUA TẠI BĂL HI-NGÂU

5 — Pô Klong Ga-Rai, 1151 — 1205.

6 — Pô Sri A-La-rang, 1205 — 1247.

(1) Người Việt xưa thường gọi người Chàm là người Hời, một danh-từ mà người Chàm xem cũng như « Annam » đối với người Việt vậy. E. Aymonier đã vịn vào chữ Hời đó, suy đoán rằng Sri Ba-nưi có lẽ là ở vùng Đồng-Hới.

VUA TẠI BĂL A-NGUI

7 — Chây A-nưk, 1247 — 1281.
8 — Pô Đê-ba-ta Thuôr, 1281 — 1306.
9 — Pô Pa-tăl Thuôr, 1306 — 1328.
10 — Pô Binh Thuôr, 1328 — 1373.
11 — Pô Pa-ri-Chanh, 1373 — 1397

CÁC LÃNH-CHÚA TẠI BAT-THI-NƯNG

12 — Pô Ka-Thit, 1433 — 1460.
13 — Pô Ku-Brah, 1460 — 1494.
14 — Pô Ka-Bih, 1494 — 1530.
15 — Pô Ka-rut-drăk, 1530 — 1536.
16 — Pô Mưng Hê su-răk, 1536 — 1541.
17 — Pô Ra-nư-rai, 1541 — 1553.
18 — Pô At, 1553 — 1579.

CÁC LÃNH-CHÚA TẠI PA-RANG

19 — Pô klong H'lâu, 1579 — 1603
20 — Pô Nit, 1603 — 1613
21 — Pô Jai Pa-rang, 1613 — 1618.
22 — Pô Êh-khang, 1618 — 1622.
23 — Pô Mưh Ta-ha, 1622 — 1627.
24 — Pô Rô-mê, 1627 — 1651.
— Giai-đoạn loạn-lạc. 1651 — 1652.
25 — Pô Nrop, 1652 — 1653.
— Giai-đoạn không có Vua : 1653 — 1654. (1)

---

(1) Vì Biên-Niên-Sử không đề-cập, nên có thể giả-thiết là giai-đoạn khuyết Vua.

CÁC CHÚA ĐƯỢC TẤN PHONG

26 — Pô Phik-ti-rai da pa-phủh, 1654 — 1657.
27 — Pô Ja-ta-mưh, 1657 — 1659.
— Giai-đoạn không Vua : 1659 — 1660.
28 — Pô Thot, 1660 — 1692.
— Giai-đoạn không Vua : 1692 — 1695.
29 — Pô Săk-ti-rai da pa-tih, 1695 — 1728.
30 — Pô Ga-nuh, 1728 — 1730.
31 — Pô Thut-ti-rai, 1731 — 1732.
— Giai-đoạn không Vua : 1732 — 1735.

CÁC CHÚA DO TRIỀU-ĐÌNH HUẾ BỔ-NHẬM

32 — Pô Ra-ti-rai da pa-tih, 1735 — 1763.
33 — Pô Ta-thun da mưh-rai, 1763 — 1765.
34 — Pô Ta-thun da pa-phủh 1763 — 1780.
35 — Pô Ti-thun da Pa-rang 1780 — 1781.
— Giai-đoạn không Vua 1781 — 1783.
36 — Chây Krậy Brây, 1783 — 1786.
36 bis — Pô Ti-thun da Pa-rang 1786 — 1793.
37 — Pô La-thuôn 1793 — 1799.
38 — Vua sau cùng : Pô Chơn-Chanh, 1799 — 1822.

Đứng đầu bảng-kê các Triều Vua kể trên là Pô Âu-loah hay Ol-loh, đã từ cõi trên « giáng xuống » trị nước.

Trong một bản cổ-văn chép tay có nói :

« Hồi năm con Chuột, một nhân-vật, thực-chất là Âu-loah, đã nỗ-lực làm đẹp Vương-Quốc Chàm, nhưng vì đất nước bị tai họa dọa-dẫm (lòng dân căm-phẫn, Vua lại xa dân), vị nầy đã phú thác hồn và xác cho Trời và sang Mecca trong 37 năm rồi trở lại Vương-Quốc sống như cọng cỏ. (1)

(1) Ý muốn nói không còn quyền lực gì nữa.

Mecca là Thánh-địa của người Hồi-Giáo tại Arabie Séoudite, nên người ta có lý-do để suy-đoán rằng danh-hiệu Âu-loah hay Ol-loh kể trên có lẽ đã do chữ « Allah » của Á-Rập, Thượng-đế duy-nhất mà mọi người Hồi-Giáo tôn-thờ.

Biên-Niên-Sử « tính từ những Triều Vua khi lập địa, tạo nên A-Đăm » thủy-tổ của loài người và bắt đầu từ Triều Vua Âu loah, suy ra, đây có lẽ chỉ là một lối hành-văn nhằm nhấn mạnh Triều Vua nầy tại một địa-phương hoặc từ khi Vương-Quốc Chàm bị thu hẹp lại còn ở Phan-Rang và Phan-Rí mà thôi, vì ai cũng rõ Vương-Quốc Chàm đã được thiết-lập từ thế-kỷ đầu Tây-Lịch nhưng lãnh-thổ lại chia thành nhiều khu-vực đặt dưới quyền các lãnh-chúa.

Sự đồng-hóa Pô Âu-loah là Thượng-đế với danh-hiệu một vị Vua, có lẽ là do sự ngưỡng-mộ quá độ của dân-chúng chứng tỏ một thứ uy-quyền bao-la rộng của vị vua nầy trong Vương-Quốc. Vả lại một số thần-linh được người dân Chàm cúng bái hằng năm cho mãi đến ngày nay cũng chỉ là những vị Vua ngày trước đã có công với đất nước Chàm.

Trong các vị Vua đó, đầu-tiên có thể nói đến **Pô Klong Ga-Rai.**

Theo thơ-văn cổ, Pô Klong Ga-rai sanh ngày thứ bảy nhằm ngày thứ tư của nửa tháng trăng khuyết, tháng mười một Chàm, mình-mẩy đầy lác và phong cùi, nên đã được Ông Bà nuôi nấng kỹ-lưỡng không hề cho chân dụng đất và lúc đầu được đặt tên Pô Ông.

Năm bảy tuổi, Pô Klong Ga-rai giữ bò cho Vua. Bò do Pô Klong Ga-rai giữ luôn-luôn lục-tục phía sau các bầy bò khác. Một hôm theo một đoàn người đến Ea-Ra, một con bò bị thất-lạc.

Pô Klong Ga-rai đi tìm khắp nơi không gặp, bèn leo lên cây nhìn ở chân trời thì thấy con bò nầy đang bị cột trong một vườn trồng bông gòn, đàng sau một tư-dinh hết sức to lớn. Mừng quá, Pô Klong Ga-rai tuột mau xuống đất, thân cây bị rung-chuyển đã đột-nhiên trở nên đỏ chói từ rễ đến ngọn, biến thành con Rồng, nhìn Pô Klong Ga-rai một cách kính-cẩn.

Pô Klong Ga-rai đã nhờ người lớn tuổi dẫn đến lâu-đài ấy để xin con bò lại, thì gặp ngay nhà của Thầy Cả chiêm-tinh, nên không ai dám vào xin cả và chỉ im-lặng chờ bên ngoài. Thầy-Cả chiêm tinh thấy thế bèn cho mời tất cả vào hỏi-han câu chuyện.

Những người già bèn vào quỳ lạy và bẩm : « Đó là con bò của Kvơk Pang đưa cho đứa cháu giữ, thuộc đoàn chúng tôi ».

Thầy Cả chiêm-tinh liền cho gọi Pô Klong Ga-rai vào, nhưng vì mình-mẩy Pô Klong Ga-rai đầy lác và phong hủi, đàn bà, trẻ con và gia-nhân đều ghê sợ trốn tất cả và lật-đật hoàn trả con bò lại.

Thầy Cả chiêm-tinh bèn nói với vợ : « Hãy nhìn cho rõ người bị phong hủi ấy. Y có một sức mạnh hơn người, và sau nầy sẽ làm vua đó ».

Rồi quay sang đứa con gái nói tiếp : « Đừng điên như vậy, sau nầy con sẽ là Hoàng-Hậu và nổi danh với Người ấy. Phong hủi kia chỉ là bông hoa mà bề trên đã gắn vào người để che dấu vẻ đẹp cùng sức mạnh hơn người của y mà thôi. Đến ngày lành tháng tốt, một con Rồng sẽ tẩy sạch châu thân y ».

Pô Klong Ga-rai đã gặp Pô Pa-tih tức Pô Klong-Chanh và kết bạn với nhau, rồi cùng đi buôn bán trầu như mọi người. Một

hôm đến chỗ đá chẻ (pa-tâu ta-blah là một phiến đá vằn-thạch nứt làm đôi, trên có khắc nhiều văn bia, hiện còn tại Râm, Phan-Rang), Pô Klong Ga-rai bị đau nhức từ đầu đến chân, nên không thể đội trầu nữa được.

Pô Klong-Chanh rất lấy làm lo-ngại, đã để Pô Klong Ga-rai tại chỗ đá chẻ rồi trở về nhà báo cho mẹ biết, cùng mang cơm và nước cho bạn...

Khi Pô Klong-Chanh trở lại cùng nhiều người thì thấy một con Rồng đang liếm khắp châu thân Pô Klong Ga-rai, và bạn mình đã mất hết phong hủi ghê-tởm, trở nên đẹp-đẽ lạ thường.

Chợt tỉnh-dậy thấy Pô Klong-Chanh trước mặt, Pô Klong Ga-rai có ý hờn trách bạn tại sao lại bỏ đi để Pô Klong Ga-rai một mình giữa rừng trong khi bị bịnh.

Pô Klong-Chanh thấy cảnh-tượng biết bạn mình thực là chánh vì-vương chớ không phải người thường, nên đã dâng cơm trầu và nước cho Pô Klong Ga-rai dùng trước.

Nhưng Pô Klong Ga-rai không chịu cho Pô Klong-Chanh gọi mình là lãnh-chúa mà chỉ muốn được gọi là em như trước rồi cả hai cùng nhau ăn uống.

Một ngày kia, nhớ tới vụ con bò và người trẻ tuổi bị phong hủi chăn bò, vị Thầy Cả Chiêm-tinh bèn mang lễ-vật đến nhà trao tặng ông bà Kvơk và Pang, kết-thân.

Pô Klong Ga-rai đã nhận cô con gái của vị Chiêm-tinh-gia kia làm vợ. Toàn-thể Vương-Quốc vui-rộn lên, người ta tổ-chức săn thú và dân chúng đã vui say, ăn uống với những thức ăn do các con thú săn được.

Các bạch-tượng lấy vòi đập lên nền đất, kêu lên ầm-ĩ. Tại Ea Ru, một con bạch-tượng đặt Pô Klong Ga-rai trên lưng, cùng một đoàn voi lên đường đến Sri Ba-nưi và Pô Klong Ga-rai đã đóng đô tại đây.

Tục truyền rằng, Pô Klong Ga-rai đã dùng xảo-thuật thắng được một cuộc thách-đố với Yang Ba-Kran, trong việc biểu-dương lực-lượng hoàn-tất xây-dựng đền-tháp khiến Yang Ba-Kran (người Khơ-me) phải đem quân-binh ra khỏi vùng của Pô Klong Ga-rai.

Có một buổi trưa, Pô Klong Ga-rai làm một cái bè chuối thả xuống nước, chiếc bè ấy nổi lềnh-bềnh rồi trôi ngược giòng sông lên cách chỗ thả hai dặm, rồi ngừng lại. Pô Klong Ga-rai đã chỉ ngay địa-điểm ấy và ra lịnh khởi-công việc đào kinh, mang thịnh-vượng lại cho xứ-sở.

Có hai con kinh: một con kinh giao cho toàn đàn bà con gái tự đào lấy, còn một con kinh khác thuộc toàn đàn ông con trai. Hai con kinh nầy tồn-tại đến ngày nay, cách ngôi đền Pô Klong Ga-rai ở Phan-Rang lối hai dặm đường. Một con kinh đào theo đường thẳng bị bỏ dở không dùng được, còn một con kinh khác đào theo đường cong như con rồng uốn khúc đã tưới nước cho một vùng trồng-trọt.

Người ta nói con kinh bỏ dở là con kinh của bọn đàn ông đào, vì lẽ trong khi đào, bọn đàn ông mê gái, chềnh-mảng đã kéo nhau đến tán-tỉnh trêu ghẹo các cô nên không làm đến đâu cả !

Theo một số tài-liệu chữ Chàm chép tay khác, Pô Klong Ga-rai trước khi lên ngôi tên Ja Tha-Mưng, lên ngôi năm Ngọ và trị-vì được 55 năm.

Theo tục-truyền, Pô Klong Ga-rai đã dạy người Chàm đắp đập và lấy nước tưới ruộng, để sau cùng thăng thiên, thành một vị Thần-linh che-chở người dân Chàm cho đến ngày nay.

Một người bạn, đồng-thời cũng là quan cận-thần của Pô Klong Ga-rai là **Pô Klong Ka-Sêt** hay Klong Ka-Sát cũng được thần-linh-hóa, nhưng vị nầy nguyên « sanh từ làn khói, hơi nước », đã sống không vợ, không con, không cha, không mẹ, không nhà cửa chi cả nên người dân Chàm thường thờ vị nầy trong rừng, dưới những tàng cây râm mát.

Một vị Vua khác mà người dân Chàm tin-tưởng và hiện thường van vái là **Pô Binh Thuôr** mệnh-danh là *Chây-Ba-Ngu* tức ông Hoàng Bông Hoa, đã bị chết trong cuộc chiến chống xâm-lăng và là một vị Vua tài-ba thao-lược, đã tạo nhiều thành tích vẻ-vang cho đất nước Chàm.

Người ta đã phỏng-đoán có lẽ Pô Binh Thuôr là Chế-Bồng Nga đã ghi trong Việt-Sử, đã mất năm 1392. Nhưng nếu căn-cứ vào niên-hiệu nầy thì Chế-Bồng-Nga đã mất 19 năm sau khi Pô Binh Thuôr mất (theo bảng các Vua kể trên).

Theo tập-truyền, Pô Binh Thuôr cũng như Pô Ro-mê (sẽ nói sau) đều có diện-mạo khôi-ngô, dễ nhìn và cả hai cùng phạm nhược-điểm là đã cưới đàn-bà Việt, nên đã gây tang-tóc cho Vương-Quốc Chàm.

Theo tin-tưởng tại địa-phương, Pô Binh Thuôr đã để thủ cấp lại đất địch còn thân mình chạy về được đến Boh Băl-ri-ya gần Nại (nay thuộc Quận Thanh-Hải, Phan-Rang). Bộ áo giáp trắng với những viền bằng vàng được một ông *Chăm-Nây* cất giữ tại Boh Băl-ri-ya.

Nhưng lại có tục-truyền không chịu cho thủ-cấp Pô Binh Thuôr đã lưu lại đất địch, mà là ở tại Glai Ja-bung hay Klây Ja-bung, vùng Krong Ba-Tau phía Tây Phan-Rang, nơi mà người Ro-glai đã cất giữ trong một hộp bằng đồng với một cái khiên và một số bản cổ-văn chép tay. Người Ro-glai chỉ có thể mang những kỷ-vật nầy ra xem, sau khi cúng-lễ một con dê và ngoài ra một năm hai lần, lại phải cúng thêm hai con gà và năm mâm cơm. Bằng không thì sẽ bị đau ốm.

Người ta tự hỏi tại sao một vị Vua có công chống đỡ ngoại-xâm và đồng-thời cũng là một trong vài nhân-vật cuối cùng cho Vương-Quốc Chàm lớn mạnh, đã gây bao nhiêu tin-tưởng trong lòng dân-chúng Chàm như vậy, lại không được chánh-thức thần-linh-hóa như Pô Klong Ga-rai hay ít nữa cũng như Pô Ro-mê sau nầy.

Theo E. Aymonier, mặc dù tục-truyền cho rằng đầu và thân Pô Binh Thuôr đã trở lại đất Chàm, nhưng lại thiếu lễ hỏa-táng, tối cần trong tập-tục Chàm cổ. Ngoài ra, dù người ta có chấp-nhận việc thủ-cấp và thân mình Pô Binh Thuôr đã được địch-quân trả lại đi nữa, thì sự việc giao-trả đó cũng đủ làm một trở-ngại, để Pô Binh Thuôr chánh-thức nhận được những nghi-thức cúng-bái tại một đền tháp nguy-nga như Pô Klong Ga-rai vậy, nhưng dù sao, Pô Binh Thuôr cũng đã có một ngôi miếu thờ (bức tượng thiếu đầu) tại Xã Bính-Nghĩa, quận Thanh-Hải (Ninh-Thuận). Có một điều lạ là dân-chúng Chàm sống tại vùng lân-cận ngôi miếu kể trên, có tập-tục không ăn thịt heo, mặc dù họ không phải là tín đồ Hồi-Giáo. Người ta nói Pô Binh Thuôr không chịu thứ thịt nầy.

Trong cuộc sống, hằng ngày, người dân Chàm miền Trung ngày nay cũng thường van-vái một vị khác là **Pô Rô-mê** và hằng năm đến ngày ấn-định (bur Ka-tê) vẫn cùng nhau đem lễ vật lên Tháp Pô Ro-mê cúng bái.

Theo Biên-Niên-Sử, **Pô Ro-mê** là rể của Pô Mưh Ta-ha, đã dựng một thành-lũy trên bờ Krong La, tại một địa-điểm mà đường cái-quan cắt ngang con sông gọi là *Cha-nah Klâu*. Ngoài ra Pô Ro-mê, còn cho đào một cọn kinh dẫn thủy từ con sông nầy, gần chỗ gọi là **Tăk-krêk** tức chặt cây **krêk** hiện không còn dấu vết gì nữa cả.

Đối với hậu-thế Chàm, Pô Ro-mê là người cuối cùng đã bảo-vệ nền độc-lập quốc-gia Chàm và đã chết trong cảnh giam-cầm.

Với những chiến-công hiển-hách được tô thêm nhiều chi tiết huyền-thoại, Pô Ro-mê đã được người dân Chàm thần-linh-hóa và đưa lên ngang hàng với Pô Klong Ga-rai vậy.

Có bản văn Chàm chép tay có viết : « Pô Ro-mê nguyên tên là Ja Pot, sanh năm Rắn tại Klây Kaok ở Ka-Rik », tức Phan-Rí.

Một cận-thần của Pô Ro-mê là « Ja Themeng Kei » sanh năm con Gà, sau đó cũng thành một Thần-linh quan-trọng tên **Pô Ri-yak** tức « Thần sóng biển », có đền thờ tại xã Dinh-Hải, quận Thanh-Hải (Ninh-Thuận).

Một vị *Pô Thea* hữu-trách Tháp Pô Ro-mê có kể cho E. Aymonier câu chuyện như sau :

— Cha mẹ của mẹ Pô Ro-mê vốn thuộc khá-giả. Đang còn con gái không đi lại với người đàn ông nào cả, Bà lại mang thai nên đã bị cha mẹ tưởng lầm là hư thân mất nết và đuổi đi. Không nơi nương-tựa, Bà đã phải đi lượm từng hột lúa, để đỡ đói. Trong tình-trạng cơ-cực và đơn-độc đó, Bà đã hạ-sanh Pô Ro-mê dưới tàng cây, và có một con Rồng đã làm mất tất cả dấu vết của

cuộc sanh-nở nầy. Thấy vậy, dân-chúng lân-cận đã đến đốt lửa lên và dựng lều sơ-sài để che mưa nắng cho Bà. Địa-điểm nầy sau đó được gọi là *Yang-Thok* (Thần Nhao), thuộc vùng *Pa-Rik*.

Bà đã nuôi-dưỡng con bà ở làng *Ra-zoh*.

Đến tuổi thành niên, Pô Ro-mê đã bị các bạn trẻ đồng lứa ngạo là con hoang, nên đã chạy về hỏi mẹ, xem cha mình là ai. Nghe mẹ trả lời là mình không có cha, Pô Ro-mê xấu-hổ, quyết bỏ làng cũ để sang ngụ tại *Ha-mu brâu, ở Ka-rang* (thuộc làng Lạc-Tự), nhưng tại đây cũng lại bị chế-nhạo, nên phải theo mẹ sang ngụ ở làng *Boh Mơ-thuh*, xứ Pan-Rang làm mục-đồng cho Vua Mưh Ta-ha.

Pô Ro-mê bắn rất tài, nên thường săn bắn được rất nhiều chim cu, công và gà rừng. Một ngày kia, sau một hồi săn bắn chẳng được gì, Pô Ro-mê mệt-mỏi và đã nằm lại ăn trầu, lưng dựa trên một thân cây to ngã gốc. Chợt cúi xuống nhổ bã trầu Pô Ro-mê nhận ra hai con mắt đỏ trên thân cây. Thì ra, đó là con Rồng ! Do đó, ngọn núi nơi xảy ra việc trên, sau được gọi *Chơk-Bông ma-ta* (núi đỏ mắt) nằm về phía Tây Phan-Rang.

Sợ quá, Pô Ro-mê chạy trốn quanh-co một hồi, nhưng bình-tĩnh lại thì không tìm được đường về nữa.

Ở nhà chờ lâu không thấy Pô Ro-mê dẫn trâu về, các gia-nhân của Vua mới chia nhau đi tìm và đã gặp bầy trâu lùa về. Còn Pô Ro-mê thì mãi lâu sau mới gặp được và nơi gặp đó được người ta gọi là *ka-plah păp* (con đường gặp-gỡ).

Pô Ro-mê đã trưởng-thành, khi Vua Mưh Ta-ha có ý-định từ ngôi.

Có một hôm, thình-lình nghe tiếng Pô Ro-mê đuổi chó ở dưới nhà bếp, vị Trưởng Chiêm-tinh-gia Hoàng-tộc đã kêu lên : « Tiếng nói của Vua Champa tương-lai đó ! »

Sau khi cho dời Po Ro-mê đến, vị nầy đã xem-xét dung nhan Pô Ro-mê và đã tâu Vua nên nuôi-dưỡng Pô Ro-mê kỹ-lưỡng.

Vua Mưh Ta-ha đã làm theo lời tâu nầy và đã gả con gái là **Bia Thanh-Chih** cho Pô Ro-mê rồi cho kế-vị mình ở ngôi Vua Chàm.

Nhưng vì Bia Thanh-Chih bị hiếm muộn, Pô Ro-mê đã cho người sang tận Lào tìm thuốc-thang để có một đứa con nối ngôi nhưng vô hiệu. Do đó, Pô Ro-mê đã cưới một người con gái gốc Ra-đê, tên là **Bia Thanh-Chanh**.

Với Bia Thanh-Chanh, Pô Ro-mê có được một đứa con gái sau đó gả cho ông Hoàng Phik Chơk và chính Phik Chơk đã liên kết với Vua **Yuôn** và cho triều-đình Huế rõ nhược-điểm trong tâm tánh của Pô Ro-mê : sự yếu đuối trước sắc đẹp mỹ-nhân.

Vua **Yuôn** đã cho một Công-Chúa thật đẹp giả dạng làm khách-thương sang nước Chàm.

Do sự sắp-xếp khéo-léo, tin-tức về nữ khách-thương duyên dáng ngoại-bang nầy đến tai Pô Ro-mê, nên Pô Ro-mê đã cho dời đến và khi vừa mới thấy mặt thì đã phải lòng ngay. Người Chàm gọi vị Công-Chúa **Yuôn** nầy là **Bia Ut** hay Nữ-Hoàng Ut cũng thế.

Sau 3 tháng sống trong Hoàng-Cung Chàm, Bia Ut, theo kế-hoạch vạch sẵn, đã giả đau nặng, bằng cách đặt bánh phồng dưới lớp chiếu trên giường, để gây tiếng động tựa hồ như gãy xương gãy cốt, mỗi khi trở mình.

Bối-rối vì nỗi đau-đớn của người đẹp, Pô Ro-mê đã cho dời các bà đồng đến hỏi thăm căn-bịnh, nhưng các bà đồng nầy, vốn đã được tên phản-nghịch Phik Chơk xúi bảo, nên đã tâu trình căn-bịnh là do cây **krêk**, cơ-sở bảo-tồn Vương-Quốc.

Nhà Vua liền cho đòi các thầy thiên-văn đến hỏi ý-kiến xem có thể chặt bỏ cây **krêk** được không. Các vị nầy đều đồng loạt tâu : « Vương-Quốc sẽ sụp-đổ ».

Nhưng vì quá đam-mê, nhà Vua không chịu nghe lời can gián trên và đã hạ-lịnh chặt bỏ cây **krêk** thiêng.

Trong 3 ngày liền, cây **krêk** vẫn đứng nguyên, mỗi nhát búa chặt vào thân cây, tức thì được liền trở lại như cũ.

Được tấu-trình sự việc trên, nhà Vua nổi giận, đã đích-thân đến tại chỗ, vác búa đốn cây **krêk**.

Ba nhác búa của nhà Vua đã làm cho cây **krêk** rên-rỉ và ngã gục xuống, máu từ thân cây chảy ra có vòi như người ta vậy.

Ngay khi đó, thì cũng vừa có tin cấp báo một đạo quân **Yuôn** nương theo đường biển, tiến đánh Champa.

Nhà Vua liền ra lịnh cho 2 viên Tướng Tiên-phuông (ha-lau ba-lang) là Sha Bin và Pa-lak Bin đừng động-tịnh chi cả, để cho nhà Vua tự xuất-quân kháng-cự.

Nhưng hai Tướng trên bất tuân lịnh Vua, và đã giàn quân phản-công địch-quân, giết được rất nhiều người, đầu chất thành hình tháp cao như những ngọn núi.

Pô Ro-mê lại xác-nhận lịnh truyền, nhưng 2 tướng vẫn không nghe, cứ tiếp-tục chiến-đấu. Pô Ro-mê phải phái nhiều lãnh chúa khác đến nơi hạ lịnh ngưng đánh, nếu bất tuân chém đầu ngay.

Sha Bin và Pa-lak Bin đành tuân lịnh trở về trào, xin hoàn trả lại vua áo mão cùng các tước-phẩm, rồi đi ẩn trên núi.

Trong khi đó, địch vẫn tiếp-tục ồ-ạt tiến quân vào đất Chàm.

Pô Ro-mê sau cùng đã xuất-quân phản-công chém giết rất nhiều quân binh địch, đầu chất thành những ngọn núi. Địch chịu không nổi, phải rút quân và nhà Vua còn rượt theo chém giết một số nữa.

Khi Vua trở về trào, các Thầy chiêm-tinh đã khuyên Vua nên đuổi nàng Công-Chúa **Yuôn** ra khỏi Hoàng-Cung thì nước nhà mới yên-ổn, nhưng Pô Ro-mê cho đó là lời sàm-tấu, nhứt quyết không nghe.

Địch-quân trở lại xâm-nhiễu vài lần nữa, nhưng đều bị Pô Ro-mê đánh bại cả và cứ mỗi lần như vậy, các Thầy chiêm-tinh đều đứng ra khuyên Vua như trên.

Trước sự việc đó, các thần phù-trợ Vương-Quốc, lấy làm bất-bình nhà Vua, nên đã cùng nhau rời bỏ Vương-Quốc.

Một lần sau cùng, giặc xua quân đánh chiếm Champa và đã chiến-thắng. Pô Ro-mê bị bắt giải về kinh-đô Huế trong một cái chuồng bằng sắt.

Một người con gái của Pô Ro-mê là Pô Mul (vợ của Phik ti-rai da pa-guh) đứng ra đốc-thúc quân lính Chàm rượt theo kịp đoàn tù-xa và cùng quân **Yuôn** thương-lượng.

Quân **Yuôn** đã giết chết Pô Ro-mê và trả thi-hài cho Pô Mul đem về làm lễ hỏa táng theo tập-tục.

Vị Công-Chúa Ra-đê tức Hoàng-Hậu Bia Thanh-Chanh đã tự nhảy vào giàn hỏa theo chồng về bên kia thế-giới.

Để nêu gương tiết-liệt trung-trinh kể trên, người ta đã xây một bức tượng thờ Bia Thanh-Chanh ngay trong Tháp Pô Ro-mê Phan-Rang. Còn Tượng Bia Thanh-Chih đã được đặt ở bên ngoài Tháp.

Bia Ut, người đẹp gây nên cái chết của Pô Ro-mê, đã bị hành-quyết sau đó, theo lịnh của Pô Mul và các lãnh-chúa.

Nhơn câu chuyện Pô Ro-mê kể trên, người ta được biết cây **krêk**, theo tin-tưởng của người dân Chàm, là rường-cột Vương-Quốc Chàm.

Cây **krêk** tức là cây lim xanh, thuộc loại danh-mộc, gỗ rất cứng và mủ màu đỏ như máu. Tại Phan-Rang, cây **krêk** khá nhiều, nhưng có một địa-điểm ở thôn Hậu-Sanh, xã Đại-Phước, quận An-Phước (Ninh-Thuận), còn dấu-vết của Thành-lũy (b'yủh) Chàm ngày xưa, có một cây **krêk** có dấu đốn đã lâu năm và người dân Chàm tin rằng đó là cây **krêk** đã bị đốn trong lịch-sử.

Đến nay, cây **krêk** kể trên đã mọc trở lại xanh tươi như mọi cây **krêk** khác ở lân-cận.

Người Chàm Châu-Đốc và Cam-Bốt, thuộc giòng-dõi những người Chàm ly-hương, hiện cũng còn lưu-truyền một huyền-thoại về cây **krêk**, nội-dung có đôi phần khác câu chuyện trên, qua bài thơ Phiuh Đi-Sak xin lược-dịch dưới đây :

— Tất cả hãy lắng nghe mà theo gương, để tránh đừng vấp phải tương-tự ở mai-hậu !

Ngày xưa, có hai chị em là hai nàng Công-Chúa : **Juk Bang, Juk Bea** và hai vị Tướng Chàm **Chây Nok** và **Chây Bok**.

Bên cạnh cửa Hoàng Cung, có cây **krêk** là gốc rễ Vương-Quốc Chàm.

Nhiều cuộc lễ lớn đã diễn ra tại trào và người ta không thấy người Việt, người Tàu hay người Miên nào cả.

Vào tháng 4 năm con Trâu, một viên quan đầu Tỉnh đã báo-trình cuộc nổi-loạn của người Chu-Ru, Ko-Ho và Stiêng. Hai vị Chây đã tấu-trình sự việc lên Vua và nhà Vua sau khi hỏi ý-kiến các Quan trong triều, đã cấp 500 quân cho Chây Nok và Chây Bok đi đánh dẹp.

Nhà vua đã cấp áo giáp cho hai Tướng và đã cầu xin thần linh giúp chiến-thắng. Ngày giờ xuất-quân cũng được xem xét rất kỹ-lưỡng.

Vào đúng ngọ, hai Chây lên đường, Nok đi tiên-phuông, Bok giữ phần hậu-tập.

Đoàn quân tiến lên như một đám rừng giáo mác, cờ trắng dẫn đầu rồi tới cờ đỏ, cờ xanh, cờ tím. Sắc màu chói mắt, cảnh-vật trông thật đẹp.

Hãy tạm gác chuyện nầy sang bên để qua một việc khác.

Người **Yuôn** đã làm cho chúng ta cơ-cực thống-khổ bao nhiêu, chỉ vì chúng ta đã xâm-phạm gốc nguồn. Họ đã xâm-nhiễu và họ còn muốn đánh chiếm tất cả !

Một người **Yuôn** già và nghèo cho đến đổi chỉ có được một bữa cơm mỗi ngày, nhưng có một đứa con gái tuyệt đẹp, mong có ngày dẫn sang đất Chàm. Hai cha con xuống một chiếc ghe nhỏ, mang theo một ít hàng-hóa, đã phải đi năm ngày đường mới đến biên-giới Chàm và để cho các chức-việc Chàm xét hỏi.

Người con gái luôn nở nụ cười trên môi, đã tự-nhiên pha-trò và đã để cho một viên-chức Chàm ôm lấy châu-thân, trong khi đó cụ già làm ra tuồng như không hay biết gì cả về cử-chỉ của đứa con gái, để chỉ bận lo sắp xếp những sừng con tây cùng ngà voi.

Viên chức Chàm mắc bẫy sắc-đẹp, đã cho hai cha con nhập xuất biên-giới thong-thả. Sau khi đã bán buôn 3, 4 tháng trên đất Chàm, họ lại quay về nước. Viên chức ở biên-giới còn bảo họ hãy khéo thu-xếp để chóng trở lại.

Hàng-hóa Chàm họ mang về đã được người **Yuôn** ưa thích, chỉ 7 ngày sau, họ đã trở lại và lần nầy, có cả thảy mười chiếc ghe.

7 ngày sau đó, họ lại đến trạm biên-giới và được viên chức hữu-trách bảo cứ mua bán tự-do.

Người con gái nói : « Có tới bảy chiếc tàu ».

— Không hề gì !

Thế là nàng cứ đem lụa đến, để mang ngà voi đi.

Giờ hãy qua câu chuyện khác.

Người con gái mừng-rỡ cứ tiếp-tục mang ngà voi về cho cha mẹ. Họ cất chòi để ở và người **Yuôn** theo họ đến rất nhiều.

Nhà Vua nghe được tin người **Yuôn** đến ngụ ở biên-giới đông như thế, bèn cho người đi lấy tin và các quan đại-thần hạ lịnh dỡ tất cả nhà cửa và tống-xuất họ đi hết. Nàng con gái khóc biệt với tình-nhân và được tặng nhiều đồ vật trước khi lên đường.

Giờ sang câu chuyện khác.

Vua **Yuôn** lâm trào được các Quan cho biết chính cây **krêk** và 2 viên Tướng là những trở-ngại chánh-yếu cho cuộc xâm-chiếm Champa, nên đã ngỏ ý gả một Công-Chúa cho Chiêm-Vương.

Một viên quan đã tấu-trình về câu chuyện mua bán của 2 cha con ông già nọ, nên mọi người đều cho ý-kiến của Vua là hay cả.

Vua **Yuôn** bèn chọn một Công-Chúa xinh nhất và nói rõ ý-định :

— Hãy ráng tìm đủ mọi cách đốn bỏ cây **krêk**. Nếu thành công ta sẽ nhường lại ngôi báu ».

Nàng Công-Chúa vui nhận sứ-mạng và xuống ghe, đi với 2 tỳ-nữ. Đi được 7 ngày thì đến trạm biên-giới Chàm.

Quân-lính Chàm báo-động, nhưng bên **Yuôn** đã lên tiếng : « Chúng tôi đem Công-Chúa chúng tôi sang Champa ».

Được tâu-trình, Vua Chàm liền sai cận-thần đến nơi rước Công-Chúa về trào. Công-Chúa **Yuôn** đã trang-điểm lộng-lẫy, nhà Vua vừa thấy dung-nhan thì phải lòng ngay và xin cưới. Thế là trâu và heo bị làm thịt không kể xiết để ăn mừng lễ cưới.

Quá đam-mê nàng Công-Chúa **Yuôn**, nhà Vua đã bỏ hết các người vợ trước, không ngó-ngàng tới nữa.

Trước tình-cảnh đó, hai chị em Juk Bang và Juk Bea cố-gắng khuyên-can nhà Vua về với nhiệm-vụ chân-chính, nhưng không ai còn có thể lay-chuyển nhà Vua được nữa.

Hãy tiếp-tục câu chuyện : Hỡi các đàn-ông và đàn-bà, hãy lấy đó mà giữ mình !

Một ngày kia, nàng Công-Chúa **Yuôn** giờ mang tên là **Nai Bia Ut,** bỗng kêu la lâm trọng-bịnh, nhưng không có thuốc thang nào chữa khỏi cả.

Nhà Vua lo-ngại, đến thăm thì Nai Bia Ut nũng-nịu tâu :

« Thưa Chúa-Thượng, thiếp thấy sao lạ quá, không bao giờ thiếp thấy bịnh quá như vầy. Thiếp thấy dường như máu trong mình đã chảy đi cả, và da thịt bị xâu-xé như miếng vải bị kéo qua bụi gai vậy ! »

Các ngự-y, thầy thiên-văn được dời đến tức-tốc.

Thầy thiên-văn lần tay tính tuổi, cung-vận của Nai Bia Ut thì thấy chẳng có chi lạ cả, bèn trình lên Vua sự việc.

Nhà Vua nổi giận, mắng : « Sao ? Các người ngu-đầu dám nói ái-hậu của Ta chẳng đau bịnh gì cả hả ?

Hỡi tất cả, lắng tai mà nghe đây.

Nhà Vua quá mê-muội, chẳng còn nghe ai nói gì nữa cả. Đừng theo gương đó ! Nhà vua mù-quáng đã làm mất Vương-Quốc.

— Ái-hậu đau ở đâu ?

Nai Bia Ut mếu-máo : « Thiếp hồng biết, hình như ở dưới bụng ».

Nhà vua nghiêm mặt :

« Ái-hậu đừng giấu-diếm Ta nữa, Ta sẽ làm mọi cách để Ái-hậu mau mạnh ».

Nai Bia Ut càng nhăn-nhó :

« Trời ơi ! Thiếp như chết cả nửa thân mình rồi, Bệ-Hạ ơi !

Nhà Vua hoảng-hốt :

« Trẫm phải làm sao bây giờ ? »

Nai Bia Ut khóc-lóc :

« Chỉ tại cây **krêk** đó, cây **krêk** đã trù-ếm thiếp. Thiếp sẽ chết, nếu Bệ-Hạ không thương thiếp ! »

Nhà Vua nổi trận lôi-đình :

« Hỡi **krêk**, ta sẽ đốn ngươi, nếu ngươi cứ làm như vậy, để báo đáp lại bao nhiêu dan-dự, kính-trọng mà Ta đã dành cho ngươi ».

Nhà Vua liền triệu các Quan đến và phán :

« Ngày trước, cây **krêk** đã che-chở cho Ta, nhưng nay **krêk** ại bức-bách ái-hậu Ta. Các ngươi hãy nói cho **krêk** rõ, **krêk** sẽ bị đốn ngã, nếu cứ tiếp-tục làm như vậy. Theo tập-tục, các ngươi hãy chuẩn-bị lễ-vật gồm 3 con trâu, một số heo và gà lông trắng, rồi các ngươi làm lễ cúng để báo cho **krêk** rõ quyết-định của Ta ».

Các cận-thần làm y lời Vua và trình với cây **krêk** :

« Xin Ngài đừng làm rộn Chúa-Thượng ».

Cây **krêk** đáp :

« Ta nào có làm chi đâu ? Chúa-Thượng chỉ nghe người đàn-bà **Yuôn** nói láo ».

Các quan vào tấu-trình Vua việc thi-hành lịnh, nhà Vua liền cho Nai Bia Ut hay, và nàng đã giả bộ bịnh vừa được thuyên-giảm. Nhà Vua lấy làm vui mừng. Phải, nàng đã giả bộ mang thai.

Chỉ ba ngày sau, căn bịnh lại tái-phát và lần nầy có mòi trầm-trọng hơn nữa :

« Chỉ có ai muốn cho thiếp chết mới nói rằng thiếp là người đàn-bà hư ».

Nhà Vua nổi giận liền hạ lịnh :

« Quân bây, đốn nó phứt cho rồi đi ! »

Kẻ thuộc-hạ nghe lịnh, nhưng không một ai dám tuân theo.

Hai Công - Chúa Juk Bang và Juk Bea thấy thế cũng than-thở :

— Than ôi ! Anh ta chỉ nghe lời đường mật của người đàn-bà hư ấy, Vương-Quốc sẽ sụp-đổ và các Quan cũng chết mất hết. Phải rồi, một khi cây **krêk** mà ngã xuống rồi, xứ chúng ta sẽ chịu tai-họa tày-trời ».

Hai Công-Chúa vào can riêng Vua anh một lần nữa và chỉ cầu xin đừng động đến cây **krêk** phù-trợ Vương-Quốc ; hai nàng đã sánh người đàn-bà **Yuôn** kia như là ngọn lửa phá-hại.

Nhà Vua phẫn-nộ la lên :

« Sao ? Các em út đồng-thời là thần-dân Ta bây giờ lại dạy Vua, anh cả hay sao ? »

Hai Công-Chúa bỏ chạy trốn, nhà Vua không rượt theo, mà chỉ sai quân hầu-cận đem đến một cây búa :

« Ta sẽ đích-thân đốn cây **krêk** đáng ghét ấy ! »

Nghe Vua nói vậy, một số thuộc-hạ lật-đật mang búa ra đốn hạ cây **krêk** ; từ những vết búa, vọt ra những vòi máu, giết chết hết cả những người đó.

Sau cùng, nhà Vua phải tự cầm búa đốn lấy ; máu tuôn tràn ra, thân **krêk** ngã xuống, rên-rỉ như một con voi. Nhà Vua trở về Cung thấy Nai Ut bỗng-nhiên được mạnh-khỏe như thường, thì mừng lắm và cảm thấy như sẽ sẵn-sàng quên tất cả, vì nàng.

Nai Ut sau đó, biên thư cho cha biết **krêk** đã bị đốn ngã rồi, không còn sợ gì nữa.

Vua cha Nai Ut được tin liền triệu-tập các quan đại-thần, bàn-định kế-hoạch, rồi biên thư báo bịnh, gọi rể và con : « Nếu nhà Vua rể của ta mắc bận, thì ít ra con gái ta phải đến, vì Hoàng Hậu đang cần con gái ta bên cạnh, chỉ cần lưu lại một tháng thôi ! ».

Được tin, Nai Ut càng tỏ ra đau ốm dữ-dội thêm. Nhà Vua Chàm bèn nói : « Vậy thì ái-hậu cứ đi đi, để khi sanh đẻ rồi hãy trở qua cũng được ». Nàng bèn cùng đoàn tùy-tùng xuống thuyền.

Vua **Yuôn** lại triệu-tập các quan, tập-họp binh-đôi và tuyên chiến với người Chàm. Vua Chàm sửng-sốt khi được tin và cũng triệu-tập các quan luận-bàn kế-hoạch đối-phó.

Hãy sang qua chuyện khác.

Chây Nok và Chây Bok vốn đã đi đánh dẹp loạn Chu-Ru v Ko-Ho, đã khóc lên khi hay tin cây **krêk** bị đốn :

« Chúng mình rồi cũng sẽ chết ».

Bước vào sân chầu, yết-kiến Vua, Chây Nok và Chây Bok nhìn thấy cây **krêk** bị đốn ngã, lại khóc rống lên ; nhà Vua thấy được bèn nổi giận và sai quân chém đầu.

Một cuộc xâm-lăng dữ-dội của người **Yuôn** đã xảy ra, nhà Vua đã xuất quân đánh tan cả, nhưng một đoàn quân địch khác tiếp đó lại xuất-hiện càng mạnh hơn nữa. Bị giết bao nhiêu, các đoàn quân **Yuôn** càng đến đông gấp bội.

Một vài Chúa Vùng đã bắt đầu rúng-động, bàn việc xin hàng, nên bị nhà Vua trừng-phạt và hành-quyết tất cả.

Trong lúc nguy-cấp, hai Công-Chúa bèn đến trước Vua, ngỏ ý xin dùng cây **krêk** đã bị đốn ngã từ ba tháng trước để cứu nước : thân cây sẽ cưa làm ván, các nhánh cây sẽ đẻo thành cột buồm, còn gốc rễ thì làm tay lái. Nhận thấy y-kiến khá hay, nhà Vua bèn ra lịnh gọi nhân-công và thợ mộc. Và nhà Vua đã lên trên chiến-thuyền đóng bằng **krêk** nầy để chống giặc. Khỏi cần chèo, tự chiến-thuyền lướt tới cũng đã bằng cả trăm tay chèo rồi. Nhà Vua khiêu-chiến, tức thì quân giặc ra ứng-chiến. Giặc bị tàn-sát quá nhiều, nhưng càng bị giết, giặc càng đến đông thêm lên. Sau cùng người **Yuôn** cho lui binh và cho đắp đập ngang con sông bằng cừ, cột và giây sắt.

Ghe **krêk** đã ngừng lại trước các cột sắt, không chịu tiến tới nữa. Nhà Vua nổi giận đã chặt mũi ghe. Liền khi đó, toàn hải-đoàn Hoàng-Gia Chàm bị chìm hết cả. Nhà Vua đập bể nát mũi ghe, chiếc ghe bị lỗ hổng, nhà Vua phải té xuống nước. Giặc ào-ạt phản-công, tàn-sát quân Chàm một phần lớn, Vua lội được vào bờ bị rượt nà theo.

Sau một lúc đắn-đo, nhà Vua đã chạy trốn bằng cách đi lùi; những dấu chân in trên đất đã đánh lừa được giặc một lúc lâu.

Nhà Vua đã ẩn trốn được trong một hang rắn mối trên cát và con nhện đã đến dệt màn che bít lỗ đi vào.

Giặc tìm kiếm khắp nơi không có, vì bị dấu chân đánh lừa, vừa tính rút quân, thì một con rắn mối ác-ôn bỗng kêu lên một tiếng. Giặc nghe được, tưởng là tiếng rên-siết bèn cùng nhau bới cát lên thì bắt gặp Vua Chàm.

Giặc đã nắm cổ Vua lện và chém đầu.

Chiếc đầu rơi xuống đã bảo thân mình còn lại chạy về Hoàng-Cung, để rồi đầu sẽ đến họp nhau sau. Thân mình bèn lên đường.

Nhưng thương thay! Đám trẻ chăn trâu trông thấy cảnh lạ-lùng từ xa, rủ nhau chạy lại gần rồi reo lên: « Trời ơi! Mình không đầu mà cũng đi được nè! »

Chiếc thân nghe nói thì bị ngã tại chỗ và máu vọt ra, giết hết tất cả đám trẻ. Chiếc thân nằm đó và bắt đầu sình thúi.

Mặt khác, cái đầu đã về được đến Hoàng-Cung và lên tiếng gọi các cung-nữ. Quen tiếng, các cung-nữ lật-đật chạy đến nhưng gặp cái đầu không có mình, các cung-nữ hoảng sợ chạy trốn cả. Cái đầu xấu-hổ, bèn quay lại phía giặc để cho quân-sĩ đem nạp Vua của họ.

Nai Ut đã được gọi đến để nhận-diện. Cái đầu bèn nói với Vua **Yuôn** : « Xin cứ chặt đầu nầy làm đôi đi ; như vậy, sẽ không còn ai xem thường Vương-Quốc của Ngài ». Vua **Yuôn** quay sang Nai Ut phán : « Đúng là ông Hoàng nầy đã có một sức mạnh vô-địch ».

Chúng tôi viết nên quyển sách nầy để nhớ lại những cái không may của nước chúng tôi cùng sự ngu-xuẩn theo lời đường mật của đàn-bà con gái. Trong mai-hậu, đừng có nghe họ nữa ! »

Qua câu chuyện về cây **krêk** kể trên, người ta thấy có nhiều chi-tiết khác biệt trong câu chuyện giữa người Chàm lưu lại miền Trung và những người Chàm ly-hương tại Châu-Đốc và Cam-Bốt, nhưng về đại-cương, câu chuyện vẫn giữ một tinh-thần chung, hối-tiếc một lỡ-lầm cùng đau thương cho một gốc-nguồn và cơ-đồ dân-tộc.

Từ những ngày chân ướt chân ráo đi ẩn-náu tránh giặc, những người Chàm định-cư ở Châu-Đốc, Tây-Ninh và Cam-Bốt lần hồi cũng tụ-họp lại thành những thôn-ấp, tiếp nối cuộc sống truyền thống, trong sự bảo-tồn phong-tục tập-quán Chàm.

Mặc dầu phải sống trong khung-cảnh xa-lạ, thiếu những di-tích lịch-sử hiển-hiện trước mặt do tiền-nhân lưu lại, những người ra đi lại được may-mắn hơn những người ở lại, nhờ không phải chịu những ràng-buộc khắt-khe của những biện-pháp Việt-hóa do triều-đình Huế ban-hành.

Ngoài ra, sự hiện-diện của một vài nhân-vật trong Hoàng tộc, cùng trải qua những gian-khổ lưu-vong, đã duy-trì được một phần nào sắc-thái cố-hữu của dân-tộc Chàm, nhắc-nhở mọi người quay hướng về những giềng-mối lãnh-đạo giống-giòng.

Ở đây, người ta không tìm được một Biên-Niên-Sử tương tợ như ở Phan-Rang, Phan-Rí ; người ta chỉ hay kể cho nhau nghe những chiến-công hiển-hách của một vài Tướng-Soái hữu công — như Ông Brâm chẳng hạn « sức mạnh có thể chuyển núi dời non » — những chuyện giặc tàn-sát « con nít bị xỏ-xâu, bỏ vào cối mà quết » v.v...

Chính qua những câu chuyện lý-kỳ kể trên, người ta nhắc đến tên các Trào Vua Chàm, nhưng Vua nào trước, Vua nào sau, thì chỉ có thể dựa vào hay là liên-hệ thân-tộc của các vị Vua hay đúng hơn là chỉ có thể dựa vào trí nhớ của các cụ già, nhứt là các cụ già thuộc giòng Hoàng-tộc.

Nhờ vậy, người ta lập ra được ba bảng-kê các Triều Vua Chàm.

Bảng A và B do **Pô Ku**, giòng Vua Pô Chơn, ngụ tại một làng Chàm ở Chuk-Sa tỉnh Lô-vêk (Cam-Bốt).

Bảng C do **Snê-ha No-rês**, một Tu-sĩ Chàm Hồi-Giáo nổi danh, được nhiều người kính-nể do cuộc sống tu-hành tại một ngọn núi gần Oudong và trước đã được Hoàng-Thái-Hậu Cam-Bốt chẹ-chở.

Bảng - Kê các Triều Vua Chàm

(BẢNG A)

1 — Nur-sa-vanh trị-vì tại Băl Sruh-băl-lai, vợ tên Bia A-ra-yah với các cận-thần : Pa-gin-đa A-li, Pan A-li, Bu-ba-kar, U-mar, Os-man.

2 — Sa-nim-par, con Nur-sa-vanh.

3 — Pô Panh, con của Sa-nim-par.

4 — Pô Pa-ru-mi, con của Sa-nim-par.

5 — Pô Ma-ha Ra-ja.

6 — Pô Thi-ra-ya Ja-tăm-poh, con của Ma-ha Ra-ja.

7 — Pô Klong Ba-ra-hun, con của Pô Thi-ra-ya.

8 — Pô Nrop, con của Pô Klong Ba-ra-hun.

9 — Pô Jum Pa-rang, con của Pô Nrop.

10 — Pô Ti-rai, con của Pô Jum Pa-rang.

11 — Pô Chik-kok, con của Pô Ti-rai.

12 — Pô Đa-mưn, con của Pô Chik-kok.

13 — Pô Bak, con của Pô Đa-mưn.

Hai vị sau cùng là Ja In, Ja Bai, theo tập-tục, đã trị-vì khi người Chàm rời bỏ Cam-Bốt nhường chỗ cho người Khơ-Me từ Miến-Điện sang.

Bảng - Kê các Triều Vua Chàm

(BẢNG B)

Trị-vì tại Băl Sruh-băl-lai

1 — Pô Sa-nim-par.

2 — Pô Panh.

3 — Pô Ma-ha Ra-Jăk.

4 — Pô Su-rya Ja-ta-mưh.

5 — Pô Klong Ga-hul.

6 — Pô Jum Pang-rang.

7 — Pô Phinh đi-suôr.

8 — Pô In đi-rai.

9 — Pô Phinh đi-săk.

Trị-vì tại Chơk Đa-ning Kruk

10 — Pô Nit.

11 — Pô Nrop.

12 — Pô Klong Ta-rai.

13 — Pô Rat Ta-lang.

14 — Pô Vat La-Kau.

15 — Pô Chơk Tăk.

16 — Pô A-ru.

Pô A-ru đã trị-vì Vương-Quốc-Chàm nhân-danh Vua **Yuôn** và đã được triệu đến Triều-đình Huế rồi xử phạt lưu lại ở đấy.

Được tin trên, người Chàm đã nổi dậy, cho đến khi Pô A-ru được đưa trở về, mới êm.

Nhưng chỉ một năm sau, Pô A-ru lại bị bắt đồng-thời với các Chúa Chàm khác, nhiều người bị đi đày.

Vợ của Pô A-ru là Nai Lêt cùng với 2 em là Nai Tit và Nai Tong được đưa đến Pursat trên đất Cam-Bốt.

Vào năm Tí, người Khơ-Me nổi dậy, cả 3 Công-Chúa trên được đưa về Champa, trong khi đã có Nai Khan-va đang trị nước với sự phù trợ của một viên quan Việt-Nam.

Sau Pô A-ru :

— Pô Yang Pu-tih.

— Pô Ti-Kai (con của Pô Rat).

— Pô Chơn hay Pô Chơk-kok.

— Pô Nong, mất vào khoảng năm 1845.

— Pô Tih, mất lối 1870.

Và sau cùng là Pô Ku, sanh năm 1840, người đã cung-cấp cho E. Aymonier tài-liệu kể trên.

Bảng-Kê các Triều Vua Chàm

(BẢNG C)

1 — Pô Panh.
2 — Pô Sa-nim-par.
3 — Pô Pur-mi.
4 — Pô Bia đa-lih bùm.
5 — Pô Ma-ha Ra-jăk.
6 — Pô Su-rya Ja-ta-muh.
7 — Pô Nit.
8 — Pô Jum Pa-rang.
9 — Pô Phinh Đi-săk.
10 — Pô Phinh Đi-suôr.
11 — Pô Nrop.
12 — Pô A-đea.
13 — Pô Ka-sang.

Pô Ra-ta-lang em một mẹ với Po Chơk-kok đã trị-vì tại Băl Cha-nar ở Pa-rik Pa-Rang.

Pô Chơk-kok anh của Pô Chơn đã sang Cam-Bốt, có ngừng lại ở Bon Pang, để đợi người liên-lạc với Vua Cam-Bốt.

Vua Cam-Bốt đã cho viên quan Bi-muk Vong-Sa đến tận nơi tiếp đón người Chàm và đã cho đưa từng nhóm đến định-cư tại Pou Praah En, Sêh Sambuôr, Krêkor, Roka Ba Pram thuộc tỉnh Thbông Khmum.

Đối với người Chàm Châu-Đốc, Tây-Ninh và Cam-Bốt, danh-hiệu các Triều Vua trong 3 bảng-kê trên, tượng-trưng một cách giản-dị cho gốc-nguồn, cho lịch-sử đấu-tranh của dân-tộc (của nhóm có lẽ đúng hơn). Người ta chỉ biết rằng nó thuộc về dĩ-vãng ở một ngày xa xưa, nhưng thời-gian ở đây bất-định và chỉ có những tên Vua hữu-công mới nổi-bật lên, khắc ghi trong lòng dân-chúng.

Một vài tên Vua trùng-hợp với Biên-Niên-Sử tìm được ở Phan-Rang, nhưng phần lớn thì đều khác lạ.

Người ta nhớ rằng toàn-thể người Chàm Châu-Đốc, Tây-Ninh và Cam-Bốt đều là tính-đồ Hồi-Giáo (Islam) và cho đến ngày nay sinh-hoạt tôn-giáo vẫn duy-trì liên-hệ thường-xuyên với Trung-Tâm Hồi-Giáo ở Thánh-Địa Mecca (Arabie Séoudite), cho nên trong bảng-kê người ta nhận thấy một vài danh-hiệu Hồi-Giáo.

- **Người dân Chàm hiện sống ở đâu ?**
- **Liên-hệ giữa Xưa và Nay ra sao ?**
- **Xã-hội Chàm đã và đang phát-triển theo chiều hướng nào ?**

Xin đón xem quyển :

PHONG-TỤC CHÀM

Sắp xuất-bản nay mai

Mục - Lục

Trang

Lời tựa của Giáo-Sư Nghiêm-Thầm 7
Mở đầu 9

CHƯƠNG THỨ NHỨT

CHAMPA VÀ DÂN-TỘC CHÀM

Lãnh-địa Chàm 11
Giòng-giống Chàm 16
Xã-hội Chàm 21

CHƯƠNG THỨ HAI

NGƯỜI CHÀM LẬP-QUỐC

Lâm-Ấp 27
Çri Mara — Vi Krântavarman II 29

CHƯƠNG THỨ BA

TỪ TRIỀU-ĐẠI PÂNDURANGA ĐẾN TRIỀU-ĐẠI INDRAPURA

Triều-Đại Pânduranga 42
Triều-Đại Indrapura 45

CHƯƠNG THỨ TƯ

VƯƠNG-QUỐC CHÀM TỪ ĐẦU THẾ-KỶ 11 ĐẾN GIỮA THẾ-KỶ 12

1000 — 1074 52
1074 — 1113 56
1113 — 1117 58

CHƯƠNG THỨ NĂM

VƯƠNG-QUỐC CHÀM TỪ CUỐI THẾ-KỶ 12 ĐẾN CUỐI THẾ-KỶ 13

Cuộc chiến Cam-Bốt — Champa 64
Quân Mông-Cổ xâm-lăng Champa 70
Việc cưới Huyền-Trân, Công-Chúa Đại-Việt 74

CHƯƠNG THỨ SÁU

VƯƠNG-QUỐC CHÀM TỪ 1307 ĐẾN KHI RỜI BỎ THÀNH VIJAYA, 1471 TÂY-LỊCH

1307 – 1342 78

Uy-danh Chế-Bồng-Nga 87

1390 – 1471. 89

CHƯƠNG THỨ BẢY

GIAI-ĐOẠN SAU CÙNG CỦA QUỐC-VƯƠNG CHÀM

147[illegible] – 1543 98

1543 – 1653 101

1653 – 822 103

Từ 1822 về sau 109

ĐOẠN - KẾT 113

PHỤ LỤC

TIẾNG NÓI CỦA NGƯỜI CHÀM TRONG LỊCH - SỬ CHAMPA 117

Sách tham - khảo

E. AYMONIER, **Les Tchames et leurs religions,** *Paris, E. Leroux, 1891.*

A. CABATON, **Nouvelles recherches sur les Chams,** *Paris, E. Leroux, 1901.*

H. PARMENTIER, **Inventaire descriptif des monuments cams de l'Annam,** *Paris, E. Leroux, 1909.*

J. LEUBA, **Un Royaume disparu Les Chams et leur art,** *Paris et Bruxelles, G. Van Oest, 1923.*

G. COEDES et H. PARMENTIER, **Listes générales des Inscriptions et des Monuments du Champa et du Cambodge,** *Hanoi, IDEO, 1923.*

G. MASPERO, **Le Royaume de Champa,** *Paris et Bruxelles, G. Van Oest 1928.*

J. Y. CLAEYS, **Introduction à l'étude de l'Annam et du Champa,** *Hanôi, Imp. d'E.O. 1934.*

G. COEDES, **Histoire ancienne des Etats hindouisés d'Extrême - Orient,** *Hanoi, IDEO, 1944.*

LÊ-THÀNH-KHÔI, **Le Viêtnam, Histoire et Civilisation,** *Paris, 1950.*

P. HUARD et M. DURAND, **Connaissance du Vietnam,** *Hanoi, 1954.*

J. BOISSELIER, **La Statuaire du Champa,** *Paris, E.F.E.O., 1963.*

Frank M. LEBAR, Gerald C. HICKEY, John K. MUSGRAVE : **Ethnic groups of mainland Southeast Asia,** *New Haven, Human Relations Area Files Press, 1964.*

MỘT SỐ BÀI KHẢO-LUẬN ĐĂNG TRONG CÁC TẬP :

— *Bulletins de l'Ecole Française d'Extrême-Orient.*

— *Excursions et Reconnaissances.*

— *Bulletins de la Société des Etudes Indochinoises v. v...*

الجمعية الشامية الاسلامية البيتنامية

Ban Quản-Trị Trung-Ương

Hiệp-Hội Chàm Hồi-Giáo Việt-Nam

Niên - khóa 1965 — 1966

1— *Cố-vấn đoàn :*

— **Tuan Hakim Haji Mơ-Ly**
— **Haji Ahmad**
— **Haji Muhamad-Saleh**
— **Nguyên-Giàu** tự **Ahmad**
— **Pilal Masalès**
— **Danh-Ysa** tự **Abdol-Gofôr**
— **Jabbar**

2.— *Ban chấp-hành :*

Chủ-Tịch	:	**Ly-Ossamaine**
Phó Chủ-Tịch	:	**Danh Samaël**
Tổng Thơ-Ký	:	**Jacob**
Thủ-Quỹ	:	**Abdol-Katia**
Phụ-tá Thủ-Quỹ	:	**Mách-Ly**
Ủy-viên Giáo-lý	:	**Abdolloh**
Phụ-tá Giáo-lý	:	**Mohamad-Youssôf**
Ủy-viên Xã-Hội	:	**Châu-văn-Hà** tự **Hariff**
Phụ-tá Xã-Hội	:	**Haji Abdorrohmang**

HIỆP - HỘI CHÀM HỒI - GIÁO VIỆT - NAM

thành-lập do Nghị-Định số 490/NV-KS ngày 10-8-61 của Bộ Nội-Vụ.

Số 23 TK 10, Bến Chương-Dương — SAIGON

✱ **MỤC - ĐÍCH và TÔN - CHỈ :**

— duy-trì và phát-huy giữa người Chàm Hồi-Giáo, tinh-thần đạo-đức, trong lề-lối sinh-hoạt, theo tập-quán cổ-truyền quy-định trong Thánh-Kinh **Curan**.

— giúp phương-tiện cho người Chàm Hồi-Giáo thực-hiện Hội-Giáo-điều nhân dịp Hôn Tang Tế.

✱ **H.H.C.H.G.V.N. có đặt các Chi-Hội tại :**

- CHÂU-ĐỐC
- SAIGON
- NINH-THUẬN
- TÂY-NINH

DÂN - TỘC CHÀM, LƯỢC - SỬ
CỦA DOHAMIDE VÀ DOROHIEM, IN XONG NGÀY 10-12-65 TẠI NHÀ IN LÊ - VĂN - PHƯỚC 72, PHÁT - DIỆM SAIGON, NGOÀI 3000 BẢN THƯỜNG CÒN CÓ 200 BẢN ĐẶC-BIỆT CÓ CHỮ KÝ CỦA TÁC-GIẢ KHÔNG BÁN.

GIẤY PHÉP SỐ : 3295/BTT/BC3/XB
NGÀY 9-8-1965

Từ kho sách xưa của Quán Ven Đường

Tác-giả xuất-bản và giữ bản-quyền.

Đại-Biểu Chàm Hồi-Giáo Việt-Nam (Ông Dohamide) đang phát-biểu ý-kiến tại Hội-nghị các nước Hồi-Giáo Đông-Nam-Á và Viễn-Đông, họp tại Kuala Lumpur (Mã-Lai-Á) hồi tháng 2 năm 1964.

Tiếp-nối con đường quay về gốc-nguồn, tác-giả sẽ lần - lượt xuất - bản :

- Phong-tục Chàm.
- Chuyện cổ-tích Chàm.
- Văn-minh Chàm.
- Tự-điển Chàm-Việt
- Tự-điển Việt-Chàm.
- Vấn-đề Dân-tộc thiểu-số tại Việt-Nam.

الجمعية الشامية الاسلامية البيتنامية

HIỆP - HỘI CHÀM HỒI - GIÁO VIỆT - NAM
Số 23 TK 10, Bến Chương-Dương — SAIGON

GIÁ : 100 $
T. P / C. N } 110 $

Nhà Sách KHAI-TRÍ
62, Lê-Lợi SAIGON